

## **Lời nói đầu**

*Đồng Nai mảnh đất miền Đông gian lao mà anh dũng, vùng đất địa linh nhân kiệt đã sản sinh ra những người con ưu tú nhất cho dù khi đã mất thì âm vang của họ vẫn còn vang vọng mãi trong lòng non sông, dân tộc Việt Nam, trở thành tấm gương soi đường cho các thế hệ trẻ mai sau.*

*Đồng Nai, một tỉnh với truyền thống miền Đông gian lao mà anh dũng nằm trong trục tam giác có ý nghĩa chiến lược Sài Gòn - Biên Hòa - Vũng Tàu, là cửa ngõ phía đông và đông nam thành phố Hồ Chí Minh.*

*Do vị trí quan trọng đó nên suốt 30 năm chiến tranh (1945 - 1975), chiến trường Đồng Nai là nơi diễn ra cuộc đấu tranh toàn diện và liên tục giằng co, quyết liệt giữa ta và địch.*

*Thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, Quân ủy Miền và của Khu ủy; được sự chi viện của Trung ương, sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của các tỉnh bạn, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ.*

*Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, từ hai bàn tay không, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ hy sinh, làm nên những chiến công chói lọi như La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá... góp phần xây dựng và bảo vệ Chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạn vỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc.*

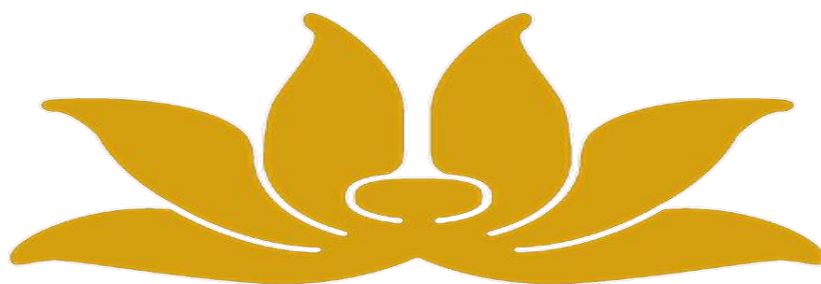
*Trong kháng chiến chống Mỹ, kẻ thù quyết tâm biến Đồng Nai thành hậu phương an toàn của chúng. Quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu, ngụy quân, ngụy quyền đã sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc và phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ác liệt phong trào cách mạng hồng tiêu diệt và đánh bặc lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn Đồng Nai. Các cấp ủy Đảng địa phương, cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang tại chỗ được sự hỗ trợ của các đơn vị chủ lực Quân khu và Miền, đã dựa hẳn vào nhân dân, cùng nhân dân kiên cường bám trụ, liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đánh sâu, đánh hiểm vào cơ quan đầu não, hậu cứ, kho tàng của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững địa bàn, căn cứ, mở hành lang chiến lược tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn.*

*Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân tỉnh ta đã phối hợp*

*nhịp nhàng với quân dân Sài Gòn - Gia Định, với cả miền Nam, cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.*

*Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt chiều dài chiến đấu ngoan cường, và đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu. Để giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh cách mạng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân nhất là thanh niên, động viên toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp nối truyền thống của các thế hệ cha ông, tuổi trẻ Đồng Nai đang hàng ngày học tập và làm theo tấm gương của các vị anh hùng dân tộc, nguyện xứng đáng với tinh thần cách mạng vì nước, vì dân của các bậc tiền nhân.*

*Xin chân thành cảm ơn Ban tổ chức Hội thi tìm hiểu giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai đã tổ chức cuộc thi ý nghĩa để các thế hệ trẻ tỉnh Đồng Nai nói chung và riêng cá nhân tôi có thêm một cơ hội thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, một lần được biết và tìm hiểu thêm về “Hào khí đất Đồng Nai”.*



**Câu 1:** Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, Nhân dân Đồng Nai đã trải qua những cuộc kháng chiến nào? Hãy trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của Nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai?

## **CHƯƠNG MỞ ĐẦU: ĐỒNG NAI – ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI**

Theo Quốc lộ số 1 từ Nam ra Bắc, vừa ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh, chúng ta gặp một vùng đất đỏ có cảnh sắc tươi đẹp. Trước mắt chúng ta hiện ra một bức tranh có sự tương phản giữa màu đỏ của màu đất, màu vàng chói của nắng, màu xanh trù phú tươi mát của nhiều loại trái cây, màu trong xanh của một dòng sông lấp lánh dưới ánh mặt trời... Bức tranh thiên nhiên ấy là miền đất Đồng Nai, mà từ lâu đã trở nên thân thuộc qua những câu hò mời mọc thiết tha.

*“Nhà Bè nước chảy chia hai, Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”*

Đồng Nai - một dải đất nằm ven sông Đồng Nai thuộc phần đất của dinh Trấn Biên do nhà Nguyễn lập ra 1698. Đến đời Minh Mạng (1832), dinh Trấn Biên được đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp chia tỉnh Biên Hòa thành ba tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Thực dân Pháp vẫn giữ sự phân chia ấy cho đến khi ký kết Hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1954. Đến thời kỳ Mỹ ngụy, năm 1957, hai tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa được chia thành bốn tỉnh: Biên Hòa, Phước Tuy, Long Khánh, Phước Long. Năm 1959, địch tổ chức thêm tỉnh Phước Thành, nhưng đến năm 1965 thì giải thể.

Về phía ta, trong chống Pháp, do yêu cầu chỉ đạo chiến trường, tháng 5/1951, tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên; Bà Rịa và Chợ Lớn hợp thành tỉnh Bà Chợ. Trong thời chống Mỹ, các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh khi tách ra khi nhập lại hình thành các tỉnh với tên gọi: Thủ Biên, Bà Rịa - Long Khánh, Bà Biên, U1, Phân khu 4, Phân khu Bà Rịa, Phân khu Thủ Biên, Tân Phú.

Đồng Nai có nhiều lần thay đổi phạm vi lãnh thổ và tên gọi như trên, nhưng vẫn là một chiến trường thống nhất, một trọng điểm của Quân khu và Miền, một địa bàn, một hướng chiến lược quan trọng về phía đông và đông bắc Sài Gòn.

Đồng Nai vùng đất tiếp giáp giữa cực nam Trung Bộ và Nam Bộ, nối liền phần cuối dãy Trường Sơn với đồng bằng sông Cửu Long. Phía bắc Đồng Nai giáp với tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp biển Đông và đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, phía đông giáp tỉnh Sông Bé và thành phố Hồ Chí Minh.

Vùng đồi núi cao (100-800m) chiếm 1/3 diện tích toàn tỉnh có nhiều ngọn núi như núi Chứa Chan (837m), núi Mây Tàu (543m), núi Dinh (476m)... Xa

xưa, một số vùng ở đây là núi lửa. Nhưng cách đây rất lâu, nó đã trở thành một vùng cao nguyên đất đỏ ba gian. Đất đai nơi đây xốp và màu mỡ rất thích hợp với các loại cây: cao su, hồ tiêu, cà phê, khoai, bắp và các loại đậu. Đồng Nai hiện nay là một khu vực trọng điểm của ngành cao su.

Vùng đồi núi thoải (50-100m) nằm ở giữa tỉnh chiếm 1/3 diện tích, là vùng đất đã được khai phá từ lâu đời để trồng cao su, lúa và hoa màu.

Tiếp nối với hai vùng đồi núi rộng lớn là vùng đồng bằng và thung lũng có xen lẫn những đồi gò thấp, nằm trải nghiêng về phía biển Đông. Đây là vùng đất phù sa mới với khoảng 51.000 ha tạo nên vùng trọng điểm lúa Long Thành. Dải đất nằm ven sông Đồng Nai, từ Vĩnh Cửu tới Phú Hội từ hơn 200 năm trước đã nổi tiếng về cây ăn quả: bưởi, xoài, vú sữa, chôm chôm, sầu riêng, mít tố nữ, cau.

Đồng Nai có một mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt trong đó có các con sông lớn: Sông Đồng Nai, sông Ray, sông Thị Vải, sông Lòng Tàu, sông Dinh, đây là một nguồn cung cấp năng lượng thủy điện lớn: 975.000 kw. Sông Đồng Nai là con sông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (với nhiều phụ lưu như sông La Ngà, Sông Bé, sông Sài Gòn và Sông Vàm Cỏ) đoạn chạy qua Đồng Nai dài 290 km.

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, sáu tháng mùa khô và sáu tháng mùa mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình hàng năm 1.700 mm. Về mùa này thường có những cơn mưa dông, mưa rào xối xả như trúc nước, rồi lại tạnh ngay. Đồng Nai ít khi bị lụt. Từ đầu thế kỷ 20 chỉ có một trận lụt gây thiệt hại lớn (năm Nhâm Thìn - 10 -1952). Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4. Về mùa này hầu như không có mưa, buổi trưa trời thường rất nóng, nhưng về chiều tối lại dịu mát và có khi se lạnh vào những đêm cuối tháng mười hai đến đầu tháng giêng (dương lịch). So với nhiều miền đất khác trong nước, khí hậu Đồng Nai tương đối thuận hòa.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược, từ thời Pháp đến thời Mỹ, mảnh đất Đồng Nai - với vị trí chiến lược của nó - đã có những biến đổi rõ rệt so với nhiều tỉnh khác ở miền Nam. Đồng Nai là tỉnh duy nhất ở miền Nam có khu công nghiệp lớn hiện đại - Khu công nghiệp Biên Hòa, khu công nghiệp này được hình thành và phát triển mạnh từ năm 1965, chủ yếu làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Sau giải phóng, chính quyền nhân dân đã tiếp tục phát triển khu công nghiệp này. Các sản phẩm công nghiệp của Biên Hòa chiếm một vị trí quan trọng trong sản xuất và đời sống của nhân dân.

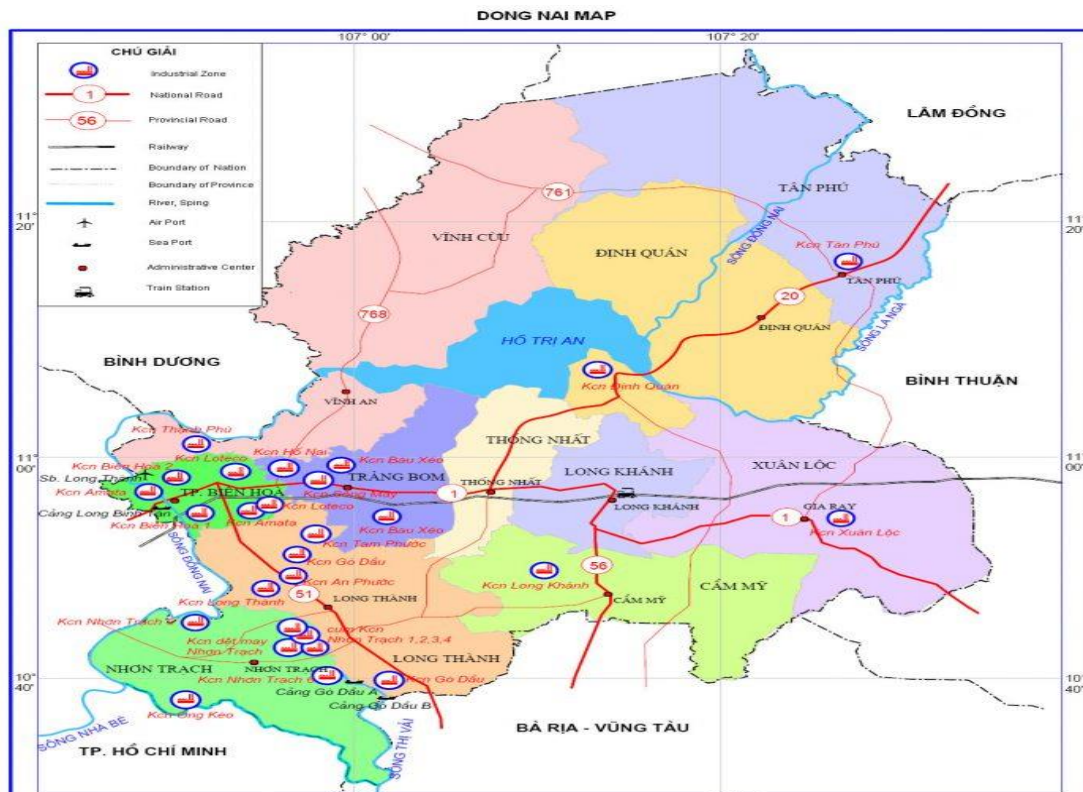
Về giao thông, ngoài hệ thống đường biển, đường sông, Đồng Nai có một mạng lưới đường bộ dày đặc. Bên cạnh đường bộ, Đồng Nai còn có một hệ thống đường không. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp xây dựng một sân bay tại Biên Hòa. Khi Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, Mỹ đã mở rộng và hiện đại hóa thành sân bay quân sự lớn nhất ở Miền Nam. Ngoài ra, chúng còn xây dựng 18 sân bay dã chiến khác. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một tuyến

đường sắt Thống Nhất nhanh chóng được xây dựng lại; Đồng Nai có thêm 90 km đường sắt chạy xuyên qua tỉnh.

Dân số Đồng Nai hiện nay khoảng trên 1.600.000 người thuộc nhiều dân tộc khác nhau qui tụ lại. Người Việt chiếm 92,8%. Một số dân tộc Chơ-ro, Mạ, Xtiêng, Kơ-ho, Tày, Nùng, Thái, Dao. sống ở vùng đồi núi với những phong tục riêng biệt. Đồng Nai có nhiều tôn giáo: Đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Ixlam (đạo Hồi).

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số tỉnh Đồng Nai có 2.483.211 người; trong đó có 1.232.182 nam, 1.252.029 nữ. Như vậy, tỉnh Đồng Nai có dân số đông hàng thứ 5 của Việt Nam, đứng hàng thứ hai trong số các tỉnh thành miền Đông Nam bộ. Mật độ dân số theo tỉ lệ 421 người/ km<sup>2</sup>. Có trên 30 thành phần dân tộc sinh sống.

Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế, Đồng Nai được coi như là “bản lề chiến lược” giữa bốn vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.



Bản đồ tỉnh Đồng Nai

## CHƯƠNG II. NHỮNG TRANG SỬ VÀNG CHỐNG NGOẠI XÂM

### CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN I

#### 1. Các cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước

Ngày 31-8-1858, chiến thuyền của Rigault de Grenouilly nã súng vào Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược chính thức nước ta. Gặp sức kháng cự quyết liệt của quân triều đình, binh lính bị dịch tả, sốt rét chết nhiều, thực dân phải chuyển hướng tấn công vào Gia Định. Ngày 4-2-1859, De Grenouilly tập trung 2.000 quân Pháp và Tây Ban Nha ở Vũng Tàu. Ngày hôm sau, quân Pháp từ biển tiến công đồn Phúc Thắng (núi Ghềnh Rái, Biên Hòa), vị trí tiền tiêu của Gia Định. Các ngày sau, chúng lần lượt hạ các đồn khác như Lương Thiện (vùng thuộc Phú Mỹ).

Trong khi quân triều đình ở Gia Định do Tôn Thất Hiệp "án binh bất động", quân Trương Định đã tung ra đánh du kích trong nội ngoại vi thành Gia Định.

Ngày 4-2-1861, sau khi kết thúc chiến tranh với Trung Quốc, liên quân Pháp và Tây Ban Nha (500 quân) do tướng Charner chỉ huy tiến công đồn Chí Hòa do Nguyễn Tri Phương chỉ huy. Chỉ trong một ngày, đại đồn Chí Hòa bị đánh chiếm. Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hòa để phòng thủ.

Tháng 1-1861, Bonard, chuẩn đô đốc, thay Charner đến Sài Gòn tuyên bố: "Chúng ta sẽ tiến công Biên Hòa, nếu cần sẽ tiến công Huế".

Tỉnh Biên Hòa lúc này bao gồm cả tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương ngày nay. Tỉnh thành Biên Hòa do tuần phủ Nguyễn Đức Hoan phụ trách, có khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi, được vua Tự Đức phái vào tiếp viện phòng thủ Biên Hòa sau khi Nguyễn Tri Phương bị thương<sup>(1)</sup> phụ trách. Từ Sài Gòn lên Biên Hòa có hai đường thủy và bộ. Trên đường bộ có hai đồn án ngữ là Mỹ Hòa và Gò Công Trao Trảo (nay thuộc địa phận phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Mỹ Hòa cách Biên Hòa 8 km có khoảng gần 3.000 quân đóng giữ. Sông Đồng Nai đã bị ngăn bởi một kè đá và 9 vật cản bằng gỗ rất chắc. Ngoài ra, hai bên bờ sông còn được bố trí nhiều đồn nhỏ để hỗ trợ lẫn nhau.

Ngày 13-12-1861, tướng Bonard, chỉ huy trưởng quân Pháp ở Sài Gòn đã ký huân lệnh về kế hoạch đánh chiếm Biên Hòa. Theo huân lệnh này, lực lượng đánh chiếm Biên Hòa gồm đại đội khinh binh, do đại tá Foucault chỉ huy; đạo quân trừ bị gồm 300 lính thủy quân lục chiến, 100 quân Tây Ban Nha và hai đại bác do đại tá Domenech Diego chỉ huy, đạo quân thứ ba gồm hạm thuyền (2 hạm thuyền) và lực lượng đồ bộ do thiếu tá Lebris chỉ huy. Trong kế hoạch, địch chia làm ba bước, trong đó có việc đánh chiếm Bến Gỗ để làm bàn đạp tiến quân về Biên Hòa.

---

<sup>1</sup> Nguyễn Bá Nghi kháng cự không nổi, nên nghị hòa với Charner, nhưng Pháp vẫn tiến công Biên Hòa.

Ngày 14-12-1861, quân Pháp tiến đánh tỉnh Biên Hòa bằng cả đường bộ và đường thủy. 7 giờ 30 cùng ngày, Gò Công Trao Trảo rơi vào tay giặc (đại tá Comte chỉ huy). Ngày 15-12-1861, quân Pháp do Comte và Diego tiến lên đồn Mỹ Hòa, quân triều đình rút chạy. Trên đường sông Đồng Nai, hai cánh quân do Lebris và Harel chỉ huy gặp sự chống trả khá quyết liệt của quân triều đình. Tàu Alarme trúng 54 phát thần công, gãy cả cột buồm. Phá được cản, quân Pháp tiến đánh phá các pháo đài ven sông, quân triều đình chống trả đến giữa đêm thì rút chạy.

Sáng ngày 17-12-1861, quân thủy bộ của Pháp đã đến trước tỉnh thành Biên Hòa. Địch thân đô đốc Bonard theo chiến hạm Ondine chỉ huy trận tấn công. Chỉ sau ba loạt đạn pháo bắn rất quyết liệt, tuần phủ Nguyễn Đức Hoan và án sát Lê Khai Cẩn đã bỏ thành rút chạy, khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi mang quân chạy ra Bình Thuận.

Trong báo cáo gửi Bộ trưởng Quốc phòng Pháp, Chuẩn đô đốc Bonard viết: "Triệt phá cứ điểm Biên Hòa cách Sài Gòn 3 dặm, chiếm được 3 lũy phòng ngự, làm nổ tung một đồn khác. Binh lính của Tự Đức rút toàn bộ ra khỏi tỉnh Biên Hòa, nhưng lo sợ con đường ra Huế bị cắt đứt, đã rút chạy lộn xộn vào núi, bỏ lại tất cả các đồn lũy, đốt hết kho tàng. Quân Pháp thu được 48 khẩu đại bác, một kho gỗ quý và 15 chiến thuyền của quân triều đình Huế, trong đó có 10 chiếc trọng tải 200 tấn nô..." (PGS Nguyễn Phan Quang dẫn - Hội thảo Biên Hòa 300 năm tháng 6-1997).

Như vậy chỉ sau 4 ngày, chỉ với 1.000 quân, thực dân Pháp đã dễ dàng chiếm lấy tỉnh thành Biên Hòa, trong lúc quan quân triều đình nhà Nguyễn ở Biên Hòa có đến 15.000 quân phòng giữ. Và đến 7-1-1862, Pháp chiếm được Bà Rịa. Trên thực tế, Pháp chỉ chiếm đóng được ở các tỉnh lỵ Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Vũng Tàu. Nhân dân gần chỗ Pháp đóng quân ở Bình An, Nghĩa An, Long Thành đã bỏ đi đến 74 thôn (bằng 1/3 tổng số làng xã lúc đó). Số quân của triều đình còn lại ở Biên Hòa do Hiệp tán quân vụ Thân Văn Nhiếp và Khâm phái quân vụ Nguyễn Túc Trưng theo lệnh triều đình rút về Tân Hòa để hiệp cùng quân Trương Định. Nhưng do Túc Trưng sợ giặc không dám mở rộng chiến đấu ngoài Tân Hòa, nên Trương Định đưa nghĩa quân ra hoạt động vượt khỏi căn cứ.

Tháng 2 Nhâm Tuất 1862, thế lực của nghĩa quân Trương Định phát triển mạnh và được nhân dân Biên Hòa, miền Đông ủng hộ tích cực. Một số văn thân ở Biên Hòa như Tri phủ Phước Tuy Nguyễn Thành Ý, Tùý phái Phan Trung, mỗi người đã mộ được 2.000 quân kéo đến hợp tác với nghĩa quân Trương Định. Đỗ Trình Thụy, nguyên là tri huyện Long Thành đã bị triều đình cách chức, mộ được 300 nghĩa quân, cùng nghĩa quân Trương Định tấn công đồn Thuận Tắc (Gò Công). Ông và 18 nghĩa quân đã hy sinh tại mặt trận. Ngày 5-6-1862, triều đình Huế nhu nhược đã ký hòa ước Nhâm Tuất nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông (Biên Hòa-Gia Định-Định Tường). Nhân dân Biên Hòa và miền Đông kiên quyết chống Pháp đã tôn Trương Định làm "Bình Tây đại nguyên soái" để

tiếp tục kháng Pháp. Trong bài hịch truyền đi cho nhân dân kêu gọi kháng chiến, ông viết: "Tuồng có lời ca rằng: Nước có nguồn, cây hoa có gốc Huống chi người sinh ra có da có tóc, Mà sao không biết chúa biết cha, Huống chi người sinh có nóc có gia, Mà sao không biết trung, biết hiếu...Hai vai nặng trĩu: gánh chi bằng gánh cương thường! Tấc dạ trung lương: gồng chi bằng gồng xã tắc....Làm người sao khỏi thác. Thác trung thần thác cũng thom danh Làm người ai chẳng ham danh. Lòng địch khái xin cho rõ hết."

Với lời hịch này, Trương Định đã thể hiện ý nguyện của toàn dân miền Đông quyết chiến đấu để giành độc lập, không đầu hàng giặc Pháp. Ba lần Phan Thanh Giản gửi thư dụ ông buông súng, không chống thực dân Pháp đều bị ông thẳng thắn từ chối.

Đêm 17-12-1862 rạng sáng 18-12-1862, nghĩa quân Trương Định với 1.200 tay súng chia làm hai mũi đánh chiếm đồn Đồng Môn (Long Thành), tên tri huyện tay sai của thực dân Pháp bị bắt sống. Từ đầu tháng 1-1863, nghĩa quân ở Biên Hòa gồm cả người Việt và người dân tộc liên tục tiến công các vị trí quân Pháp ở đông bắc Biên Hòa, thực sự gây khó khăn và nhiều thiệt hại cho chúng. Đặc biệt, phong trào toàn dân kháng chiến ở Biên Hòa rất phát triển. Trong "Lịch sử cuộc chinh phạt ở Nam kỳ 1861" (Histoire de L'expédition de Cochinchine 1861), tác giả Léopold Pallu de la Barrière viết: "Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến chia nhỏ ra vô cùng, có bao nhiêu người An Nam thì có bấy nhiêu người kháng chiến. Muốn nói cho đúng hơn nữa thì phải nói rằng cần xem mỗi người dân cày đi gặt lúa là một trung tâm kháng chiến". Tinh thần kháng chiến của nghĩa quân được địch thú nhận: "Người Việt Nam đã tỏ ra dạn dày chiến đấu, họ đã đảo lộn: giờ đây họ đã tiến công chúng ta ngay trong những vị trí của chúng ta".

Đầu tháng 1-1863, nghĩa quân ở Biên Hòa đã phá hoại, cắt đứt đường dây điện thoại Biên Hòa - Bà Rịa - Sài Gòn - Cap Saint Jacques. Hạ tuần tháng 1-1863, nghĩa quân Biên Hòa gồm cả người Việt, người dân tộc đã liên tục tiến công các căn cứ giặc Pháp, làm cho chúng không dám ra khỏi đồn lũy. Tinh thần gan dạ đoàn kết chiến đấu của đồng bào Kinh và Thượng thể hiện rất cao trong kháng chiến. Chính giặc Pháp thú nhận: "Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở biên giới Biên Hòa, Bà Rịa; trước đó những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này, chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một sự trợ lực quan trọng".

Ngày 20-8-1864, do tên đội Huỳnh Công Tấn phản bội, địch đánh úp căn cứ nghĩa quân Trương Định ở Tân Phước; không để bị bắt, ông đã dùng gươm tự sát. Khi đó ông mới 44 tuổi.

Sau khi Trương Định mất, Phan Chính rút về Giao Loan (Rừng Lá, ranh giới Biên Hòa - Bình Thuận) xây dựng căn cứ. Con trai Trương Định là Trương Quyền, 20 tuổi, cũng đưa nghĩa quân về phối hợp với Phan Chính. Ngoài căn cứ Giao Loan, nghĩa quân Biên Hòa còn xây dựng căn cứ Bàu Cá (Trảng Bom).



Nhân dân Biên Hòa và các tỉnh miền Đông đã về đây để tham gia chiến đấu, thường xuyên tấn công địch ở Biên Hòa - Gia Định.

Đầu năm 1865, thiếu tá De Larousse chỉ huy quân Pháp tấn công vào căn cứ Giao Loan. Phó tướng Lê Quang Quyền tử trận. Địch phải khó khăn vì các chướng ngại do nghĩa quân xây dựng và chịu nhiều tổn thất. Căn cứ Giao Loan bị thất thủ. Đồng thời một cánh quân Pháp khác cũng đánh chiếm căn cứ Bàu Cá. Phan Cảnh rút chạy, một thời gian sau ra hàng giặc Pháp. Trương Quyền đưa nghĩa quân về Tây Ninh phối hợp cùng nghĩa quân của Pô-Cam-Pô tiếp tục kháng chiến. Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại. Trong lúc triều đình Huế đã ký hiệp ước Nhâm Tuất 1864, nhân dân Biên Hòa và miền Đông vẫn kiên quyết chiến đấu. Điều này cho thấy tinh thần và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa và nhân dân ba tỉnh miền Đông là rất cao.

Năm 1884, triều đình Huế lại ký hòa ước Pa-tơ-nôt, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp; mở đầu cho thời kỳ khai thác, bóc lột thuộc địa của tư bản Pháp ở Việt Nam. Nhân dân Biên Hòa và miền Đông Nam bộ bước vào một giai đoạn đấu tranh giành độc lập trong điều kiện triều đình Huế đã trở thành vương triều bù nhìn. Trong điều kiện đó, các tổ chức hội kín đã ra đời và phát triển ở Biên Hòa.

## **2. Đoàn Văn Cự (1835-1905) và 16 nghĩa binh**

Lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt của dân tộc Việt Nam đã tạo nên biết bao nhiêu đền thờ, tượng đài anh hùng liệt sĩ, mà mỗi một đền đài, tượng đài lại gắn bó với bao tên tuổi, cuộc đời cao cả sáng ngời.

Đoàn Văn Cự - người con anh hùng của quê hương Biên Hòa là một trong những nghĩa sĩ tiêu biểu trong phong trào chống thực dân Pháp ở Nam bộ đầu thế kỷ 20. Đoàn Văn Cự sinh năm 1835, quê ở làng Bình An (Thủ Đức). Cha cụ là một bậc túc nho có chí khí và lòng yêu nước nồng nàn. Gia đình cụ luôn bị thực dân Pháp theo dõi, cụ phải rời quê hương đến trú ngụ tại rừng Bung Kiệu, thôn Vĩnh Cửu (nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa).

Tiếp nối truyền thống của gia đình, Đoàn Văn Cự theo nghề cha dạy học và làm thuốc để giúp đỡ dân nghèo. Chính vì thế, cụ đã tạo được uy tín và điều kiện để tiếp xúc tuyên truyền, khơi dậy lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân lao động. Lợi dụng địa thế rừng, cụ xây dựng Bung Kiệu thành căn cứ để mưu cầu đại sự. Là người thông minh, tài trí, cụ đã khéo léo dùng hình thức hoạt động tôn giáo để thu phục nhân tâm, qua đó tuyên truyền thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần xả thân vì đại nghĩa của dân tộc. Các tín đồ và đồng chí của cụ có mặt khắp miền Đông, nhưng đông nhất là vùng Bình An, Chợ Chiếu cho tới khu vực núi Nứa (Long Thành). Tổ chức Hội kín do cụ thành lập quy tụ nhiều danh tài hảo hán, tinh thông võ nghệ, coi việc nghĩa là việc đại sự, một lòng vì nước, vì dân. Lực lượng nghĩa quân phát triển ngày một lớn mạnh; lương thực, khí giới được tích trữ chuẩn bị cho việc dấy binh. Nhưng hoạt động

của cụ không còn giữ được bí mật, giặc Pháp đã nắm được tin. Ngày 8-4 âm lịch (tức ngày 11-5-1905), chính quyền thực dân cho một tiểu đội lính bí mật đến bao vây thôn Vĩnh Cửu. Được tin, Đoàn Văn Cự đã triệu tập hàng trăm nghĩa quân tổ chức mai phục sẵn sàng đánh địch. Phục kích cả ngày không thấy địch đến, tưởng địch đã rút lui, đến tối, cụ cho nghĩa quân rút về căn cứ ăn cơm. Lúc này giặc mới ập đến, vây chặt căn cứ Bung Kiệu. Tên đại úy chỉ huy quân Pháp dẫn một tốp lính xông thẳng vào nhà cụ. Biết khó lòng thoát hiểm, cụ điềm tĩnh vận bộ trang phục uy nghi, đầu chít khăn lụa điều, mình buộc thắt lưng màu hồng, giắt đoản đao đầu hổ, làm lễ trước bàn thờ tổ chờ địch đến. Khi toán lính bước vào nhà, cụ vung thanh đoản đao sáng loáng chém bị thương tên chỉ huy. Hắn bắn trả một loạt đạn. Cụ Đoàn Văn Cự trúng đạn, ngã xuống trước bàn thờ tổ.

Quân Pháp tấn công vào doanh trại của nghĩa quân và đốt phá kho lương thực. Rừng Bung Kiệu ngập khói lửa kín cả một góc trời. Mười sáu nghĩa quân anh dũng hy sinh. Số còn lại đều chạy thoát vào rừng. Hôm sau, giặc Pháp bắt nhân dân khiêng xác tử sĩ và chôn chung vào một hầm lớn. Cụ Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân hy sinh anh dũng và nằm chung một ngôi mộ. Hôm nay và mãi mãi về sau, họ vẫn còn đó, lung linh khói hương tưởng niệm của các thế hệ con cháu Biên Hòa- Đồng Nai.

\* **Ý nghĩa:** Đoàn Văn Cự là một thủ lĩnh kiên trung, bất khuất, với chí khí cách mạng kiên cường ông đã dìu dắt và lãnh đạo nghĩa binh trong công cuộc chống Pháp tại Biên Hòa, Đồng Nai. Cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo tuy quy mô không lớn nhưng đã để lại tiếng vang, có tác động mạnh mẽ đến phong trào chống pháp của nhân dân ta, đặc biệt là nhân dân vùng vùng miền Đông Nam Bộ trong những năm đầu thế kỷ.



*Đền  
thờ Đoàn  
Văn Cự và  
16 Nghĩa  
Binh*

Đoàn Văn Cự hy sinh, để lại trong lòng nhân dân Đồng Nai một niềm thương tiếc và ngưỡng mộ vô cùng. Cảm phục trước tấm gương trung nghĩa hy sinh vì nước của Đoàn Văn Cự và những nghĩa binh của Thiên Địa Hội, người dân Biên Hòa đã góp công, góp của xây dựng ngôi mộ, miếu thờ hàng năm tổ chức lễ giỗ với sự tham gia của chính quyền và nhân dân địa phương. Hiện nay,

ngôi mộ của Thủ lĩnh Đoàn Văn Cự cùng 16 nghĩa quân, tọa lạc trên khu đất cạnh dòng suối Linh Tuyền (gọi tắt là suối Linh), thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa do nhân dân xây dựng để tưởng nhớ, ghi nhận, công lao của thủ lĩnh Đoàn Văn Cự và nghĩa binh đối với vùng đất này. Cùng đó, ngôi đình Đền thờ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh cũng được xây dựng từ năm 1956, cách phần mộ khoảng 1km về hướng Đông Bắc.

### 3. Trại Lâm Trung

Trại Lâm Trung là một tổ chức yêu nước nằm trong hình thái Hội kín rất phổ biến và phát triển ở Nam bộ đầu thế kỷ 20. Mục đích của các Hội kín này là tập hợp nhân dân, xây dựng lực lượng để kháng chiến chống thực dân Pháp. Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra Trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu). Trại thành lập trong lúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đang diễn ra quyết liệt; thực dân Pháp càng ra sức bóc lột, vơ vét tài nguyên bằng sưu thuế nặng nề để trang trải chiến phí và tăng cường bắt thanh niên Việt Nam đi lính để "hy sinh cho mẫu quốc" Pháp. Trại do các nhân vật yêu nước tinh thông võ nghệ như: Năm Hy, Tư Hồ, Ba Hầu, Hai Lục, Bảy Đen, Ba Vạn, Hai Cầm...Trại tổ chức luyện tập võ nghệ, trại viên được trang bị vũ khí thô sơ như gậy, dao, gươm và một ít súng điều thương.

Trại đã được nhân dân Vĩnh Cửu, Tân Uyên ủng hộ giúp đỡ, tích trữ lương thực. Hoạt động của Trại Lâm Trung bí mật, các đội viên liên lạc với nhau đều bằng mật hiệu, khẩu hiệu. Đầu năm 1916, Trại Lâm Trung đề ra kế hoạch hoạt động với hai mục tiêu: Tiến đánh thành Săng Đá để tiêu diệt quân Pháp. Tiến đánh khám đường Biên Hòa, giải thoát các người yêu nước và thanh niên bị Pháp bắt đi lính. Đêm 12-1 Âm lịch năm 1916 (nhằm đêm 16-2-1916), Trại phát động tấn công. Trong đêm, trống mõ trong các làng đồng loạt nổi lên, thúc giục trại viên xuống đường tiến công các mục tiêu: Nhà làng Tân Trạch, Tân Lương, Tân Khánh, Bến Cá... Một số thanh niên đã được giải thoát.



*Chùa Bửu Hưng Tự*

Các ông Mười Sót, Mười Tiết chỉ huy mũi tiến đánh khám Biên Hòa. Tuy có bất ngờ, nhưng vì vũ khí thô sơ, địch lại được lính từ thành Săng đá tiếp viện nên việc không thành. Hai ông Mười Sót, Mười Tiết bị bắt sống, các trại viên còn lại chạy thoát. Một số đông phạm nhân bên trong nhân cơ hội nổi dậy phá khám chạy thoát được.

Giặc Pháp ở Biên Hòa đã tổ chức lùng sục vào các làng tìm bắt các lãnh tụ Trại Lâm Trung. Chúng dùng cả thủ đoạn bắt cha mẹ, vợ con các vị để buộc các ông phải ra hàng. Nhờ có bộn tay sai chỉ điểm, tháng 3-1916, các ông cầm đầu Lâm Trung Trại đã sa vào tay giặc Pháp như: Năm Hy, Hai Lựu, Lào Lọt, Hai Sờ, Ba Vạn, Bảy Phát, Hai Danh, Hai Hàu...

Khoảng tháng 6-1916, thực dân Pháp đã xử bắn 9 người lãnh đạo Trại Lâm Trung tại ngã ba Dốc Sỏi (xóm Bình Thành), trước sự chứng kiến của hàng trăm bà con xung quanh vùng. Cả 9 ông đều bị trói chặt hai tay vào một cột trụ. Trước cái chết, ông Hương hào Hàu đồng dục: "Ta sinh làm tướng, chết làm thần, chào bà con ở lại mạnh giỏi". Anh Hai Sờ hiên ngang: "Cứ bắn ta đi ! Sờ này không sợ đâu. Cái chết ta thị như quy tân gia". Thực dân Pháp đưa thi thể 9 lãnh tụ của Trại Lâm Trung chôn chung một nấm mồ tại "Cây Gõ cụt" cách nơi hành hình khoảng 50 mét. Được tôn vinh là những anh hùng, hào kiệt, mang trên vai trọng trách cứu nước, tổ chức Lâm Trung Trại được người dân nhiệt tình ủng hộ. Không bao lâu sau, số thành viên trong trại nhanh chóng tăng vọt. Số người về tụ nghĩa không ngừng nhân rộng. Từ đây, Lâm Trung Trại bắt đầu định hướng cho mình trên con đường cứu nước còn quá nhiều chông gai.

Năm 1918, nhân dân đã xây dựng một miếu thờ dưới gốc đa ở ngã ba Dốc Sỏi, hàng ngày nhang khói để cầu siêu và tưởng nhớ gương nghĩa liệt của các ông. Đến năm 1920, ngôi miếu chuyển về phía đông và được xây cất lại thành ngôi chùa với tên "Bửu Hưng Tự" nhưng nhân dân Biên Hòa vẫn thường gọi là "Chùa Cô Hồn". Những năm trước Cách mạng tháng Tám 1945, một số đảng viên cộng sản ở Biên Hòa đã nhiều lần về chùa Cô Hồn hội họp, bàn bạc công tác vận động quần chúng cướp chính quyền tại tỉnh Biên Hòa. "Chùa Cô Hồn" - Bửu Hưng Tự đã được Bộ Văn hóa Thông tin nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam xếp hạng "Di tích quốc gia".

\* **Ý nghĩa:** Đây là nơi tụ nghĩa của những hào kiệt có khí phách và tinh thông võ nghệ với mục đích thoát khỏi xiềng xích nô lệ, Lâm Trung Trại từng được người dân xứ Biên Hòa xưa xem như Lương Sơn Bạc của đất Đồng Nai. Dẫu đấu tranh một cách tự giác, tự phát bằng những trang bị thô sơ, Lâm Trung Trại cũng là nơi vực dậy tinh thần quật cường, lòng yêu nước, kiên quyết đấu tranh đòi quyền tự do của người dân Đồng Nai.

#### **4. Phú Riềng đỏ**

Phú Riềng Đỏ là một trong những phong trào công nhân đầu tiên tại Việt Nam được thực hiện bởi các công nhân cao su tại đồn điền Phú Riềng, Biên Hòa (nay thuộc địa phận tỉnh Bình Phước). Phong trào này đã gây tiếng vang

lớn trong lịch sử và là mốc mở đầu cho các phong trào công nhân khác của Việt Nam chống lại thực dân Pháp trong thập niên 1930 như cuộc đình công khổng lồ tại Nhà máy sợi Nam Định và Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Từ những năm 1925, 1926 trở đi, tỉnh Biên Hòa cũng như nhiều địa phương khác ở Nam bộ bắt đầu một phong trào yêu nước mang một sắc thái mới. Phong trào đó được soi sáng bởi một đường lối cách mạng tiên tiến: Con đường cách mạng vô sản do Nguyễn Ái Quốc, người con ưu tú, người chiến sĩ cách mạng lỗi lạc của dân tộc ta, tiếp thu và truyền bá vào Việt Nam. Tháng 6-1924, tổ chức "Thanh niên cách mạng đồng chí hội" được thành lập tại Quảng Châu, Trung Quốc. Đây là một tổ chức tiền thân chuẩn bị cho sự ra đời của một đảng Mác-xít - Lênin-nít ở Việt Nam. Nhiều hội viên sau khi được học tập huấn luyện đã trở về nước hoạt động.

Tháng 10-1926, các đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về Sài Gòn xây dựng cơ sở. Năm 1927, kỳ bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ được thành lập. Năm 1928, thực hiện chủ trương "vô sản hóa", nhiều hội viên của kỳ bộ đã đi vào làm phu, làm thợ ở các nhà máy, đồn điền... để tuyên truyền vận động và xây dựng tổ chức cách mạng, đồng thời cũng để tự rèn luyện lập trường giai cấp công nhân. Tại Biên Hòa, một số đồng chí đã về hoạt động và xây dựng cơ sở ở các đồn điền cao su Phú Riềng, đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF... Một trong số những hội viên tiêu biểu là đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh (tức Nguyễn Xuân Cừ) được cử đi "vô sản hóa" ở đồn điền cao su Phú Riềng, Biên Hòa (nay thuộc huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước). Tháng 4-1928, chi bộ Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập gồm 5 hội viên, do Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Đây là một trong 19 chi bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Nam kỳ lúc bấy giờ.

Từ những hạt giống đỏ này, đội ngũ cán bộ, cơ sở cách mạng ở Biên Hòa ngày một tăng thêm. Họ là những nhân cốt tổ chức, vận động đông đảo quần chúng lao động bước vào một thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của tổ chức cách mạng. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su. Tháng 10-1929, trên cơ sở tổ chức Thanh niên cách mạng đồng chí hội, chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập. Chi bộ gồm 6 đảng viên, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Ngày 3-2-1930, tại Cửu Long - Trung Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã hình thành trong nước trước đó là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam và mở đầu một thời kỳ mới, thời kỳ do giai cấp công



nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Mác - Lênin lãnh đạo. Việc thống nhất các tổ chức Đảng ở Nam bộ cũng được tiến hành sau đó một thời gian ngắn.

Ở Biên Hòa, nhiều thanh niên công nhân, trí thức tiên bộ đã nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới, ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Một số sớm giác ngộ cách mạng đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa, đặc biệt là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân diễn ra sôi động trong những tháng đầu năm 1930. Ngay những ngày thành lập Đảng (từ 30-1-1930 đến 6-2-1930) dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, 5.000 công nhân cao su đồn điền Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh với các yêu sách: Đòi thực hiện đúng hợp đồng giao kèo giữa chủ sở với công nhân; cấm đánh đập, cúp phạt; miễn sưu thuế; trả lương thai sản cho nữ công nhân; thực hiện ngày làm 8 giờ, kể cả thời gian đi và về; bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động; ốm đau phải được trị bệnh và được hưởng lương cùng một số kiến nghị khác.

Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ và áp lực của đông đảo quần chúng công nhân, giám đốc sở buộc phải chấp nhận các yêu sách. Biên bản được ký tại chỗ giữa đại biểu công nhân và chủ đồn điền. Việc chủ tư bản hạ bút ký "cam kết" thực hiện những kiến nghị của công nhân là một thắng lợi vô cùng to lớn ở đồn điền cao su Phú Riềng từ trước cho đến thời điểm này.

Thế nhưng do chưa có kinh nghiệm đấu tranh, quá say sưa với thắng lợi bước đầu, một số cán bộ công đoàn nảy sinh tư tưởng "manh động", tiếp tục tổ chức bạo động đấu tranh. Chi bộ Đảng từ chỗ hoạt động bí mật lại chuyển ra hoạt động công khai. Hầu hết các đồng chí đảng viên trong chi bộ và cơ sở cốt cán đều bị địch phát hiện. Sau đó chúng lần lượt bắt hơn 100 người đưa về Biên Hòa giam giữ. Ở nhà lao Biên Hòa, anh em công nhân đã tuyệt thực nhiều ngày, hò hét đấu tranh phản đối nhà cầm quyền thực dân đánh đập, tra tấn dã man công nhân, đòi cải thiện chế độ lao tù, đòi phải có chiếu nằm, nước tắm cho tù nhân... Tên giám đốc đê lao, vốn là tên khét tiếng gian ác, đã phải khiếp phục và giải quyết một số yêu sách của anh em. Trước tòa án Biên Hòa, các đồng chí đảng viên: Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, các đồng chí Tạ, Doanh... bằng những phát biểu hùng hồn, lý lẽ sắc bén đã vạch trần sự bóc lột dã man của bọn tư bản thực dân, làm cho các quan tòa Pháp tỏ ra lúng túng, bị động phải vội vàng tuyên án và chuyển vụ án về tòa đại hình ở Sài Gòn.

\* **Ý nghĩa:** Như vậy, mặc dù có một số tổn thất, cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng đã giành được thắng lợi. Đây là cuộc đấu tranh lớn nhất trong số các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lúc bấy giờ, tạo được tiếng vang trong cả nước. Tiếng vang của "Phú Riềng đỏ" lan nhanh đến các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa và miền Đông Nam bộ.



○ *Tượng đài Phú Riêng*  
○ *Đỏ - di tích lịch sử, văn hóa*  
*quốc gia tại xã Thuận*  
*Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh*  
*Bình Phước*

### **5. Chi bộ Bình Phước - Tân Triều và Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa**

Trước sự phát triển của phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo trong những tháng đầu năm 1930, thực dân Pháp và tay sai đã tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp khốc liệt. Chúng thẳng tay tàn sát những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước. Từ tháng 10-1930, nhiều cơ sở Đảng ở Nam kỳ bị phá vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị giặc giết hại, tù đày. Phong trào cách mạng nói chung và phong trào ở Biên Hòa nói riêng bước vào giai đoạn "thoái trào", tạm thời lắng xuống.

Ở Biên Hòa, sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch lùng bắt, năm 1933 đồng chí Lưu Văn Viết (Tư Chà) trở về quê hương (quận Châu Thành) tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Đồng chí đã tuyên truyền, giác ngộ và kết nạp một số thanh niên ưu tú vào Đảng như đồng chí Huỳnh Văn Phan, Lưu Văn Văn... Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu (tức Vỹ) quê ở Tiền Giang, được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí xin vào làm thợ ở nhà máy cơ khí Trường Tiền (tỉnh lỵ Biên Hòa). Từ đây, đồng chí đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Viết tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều (vì phần lớn đảng viên quê ở hai xã này). Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm bí thư, Huỳnh Văn Phan làm phó bí thư. Các đảng viên gồm: Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn, Quách Sanh, Trần Minh Triết... Sau đó, một số thanh niên ưu tú được tiếp tục kết nạp Đảng như các đồng chí: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy...

Sự ra đời của chi bộ Bình Phước - Tân Triều và các cơ sở của Đảng giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng tỉnh Biên Hòa. Đây là chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên đã được thành lập trên địa bàn tỉnh Biên Hòa (Đồng Nai hiện nay), là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương và là nòng cốt để hình thành tổ chức

Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa sau này. Từ giữa năm 1936, trong phong trào mặt trận Dân chủ Đông Dương, phong trào cách mạng ở Biên Hòa phát triển lại ngày càng mạnh mẽ. Tháng 8-1939, Ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội được thành lập tại Sài Gòn và các ủy ban hành động của các tỉnh ở Nam kỳ cũng nhanh chóng được tổ chức. Xứ ủy Nam kỳ và ủy ban trừ bị Đông Dương đại hội cử các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Trở về Biên Hòa, quê hương của mình, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã móc nối liên lạc ngay với các đảng viên trong chi bộ Bình Phước - Tân Triều và một số đồng chí thân quen như: Huỳnh Văn Lũy, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lưu Văn Văn... để tổ chức vận động cách mạng.

Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm chủ tịch. Ủy ban hành động của các quận: Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, Long Thành cũng được tổ chức và hoạt động công khai, thu hút đông đảo các tầng lớp dân chúng tham gia, nhất là giới nhân sĩ, trí thức, thanh niên, học sinh và công nhân. Nhiều cuộc mít tinh, tuần hành được tổ chức khắp nơi, hàng vạn truyền đơn, tài liệu của Đảng được phát hành rộng rãi trong nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đòi dân sinh dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục, mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, điểm tập trung sôi động là nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa và các đồn điền cao su ở Xuân Lộc. Cuối năm 1946, Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) nguyên bí thư Xứ ủy Nam kỳ 1933-1935 và đồng chí Cao Hồng Lĩnh về Biên Hòa hoạt động, trực tiếp tổ chức, vận động thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Biên Hòa và xây dựng tổ chức một số chi bộ Đảng ở các cơ sở địa phương trong tỉnh.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp làm bí thư. Các đồng chí Tỉnh ủy khác gồm có: Trần Minh Triết, Huỳnh Văn Phan, Lê Văn Tôn, Huỳnh Liễn, Nguyễn Hồng Kỳ. Nhiều đồng chí đảng viên ở các nơi khác cũng lần lượt về Biên Hòa móc nối liên lạc hoạt động, tổ chức các chi bộ Đảng cơ sở. Công tác xây dựng Đảng từ đây có những bước phát triển mới, một số chi bộ được thành lập. Tại nhà máy cưa BIF, có hai chi bộ Đảng được thành lập là chi bộ khối nhà máy và chi bộ khối lao động đơn giản, mỗi chi bộ có 3 đảng viên. Ở xã Bửu Long cũng hình thành một chi bộ. Hai xã Tân Phong và Bình Ý, chi bộ liên xã cũng được thành lập trong thời kỳ này. Ở quận Xuân Lộc, đến tháng 2-1937, thành lập được một chi bộ do đồng chí Nguyễn Văn Lắm (Ba Nghệ) công nhân cao su làm bí thư. Một số sở cao su dọc liên tỉnh lộ số 2 (Xuân Lộc-Bà Rịa) cũng tổ chức được chi bộ Đảng như: đồn điền Cuộc-tơ-nay (Cẩm Mỹ).

Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chỉ đạo thành lập các tổ chức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp để tập hợp lực lượng, tuyên truyền giác ngộ cách mạng, phát động



quần chúng đấu tranh. Tổ chức Công hội đỏ được bí mật xây dựng ở nhà máy cưa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, các sở cao su ở Long Thành, Xuân Lộc.

Ở các xã Bình Phước, Bình Ý, Bình Thạnh... (quận Châu Thành) một số tiểu tổ Công hội đỏ cũng được thành lập. Phổ biến nhất là các hội ái hữu như: hội chùa, hội miếu, hội đá bóng, hội lân, hội cày, hội cấy được tổ chức ở nhiều nơi, thu hút hàng vạn người tham gia. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa, phong trào đấu tranh cách mạng của các tầng lớp nhân dân tiếp tục diễn ra sôi nổi trong các năm 1937, 1938, 1939. Qua phong trào đấu tranh cách mạng, nhiều công nhân, nông dân, thanh niên, trí thức ưu tú được kết nạp vào Đảng, trở thành những nhân tố cốt cán trong việc tuyên truyền, vận động phát triển phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh.

\* **Ý nghĩa:** Sự ra đời của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa và những thành quả đã giành được trong cao trào cách mạng 1936-1939 của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Biên Hòa, đánh dấu một bước phát triển quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm kế tiếp, nhất là cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

## **6. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa**

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chánh thực dân Pháp để độc chiếm Đông Dương. Ở Biên Hòa, ngay sáng ngày 10-3-1945, bộ máy thống trị của thực dân Pháp lọt vào tay phát xít Nhật.

Ngay trong đêm Nhật đảo chánh Pháp, Ban thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị mở rộng tại Đình Bảng, tỉnh Bắc Ninh. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân lúc này là phát động phong trào chống Nhật cứu nước, đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Tháng 5-1945, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam kỳ, tổ chức thanh niên Tiền phong được thành lập tại Sài Gòn, do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đảng viên Đảng Cộng sản làm thủ lĩnh.

Ở Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền Phong do Huỳnh Thiệu Nghệ làm thủ lĩnh, đã phát triển nhanh chóng từ tỉnh đến cơ sở làng, xã xí nghiệp, đồn điền cao su, nhà máy. Tháng 5-1945, tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, Liên Tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương về tình hình nhiệm vụ mới, trọng tâm là vấn đề chuẩn bị lực lượng để tham gia cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc. Tháng 7-1945 tại chùa Tân Mai, quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam kỳ đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa để phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng phát triển lực lượng cách mạng. Hội nghị nhấn mạnh việc khẩn trương phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền phong, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15-8-1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tin Nhật đầu hàng lan truyền nhanh chóng. Bọn sĩ quan và binh lính Nhật ở

Biên Hòa hoang mang, rệu rã. Ngọn lửa cách mạng bùng lên mạnh mẽ. Bầu không khí tiên khởi nghĩa sôi động khắp thành thị và nông thôn. Ngày cũng như đêm, trên khắp các nẻo đường, xóm ấp ở Biên Hòa rộn rã tiếng hát, lời ca cách mạng. Những ca khúc "Tiếng hát thanh niên", "Bạch Đằng giang", "Chi Lăng" giục giã lòng người, bừng bừng khí thế vùng dậy đấu tranh để cởi bỏ gông xiềng nô lệ. Ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành được thắng lợi rực rỡ. Ngày 20-8, Xứ ủy Nam kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa ở Nam bộ. Ngày 3-8-1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp với các đồng chí cán bộ trong tỉnh để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa. Hội nghị đã bàn bạc thống nhất và quyết định một số việc cấp bách sau đây:

Tập trung lực lượng tiến hành khởi nghĩa trước ở tỉnh lỵ, phân công một số cán bộ về các quận huy động quần chúng về thị xã tham gia cướp chính quyền. Trung lập hóa quân Nhật. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Hồ Văn Đại và một số đồng chí khác vận động lính mã tà, lính thủ hộ... nộp súng cho cách mạng, tránh xung đột vũ trang. Thành lập Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách. Giao trách nhiệm cho ông Nguyễn Văn Tàng, Kinh lý ở Tòa bố, tiếp xúc vận động Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý bàn giao chính quyền cho cách mạng. Và giao đồng chí Lê Ngọc Liệu và Nguyễn Đình Ưu tổ chức đưa 500 quân chúng về Sài Gòn tham gia khởi nghĩa.

Huy động lực lượng xung kích trong công nhân, Thanh niên Tiên phong tự trang bị vũ khí, nhân dân may cờ, khẩu hiệu sẵn sàng nổi dậy, biểu dương lực lượng cướp chính quyền. Ngay trong đêm 23 rạng sáng ngày 24-8-1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, nhân dân đã treo cờ đỏ sao vàng, cờ búa liềm, cờ vàng sao đỏ (cờ Thanh niên Tiên phong), dán khẩu hiệu khắp các phố thị... Trụ sở ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tập nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa. Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập dâng cao hơn bao giờ hết. Sáng sớm ngày 24-8, dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà máy cưa BIF, chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa. Đêm 24-8, tại rạp hát Trần Diễm (thị xã Biên Hòa), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Suốt đêm 24-8, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa. 4 giờ sáng ngày 25-8, chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày do ông Ba Miều lái từ ga Biên Hòa đã đưa hơn 500 người, bao gồm đại diện công nhân các nhà máy, nhân dân các ấp thuộc xã Bình Trước, quận Châu Thành về

Sài Gòn cùng tham gia giành chính quyền. Thắng lợi Sài Gòn càng làm nức lòng cán bộ, nhân dân Biên Hòa. Lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa.

Sáng sớm ngày 26-8-1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập hợp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Đông đảo đồng bào tập trung trước Tòa bố reo hò vang dậy. Đến 11 giờ trưa cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hón và một số đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý cùng các viên chức đứng đầu các công sở trong tỉnh bàn giao chính quyền cho cách mạng. Ngay chiều hôm đó (14 giờ), lực lượng cách mạng đã bắt giữ tên cò Phước chỉ huy lực lượng cảnh sát tỉnh Biên Hòa, tịch thu 40 khẩu súng các loại của bọn lính mã tà tại cửa tiền (khám lớn). Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành.

Sáng sớm ngày 27-8-1945, tại quảng trường Sông Phố, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức. Gần một vạn người từ khắp các huyện về tham dự. Sau lễ chào quốc kỳ, đồng chí Dương Bạch Mai, cán bộ Xứ ủy Nam kỳ đại diện Mặt trận Việt Minh ở Nam bộ, diễn thuyết được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tiếp đó, đồng chí Hoàng Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa, đọc diễn văn tuyên bố chính quyền về tay nhân dân và công bố thành phần Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa, gồm các đồng chí:

- + Hoàng Minh Châu, Chủ tịch.
- + Huỳnh Văn Hón, Phó chủ tịch kiêm Trưởng ban tuyên truyền.
- + Nguyễn Văn Long, phụ trách Cảnh sát.
- + Ngô Hà Thành, Ủy viên phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc.
- + Nguyễn Văn Tàng, Ủy viên phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.



*Quảng trường Sông Phố*

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ, gần một vạn người thay mặt cho hơn 15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng đưa cao nắm tay thề sẵn sàng hy sinh

tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng vừa giành được. Đến 12 giờ trưa, cuộc mít tinh kết thúc. Quần chúng phấn khởi hô vang các khẩu hiệu: "Việt Nam độc lập muôn năm", "Việt Minh muôn năm"... tiếp tục diễu hành tỏa về các địa phương biểu dương lực lượng. Tỉnh Biên Hòa từ thị xã đến nông thôn, nhà máy, đồn điền thực sự là một ngày hội lớn. Khắp các nẻo đường, đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cả một rừng cờ, ai ai cũng hân hoan cảm động đến trào nước mắt.

Sau khi giành chính quyền ở tỉnh, chính quyền ở các quận, xã còn lại ở các quận Châu Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên cũng nhanh chóng về tay nhân dân vài ngày sau đó. Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng đã cùng cả nước vùng dậy, đập tan bộ máy thống trị của thực dân, giành lấy độc lập tự do cho Tổ quốc. Phấn khởi tự hào trước thắng lợi giành được, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn trở ngại, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên.

## **KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN THỨ HAI**

### **7. Trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu**

Tháng 9-1945, Tỉnh ủy Biên Hòa đã thành lập trường huấn luyện cán bộ quân sự đầu tiên ở Miền Đông, bây giờ gọi là trại Du kích Vĩnh Cửu. Lãnh đạo tổ chức trại gồm: Phan Đình Công - Thường vụ Tỉnh ủy Biên Hòa phụ trách quân sự, Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định, giáo sư Phạm Thiệu, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hớn Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Biên Hòa. Địa điểm được chọn để mở trường huấn luyện là ấp Vĩnh Cửu thuộc xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa (nay là phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ấp Vĩnh Cửu chỉ cách thành phố Biên Hòa khoảng 6 km theo đường kiểm đất đỏ, ra quốc lộ 15 chỉ 800 mét. Vĩnh Cửu (lúc này) có địa hình rừng chồi, rừng già chỉ cách 2 km, trong ấp có khoảng vài chục căn nhà lợp lá của dân. Ngôi nhà ngói duy nhất của ấp Vĩnh Cửu là nhà thầy giáo Hồ Văn Thê, dựa lưng rừng chồi và Suối Linh. Ông giáo Thê đã nhường ngôi nhà này để làm văn phòng Ban chỉ huy của trại. Trước nhà là mảnh ruộng lớn dùng làm bãi tập quân sự. Học viên của trại được bố trí ăn ở ngay trong nhà dân. Hàng ngày Ủy ban nhân dân tỉnh đều có hai xe ca chở lương thực tiếp tế cho trại.

Ngày 26-9-1945, trại mở khóa học đầu tiên. Trường không chỉ tập hợp thanh niên ưu tú ở các địa phương trong tỉnh, mà còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân từ các địa phương khác: Phân đội nhà máy cưa Biên Hòa (BIF); Phân đội Tân Phong do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy (ông nguyên là công chức Sở Đạc điền Biên Hòa); Một tiểu đội lính Nhật theo kháng chiến 10 người từ Tân Vạn lên tham gia. 20 người, gồm cả đảng viên cộng sản ở hộ 6 Sài Gòn. Công nhân xe lửa Sài Gòn (7 người). Thanh niên các xã và nhiều công, tư chức ở Biên Hòa, Sài Gòn... Điều đáng nói là tuy trường mới thành lập, nhưng lại có số lượng

súng khá lớn (78 khẩu) đủ để huấn luyện và chiến đấu. Số lượng vũ khí này tập hợp từ nhiều nguồn: Số súng do anh Nguyễn Đình Ưu cung cấp. Nguyễn Đình Ưu quê ở Nghi Lộc (Nghệ An), tốt nghiệp trường Cao đẳng thương mại Hà Nội, năm 1941 được bổ nhiệm làm Giám đốc Nông phố ngân hàng Biên Hòa (Office Indochinois de crédit agricole mutuel - OICAM ). Khi Nhật bị thua trận trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, một sĩ quan Nhật quen biết với Ưu đã cho anh một số súng đạn. Ưu cất kỹ trong cơ quan, khi trại du kích Vĩnh Cửu thành lập, anh đã chuyển giao gồm 40 khẩu súng trường, 4 khẩu súng phóng lựu, đạn, lựu đạn, mìn chống tăng, gươm Nhật. 20 khẩu súng săn 12 ly, 16 ly, tịch thu của thực dân Pháp sau tháng 8 - 1945 do Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển giao. 10 khẩu súng trường Nhật do tiểu đội "Việt Nam mới" mang theo cùng đồng chí Lắm từ Tân Vạn về gia nhập trại. Đoàn Thanh niên cứu quốc Biên Hòa mang 4 khẩu súng trường.

Giảng viên chính của trại gồm: Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định (dạy quân sự). Nguyễn Xuân Diệu nguyên là Bí thư chi bộ hộ 6 ở Sài Gòn; còn Nguyễn Trí Định (quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh) là đảng viên chi bộ Hòa Hưng (Sài Gòn), được đào tạo ở trường Thiếu sinh quân của Pháp (Enfants de troupe), đã từng làm đội cho Pháp trong đồn Chí Hòa. Tham gia huấn luyện quân sự còn có nhóm "Việt Nam mới".

Tài liệu giảng dạy gồm có quyển: "Chiến thuật du kích" của Nguyễn Ái Quốc, quyển Infanterie militaire (bộ binh) của Pháp.

Phân công trong ban lãnh đạo của trại:

- + Phan Đình Công, phụ trách chung.
- + Nguyễn Xuân Diệu, phụ trách nội chính, huấn luyện.
- + Nguyễn Trí Định, giảng viên huấn luyện tác chiến.
- + Bác sĩ Văn, phụ trách y tế.
- + Nhà sư Đào Đăng Nam, phụ trách do thám.
- + Phạm Thiều, Thanh Sơn, giảng viên chính trị.

Nội dung huấn luyện quân sự gồm: huấn luyện đội ngũ, chiến thuật chiến đấu cá nhân, chiến đấu tiểu đội, trung đội; cách sử dụng các loại vũ khí (súng trường, trung liên, lựu đạn, phóng lựu). Đặc biệt, học viên còn được dạy cách đánh xe tăng bằng mìn chống tăng do Hòa Xang, nguyên là lính lái xe tăng trước đây của Nhật hướng dẫn. Học viên còn được học võ Judo, kỹ thuật đánh cận chiến bằng lưỡi lê...

Chương trình huấn luyện chính trị gồm các nội dung: năm bước công tác cách mạng (điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, đấu tranh); đạo đức cách mạng, hy sinh vì Tổ quốc, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dân chủ và kỷ luật, quan hệ với dân, khí tiết cách mạng; nước Việt Nam thời Pháp thuộc, Nhật thuộc; cách mạng dân chủ mới; chương trình Mặt trận Việt Minh; chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Tháng 10-1945, quân Nhật ở Biên Hòa theo lệnh Đồng Minh lừng sục vào Vĩnh Cửu, Ban chỉ huy trại quyết định chuyển trường về bên kia quốc lộ 15, đóng ở đồi An Hảo, trong một ngôi biệt thự của chủ xí nghiệp gạch ngói người Pháp. Nhưng 5 ngày sau, trường lại dời về đình Bình Đa. Đình Bình Đa vừa là trung tâm chỉ huy của trường, vừa là hội trường để lên lớp cho các học viên. Khi trường dời về đình Bình Đa, chính là lúc đoàn quân Nam tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy vào đến Biên Hòa. Trường được tăng cường thêm một số giảng viên quân sự, chính trị đã tốt nghiệp trường Quân chính Việt Bắc như: Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục... Trường đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày. Tuy thời gian huấn luyện ngắn nhưng những chiến sĩ tốt nghiệp tại trường du kích Vĩnh Cửu vừa biết chiến đấu, chỉ huy chiến đấu, quản lý đơn vị, biết làm công tác chính trị, binh vận, dân vận... Đó chính là những cán bộ quân đội kiểu mới. Hầu hết các học viên sau này đều là những cán bộ nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam bộ. Ngoài huấn luyện quân sự, chính trị, tăng cường cán bộ cho các địa phương, trường còn phối hợp với lực lượng quân Nam tiến đánh chiếm cầu Bình Lợi, ngăn chặn quân Pháp mở rộng lấn chiếm ra ngoài Sài Gòn (20-10-1945).

Ngày 25-10-1945, quân Pháp đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa, một lần nữa, trường phải chuyển về khu vực Suối Linh (Vĩnh Cửu). Nhà thầy giáo Thê, giáo Tỏi, giáo Tồng, những người hết lòng ủng hộ, giúp đỡ cho trường hoạt động bị địch cho xe tăng ủi sập, phá hủy toàn bộ. Trường chỉ ở Suối Linh vài ngày, sau đó để có thể tiếp tục huấn luyện lâu dài, Ban chỉ huy quyết định đưa trường về Tân Tịch (Tân Uyên).

\* **Ý nghĩa:** Hơn hai tháng thành lập, huấn luyện, trại Du kích Vĩnh Cửu, trường quân chính đầu tiên của Biên Hòa và miền Đông đã đào tạo trên 100 cán bộ quân sự, chính trị. Đây là lực lượng nòng cốt để phát động phong trào du kích ở Biên Hòa và một số tỉnh miền Đông. Đây cũng là những cán bộ quân đội nòng cốt của nhiều đơn vị vũ trang như chi đội 10, trung đoàn 310 Biên Hòa, chi đội 16, trung đoàn 307 Bà Rịa, trung đoàn 812 Bình Thuận...

Trường huấn luyện du kích Vĩnh Cửu, Bình Đa, chính là tiền thân của trường Quân chính Quân khu 7 trong kháng chiến chống Pháp. Thực chất trại Vĩnh Cửu, trại huấn luyện du kích Vĩnh Cửu là một tổ chức quân sự tập trung có quân số khá đông (4 phân đội 100 người), có tổ chức chỉ huy. Đó là một đội quân có quy củ, được trang bị mạnh ngay từ những ngày đầu kháng chiến, có sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Trại là một trong những lực lượng quan trọng hợp thành chi đội 10 Biên Hòa sau này.

## **8. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (02-01-1946)**

Nhân dân Biên Hòa chỉ được hưởng độc lập từ ngày 26-8-1945 đến ngày 24-10-1945, tức chỉ được 1 tháng 28 ngày. Trong gần hai tháng đó, Tỉnh ủy lâm thời mới được thành lập (qua hội nghị Bình Trước), chính quyền mới ra đời còn

rất non trẻ, vừa phải lo ổn định đời sống, sản xuất cho dân, vừa tích cực xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chống thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần thứ hai như lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, bằng bất cứ giá nào cũng phải giữ lấy độc lập tự do...

Thực dân Pháp âm mưu xâm lược lại nước ta lần nữa, khi chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc. Lợi dụng danh nghĩa Đồng Minh, tháng 8-1945 quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ vào Sài Gòn và liên tục gây hấn. Rạng sáng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Cuộc kháng chiến ở Nam bộ đã bùng nổ. Lời kêu gọi kháng chiến của Xứ ủy, Ủy ban Kháng chiến Nam bộ đã thể hiện rõ quyết tâm của toàn dân ta nói chung và nhân dân Nam bộ nói riêng “Hỡi đồng bào! Từ giờ phút này, nhiệm vụ của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng. Hỡi anh em binh sĩ, dân quân tự vệ ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp cứu nước”. Cuối tháng 10-1945, Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn. Và mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Trước đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ trang, đưa lực lượng vũ trang Kinh -Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn Gia Định chống Pháp; vừa phát động vườn không nhà trống, phát lệnh toàn dân “tiêu thổ kháng chiến”. Các cơ quan lãnh đạo và các đoàn thể đều rút ra vùng căn cứ Tân Uyên và vùng ven thị xã, xây dựng căn cứ du kích như Bình Đa, Hồ Cạn (Tân Phong). Ngày 24-10-1945, thực dân Pháp với quân Anh hỗ trợ đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Chúng đưa quân trấn giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá, chiếm đóng các công sở như Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... bắt tay xây dựng lại bộ máy chính quyền tay sai ở tỉnh lỵ và thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12-1945 vẫn là khu vực xã Bình Trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh Cửu), quốc lộ 1 (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10-1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành; Xung phong cảm tử quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc. Và đến tháng 12-1945, chiến khu 7 thành lập do Nguyễn Bình làm Tư lệnh, lực lượng vũ trang miền Đông từng bước có sự chỉ huy và lãnh đạo thống nhất. Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng

ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi "thành quả" lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược "đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh" Nam bộ.

Để đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 Nguyễn Bình quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết. Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy. Phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sĩ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu... Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn – Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12-1945, công tác tổ chức và phương án tiến công đã được thông qua. Các lực lượng vũ trang đã được điều về áp sát thị xã trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Thời gian được chọn là sau ngày tết dương lịch, ngày địch ít phòng bị nhất. Đêm 1 rạng sáng ngày 2-1-1946, các lực lượng nổ súng tiến công vào thành Săng Đá, các tua gác ở đầu cầu Gành, nhà máy cưa BIF, các công sở của địch trong tỉnh lỵ Biên Hòa, nhà ga Biên Hòa.

Tiếng súng của các lực lượng kháng chiến trong nội ô tỉnh lỵ Biên Hòa như đánh thức ngay lòng người dân đang bị địch kìm kẹp trong nội ô. Thực dân Pháp hoàn toàn bị bất ngờ. Chúng không thể tin rằng quân kháng chiến ở Biên Hòa lại có khả năng tập hợp, di chuyển nhanh chóng sau khi rút khỏi thị xã. Đồng chí Nguyễn Văn Quãng (Năm Phòng), chiến sĩ phân đội 4 nhớ lại khung cảnh trận đánh như sau: "Khắp bầu trời thị xã như sôi lên ùng ục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo tiếng nổ ùng ình như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cổ thủ của bọn địch. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dẫn lêch thếch theo đoàn quân..."

Trận đánh vào tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2-1-1946 là trận đột kích đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.

\* **Ý nghĩa:** Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu nào trong thị xã, nhưng trận đánh đã gây tiếng vang rất lớn. Đúng về mặt chiến lược, lời tuyên truyền là đã "bình định xong Nam kỳ" của thực dân Pháp hoàn toàn bị đập tan. Lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tuy mới thành lập, nhưng có đủ khả năng đánh hợp đồng khá xuất sắc. Và điểm quan trọng hơn là "Tiếng súng Biên Hòa" có sức cổ vũ, động viên rất lớn tinh thần kháng chiến của nhân dân miền



Đông, nhất là nhân dân trong vùng địch còn kiểm soát, kêu gọi được các tầng lớp nhân dân yêu nước từ mọi nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia kháng chiến.

### **9. Trận La Ngà (1-3-1948)**

La Ngà là tên một dòng sông, một chi lưu của sông Đồng Nai, mà Pháp ghi tên trên bản đồ là Lagna, cũng là một địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc và lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trên quốc lộ 20 đi Đà Lạt từ cầu La Ngà lên Định Quán, ngày 1-3-1948, chi đội 10 Biên Hòa đã đánh trận giao thông La Ngà thắng lợi.

Chi đội 10 là lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa, thành lập vào tháng 6-1946. Đơn vị có 1.100 quân với 3 đại đội A, B, C hoạt động ở các huyện Tân Uyên, Châu Thành, Xuân Lộc và Long Thành.

Từ tháng 4-1947 đến tháng 7-1947, Chi đội 10 đã tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường sắt Biên Hòa - Nha Trang thu nhiều thắng lợi như: Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh 1,2, Bàu Cá. Tháng 12-1947, chi đội đánh trận giao thông Đồng Xoài trên quốc lộ 14. Tháng 2-1948, chi đội đánh bại trận càn của thực dân Pháp vào chiến khu Đ. Một loạt trận đánh vũ trang thắng lợi cho thấy đơn vị đã trưởng thành cả về chỉ huy, chiến đấu, có đủ khả năng thực hiện những trận đánh tập trung có quy mô lớn. Đầu tháng 2-1948, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, Trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chính ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và ngụy quyền tay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị Đà Lạt.

Cần nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy chi đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này. Tháng 2-1948, Huỳnh Văn Nghệ, Chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt Khu bộ phó Khu Toàn bộ kế hoạch tổ chức, chỉ huy trận đánh do Nguyễn Văn Lung, Chi đội phó đảm trách. Tổ chức một trận đánh tập trung toàn chi đội (tương đương một trung đoàn), trận địa cách căn cứ 80 km đường rừng đặt ra cho Ban chỉ huy nhiều vấn đề:

+ Làm thế nào giải quyết được lương thực cho trên 1.000 quân đủ ăn từ 7 đến 10 ngày?

+ Làm thế nào điều được đoàn xe đi theo đúng kế hoạch thời gian của Ban chỉ huy đề ra, để hạn chế sự phản kích bằng máy bay của địch?

+ Làm thế nào đảm bảo bí mật trận đánh, đánh nhanh giải quyết nhanh chiến trường?

Vấn đề lương thực chỉ được giải quyết bằng cách dựa vào nhân dân. Ban chỉ huy đã cử một phân đội trinh sát đặc biệt lên Định Quán kết hợp chặt chẽ với Huyện đội, Mặt trận Việt Minh Xuân Lộc đi vận động công nhân ở từng sở cao su, tổ chức kho dự trữ lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Tuy đời sống rất

khó khăn, nhưng công nhân đã bớt khẩu phần ăn, đóng góp lương thực, đồng bào dân tộc Châu ro, Stiêng cũng tích cực ủng hộ lương thực cho chi đội. Gần một tháng, chi đội đã lập được các kho lương thực đủ theo kế hoạch đề ra.

Ban trinh sát Chi đội 10 liên tục bám Quốc lộ 20 theo dõi các đoàn công voa địch đi về Biên Hòa, Đà Lạt, nắm chắc quy luật tổ chức đội hình các đoàn xe, tốc độ, thời gian cũng như khoảng cách từng xe một. Từ quy luật này, Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9 km trên Quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C, đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3 km ở phía đông Quốc lộ 20 với những đồng lúa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Quốc lộ 20 đoạn từ cây số 104 đến 113 rất khúc khuỷu, trời chiều có sương mù, nếu đánh ban trưa không có lợi bằng đánh vào buổi chiều vì sương mù sẽ hạn chế tầm quan sát của máy bay. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50 km; đồn ngã cây hai bên đường, đào đường, đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch. Kế hoạch hành quân và tác chiến phải tuyệt đối bí mật, chỉ phổ biến đến cán bộ chỉ huy cấp đại đội.

Nhờ thu được nhiều máy vô tuyến của Pháp trong trận chống càn ở chiến khu Đ vào tháng 2-1948, Ban chỉ huy chi đội có điều kiện liên lạc bằng điện đàm thông suốt trên cả ba mặt trận kéo dài 9 km. Đêm 26-2-1948, Chi đội 10 cùng liên quân 17 của Quân khu 7 hành quân từ Chiến khu Đ lên Quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28-2, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107. Bộ phận hậu cần phục vụ y tế, ăn uống ở tả ngạn sông Đồng Nai cách 6 km. Đồng chí Bùi Cát Vũ, Giám đốc Binh công xưởng và các chiến sĩ quân giới chi đội đã có sáng kiến chôn địa lôi trên đường nhựa, dùng phân voi nghi trang bên trên. Quốc lộ 20 khúc khuỷu, hai bên là rừng, voi thường qua lại, phân voi rừng rất quen mắt với các đoàn công voa, địch ít chú ý. Sáng 1-3-1948, trên toàn tuyến trận địa, các chiến sĩ Chi đội 10 Biên Hòa đã sẵn sàng chiến đấu trong trạng thái căng thẳng chờ đợi địch.

Cùng sáng ngày đó, đoàn công voa 70 chiếc của Pháp có xe thiết giáp đi đầu khởi hành từ Sài Gòn. Khi đến Hồ Nai, du kích quận Châu Thành bắt đầu hoạt động, bắn tỉa, quấy rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỗi mệt. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào Quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà. Trung úy Jeffrey, chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe liên lạc với bớt La Ngà. Tên sếp bớt cho hay tình hình không có gì lạ. Jeffrey lại gọi điện cho đại tá Talès Chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai thương đề nghị cho nghỉ lại hoặc cho thêm quân hộ tống. Talès trả lời dứt khoát: Đây là khu vực đã bình định, đoàn xe cứ đi, vừa đi vừa bắn mạnh vào hai bên đường. Cả đoàn xe lại lăn bánh vào trận địa

trong tiếng súng nổ liên tục hai bên đường. Chiến sĩ chi đội 10 vẫn im lặng, kiên nhẫn chờ đợi.

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bông lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa. 15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lựu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Một số xe còn lại phía sau hốt hoảng quay đầu rút chạy về hướng cầu La Ngà.

Đoàn công voa của giặc như con rồng uốn khúc trên Quốc lộ 20, vật vã lòng lộn, oằn oại, bốc cháy ngả nghiêng. Xác quân Pháp ngổn ngang trên xe, dưới đường. Trận đánh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị chết, trong đó có đại tá De Sérigné chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius Phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương. Trận đánh đã kết thúc mà trên đoạn đường dài 9 km vẫn còn khói lửa ngút trời, tiếng nổ của đạn, bánh xe thỉnh thoảng lại vang lên giữa núi rừng.

50 hành khách gồm người lớn tuổi, trẻ em sau khi được giải thích đường lối kháng chiến của cách mạng, được phóng thích ngay buổi chiều để về Sài Gòn. Hơn 200 hành khách còn lại và binh lính Pháp bị thương được bộ đội đưa vào khu rừng Suối Cát, cách Quốc lộ 20 trên 5 km về phía tây. Nhờ có lương thực dự trữ, các hành khách gồm cả Pháp, Việt, Ấn, Hoa đều được phát cơm nắm, cá khô nướng, người bị thương đều được chăm sóc. Trước thái độ hiên ngang, ân cần, chu đáo của bộ đội, hàng trăm hành khách từ trạng thái lo sợ đã từng bước thân thiện, cảm phục quân kháng chiến "gian khổ mà hiên ngang".



*Tượng đài  
chiến thắng La  
Ngà*

Giáo sư sử học người Pháp tên Hoa Rô (có con trai là trung úy Hoa Rô Trưởng Phòng Nhì chi khu Xuân Lộc) sau một ngày ở "bung biển" cùng bộ đội

đã bộc lộ suy nghĩ: "Những điều tai nghe, mắt thấy đưa chúng tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hoàn toàn trái ngược với những điều chúng tôi biết được trước đây qua tuyên truyền chính thức của chính phủ Pháp. Là giáo sư sử học, tôi hiểu chính nghĩa thuộc về các bạn, các bạn nhất định thắng. Tự thâm tâm tôi chúc các bạn sớm thành công". Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu.

Sáng ngày 2-3-1948, tất cả các hành khách sau một đêm sống trong vùng kháng chiến được bộ đội đưa ra Quốc lộ 20 để về Sài Gòn.

\* **Ý nghĩa trận đánh:** Trận La Ngà làm nức lòng quân dân cả nước, tại chiến khu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch và đại tướng Võ Nguyên Giáp ngay sau khi nhận được tin chiến thắng đã quyết định tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II cho các lực lượng vũ trang tham gia trận đánh và phát động toàn quân học tập theo gương các chiến sĩ La Ngà. Trận La Ngà là thắng lợi cả về quân sự và chính trị. Chiến thắng này là khẳng định khát vọng “Thà hy sinh tất cả chứ chúng ta không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ” của nhân dân ta. Làm cho nhân dân thế giới, trong đó có cả nhân dân pháp hiểu được cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân ta mà đồng tình ủng hộ sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Đối với lực lượng vũ trang nói chung, khu 7 nói riêng đánh dấu một bước phát triển mới về tổ chức chỉ huy, về chiến thuật sử dụng lực lượng, bố trí trận đánh và cách đánh chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng. Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khu kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. Có thể khẳng định, La Ngà là trận đánh phục kích giao thông tiêu diệt đoàn xe Pháp lớn nhất ở chiến trường miền Đông bấy giờ. Ngoài thắng lợi quân sự, chiến thắng La Ngà còn mang ý nghĩa chính trị to lớn. Chiến thắng La Ngà ngày 01/3/1948 là một minh chứng hùng hồn cho sự lớn mạnh của lực lượng kháng chiến Biên Hòa và miền Đông Nam bộ.

## **10. Biên Hòa - Nơi sản sinh cách đánh đặc công**

Bị thất bại ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947-1948, thực dân buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định Nam bộ, "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt giết người Việt".

Trên chiến trường miền Đông và Biên Hòa, tướng De Latour đã cho thực hiện chiến thuật "điểm và đường". Địch cho xây dựng một hệ thống đồn bót, tháp canh dọc các Quốc lộ 1, 15, 20, Tỉnh lộ 24, 16, nhằm bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông vận chuyển của kháng chiến. Tháp canh của Pháp gồm hai loại: tháp canh con (tháp nhỏ) cao từ 6 đến 8 mét do 1 bán đội canh giữ; tháp canh lớn (tháp mẹ - tour de la mère) cao từ 10 đến 12 mét do 1 tiểu đội canh giữ. Các tháp canh được xây bằng tường hoặc đá, độ dày từ 0,6-0,8 mét,

chia làm ba tầng, tầng trên cùng có nhiều lỗ châu mai. Các tháp canh cách nhau khoảng 300 mét tùy theo địa hình, có cái chỉ cách nhau 100, 150 mét để có thể bắn hỗ trợ lẫn nhau khi bị tấn công. Địa hình xung quanh các tháp canh đều được địch phát trồng, ban đêm có đèn soi, do đó việc đến gần tháp canh rất khó. Với độ cao của tháp canh, địch có lợi thế quan sát xa. Tường tháp canh lại dày, lực lượng vũ trang của ta chưa có vũ khí để công phá tường tháp. Địch cho tháp canh là rất an toàn. Dựa vào ưu thế này, thực dân Pháp còn dùng tháp canh như một phương tiện để mở rộng lấn chiếm vùng căn cứ, du kích, lấn chiếm đến đâu địch cho xây tháp canh đến đó. Chiến thuật tháp canh của Pháp còn được gọi là chiến thuật "tằm ăn lá dâu", "vết dầu loang" hay "chiến thuật De Latour".

Tính đến tháng 6-1949, ở miền Đông (cả Sài Gòn, Chợ Lớn, Khu 8), địch đã xây dựng được 200 tháp canh. Hệ thống tháp canh của Pháp gây cho ta nhiều khó khăn, việc di chuyển qua lại trên đường của ta bị địch khống chế.

Trên chiến trường miền Đông, theo sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh khu 7, nhiều tỉnh như Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều tổ chức nghiên cứu đánh tháp canh. Có nơi dùng vũ trang kết hợp binh vận; có nơi dùng hỏa công bằng cách dùng bùi nhùi cột vào đuôi trâu đốt cháy rồi lừa vào tháp canh; có nơi đào hào cho nước vào đồn...nhưng tất cả đều không thành công. Đánh hạ tháp canh trở thành bài toán khó.

Trong lúc đó, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy, dựa vào cơ sở nhân dân đã điều nghiên khá kỹ tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ số 16 và nhận thấy: Muốn đánh được tháp canh phải lọt vào tiếp cận tháp canh, bằng cách lợi dụng sơ hở của địch khi đổi gác, đốt thuốc...; Phải hóa trang cho tiếp với màu đất xung quanh tháp, mắt không hướng lên khi địch soi đèn; Sử dụng thang để lên tháp canh ném lựu đạn vào lỗ châu mai. Ông chọn một cây độc mộc trong căn cứ, cho vài du kích leo lên cây soi đèn xuống các hướng, bên dưới du kích tập bò vào, rút kinh nghiệm làm lại nhiều lần đến khi người ngồi trên cây không phát hiện được người phía dưới khi đã vào sát tường.

Đêm 18 rạng 19-3-1948, tổ du kích Tân Uyên do Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên lên đường đánh tháp canh, vũ khí gồm 1 súng trường, 8 lựu đạn (1 của Mỹ, 7 tự tạo) và một chiếc thang cây (dùng để hái trà, mượn của nhân dân). Cả ba du kích ở trên, dùng bùi nhùi non bôi lên người. Các anh vượt qua hàng rào quanh tháp, áp thang vào tường (hai đầu thang có bọc vải để không gây tiếng động). Cả ba anh đều leo lên thang, dùng lựu đạn đánh vào cả ba tầng tháp canh. Toàn bộ 11 tên lính trong tháp đều bị chết, ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn. Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tạo biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.



Tháng 11-1949, Bộ Tư lệnh khu 7 mở hội nghị quân sự toàn khu tại Tân Hòa để bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Từ kinh nghiệm trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên, hội nghị đã rút ra nhiều kinh nghiệm quý để từng bước hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu, tiếp cận mục tiêu, hóa trang và vượt các chướng ngại... Đồng thời Bộ tư lệnh chỉ đạo cho Binh công xưởng nghiên cứu, chế tạo thành công mìn FT có khả năng phá được tường tháp canh. Công tác huấn luyện cách đánh tháp canh được tiến hành tại chiến khu Đ với du kích Tân Uyên làm chiến sĩ mẫu. Đêm 22-3-1950, ba trăm chiến sĩ, du kích chia làm 50 tổ đánh cùng lúc 50 tháp canh trên các Quốc lộ 1, 16, liên tỉnh 16, 24... Các tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ to từ 0,8 mét đến 1,5 mét. Sau trận đánh, Bộ Tư lệnh khu 7 tiếp tục rút kinh nghiệm, chỉ đạo cải tiến vũ khí bằng cách đánh bồi thêm một quả mìn bê-ta khi tường tháp bị đánh thủng. Đêm 19-4-1950, tổ đánh tháp canh của Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với FT và bê-ta, đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Sau đó, tháng 5-1950, tổ lại đánh sập tháp canh Vàm Giá (Quốc lộ 14). Với trận Vàm Giá, kỹ thuật đánh tháp canh đã hoàn thiện.

Hội nghị quân sự Khu 7 năm 1950 đã kết luận cách đánh tháp canh bằng cách tiếp cận mục tiêu, dùng mìn FT+bê-ta là cách đánh đặc công. Ngày 25-5-1950, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được thành lập, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ. Kỹ thuật đặc công từ Biên Hòa được phổ biến ra khắp miền Đông, góp phần đánh bại chiến thuật Đờ La-tua của Pháp. Từ 1952, cách đánh đặc công được phổ biến về miền Tây Nam bộ.... Nhiều trận đánh đặc công đã đạt hiệu suất cao, nhất là đánh vào kho tàng, cơ quan đầu não của địch như đánh kho Phú Thọ, sân bay Gia Lâm, Cát Bi, đánh đòi A1 trong chiến dịch Điện Biên Phủ...



*Tượng đài kỷ  
niệm chiến thắng  
tháp canh cầu Bà  
Kiên  
(Xã Thạnh  
Phước, thị xã Tân  
Uyên)*

\* **Ý nghĩa:** Như vậy từ Biên Hòa, cách đánh đặc công đã ra đời, đó là kết quả của phong trào du kích phát triển cao với tinh thần sáng tạo trong chiến đấu và chế tạo vũ khí thích hợp. Biên Hòa cũng là nơi xây dựng đơn vị đặc

công đầu tiên ở Nam bộ. Ngày 19-3-1948 sau này được lấy làm ngày truyền thống của binh chủng Đặc công.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sử dụng lối đánh đặc công tấn công các đồn bót, kho tàng, căn cứ quân sự hiểm yếu của địch. Bằng lối đánh bất ngờ, lấy ít đánh nhiều, lực lượng đặc công đã làm nên những chiến công vang dội, tiêu diệt và làm tiêu hao nhiều sinh lực địch. Người có công đầu trong việc xây dựng, hình thành lối đánh đặc công là cố Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Đại tá Trần Công An - đồng chí Hai Cà.

Đặc biệt ở Biên Hòa theo cách đánh này, các chiến sĩ đặc công của ta đã làm nên những chiến thắng vang dội như: chiến thắng Sân bay Biên Hòa và Tổng kho Long Bình. Người kế tục cách đánh này là Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Thanh Tùng, nguyên Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai.

### **11. Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất**

Suốt chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, câu "Chiến khu Đ còn - Sài Gòn mất" là lời đánh giá của kẻ thù với một vùng căn cứ cách mạng ở Biên Hòa, thể hiện rõ vai trò, vị trí và sự lợi hại của căn cứ này với toàn bộ cuộc kháng chiến ở miền Đông và Nam bộ.

Khởi phát của căn cứ địa cách mạng Chiến khu Đ là các xã Mỹ Lộc, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An của huyện Tân Uyên (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Nơi đây từ năm 1940, đã hình thành đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa của tỉnh Biên Hòa. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, đội du kích do ông Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy rút vào khu vực rừng Tân Uyên, bảo toàn được lực lượng cho đến khi Cách mạng tháng Tám thành công.

Khi thực dân Pháp chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa (25-10-1945), một bộ phận của Ủy ban kháng chiến miền Đông do Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy về Tân Tịch, kết hợp cùng đội du kích Nam kỳ khởi nghĩa và trại du kích Vĩnh Cửu, hình thành Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 12-1945, Chiến khu 7 ra đời do Nguyễn Bình làm Tư lệnh về đóng tại Lạc An. Tháng 2-1946, sau hội nghị quân sự khu Đông, Bộ tư lệnh quyết định xây dựng căn cứ địa và đặt tên là Chiến khu Đ (theo thứ tự vùng căn cứ A, B, C, Đ) trung tâm là xã Lạc An. Từ tháng 3-1946, Bộ tư lệnh Khu 7 dời về Đông Thành, Chiến khu Đ trở thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Biên Hòa. Phạm vi Chiến khu Đ gồm 5 xã, nam giáp sông Đồng Nai, bắc giáp sông Bé, tây giáp Tỉnh lộ 16. Chiến khu Đ là nơi đóng cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên; các cơ quan Dân, Chính, Đảng của tỉnh, của huyện Tân Uyên; Chi đội 10, Trung đoàn 310, liên trung đoàn 301-310 cùng các cơ quan Binh công xưởng, Quân nhu với một hệ thống sản xuất gồm các nông trường ở Lạc An, vàm Sông Bé, Giáp Lạc...

Rừng bao la, dày đặc, nhiều suối với đủ loại cây, trái rừng, củ rừng (củ từ, củ nân, củ mài...), xen kẽ những trảng trống và đủ loại thú rừng từ voi, hổ, báo, bò rừng đến nai, hươu, khỉ, các giống chim, thú bò sát; những bàu Cá, bàu Phụng, bàu Sinh... Đó là những quà tặng của thiên nhiên với vùng căn cứ, đảm bảo được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm lúc khó khăn. Rừng chiến khu Đ trải dài từ bắc Biên Hòa đến rừng Tây Nguyên, tạo thành một hành lang nối liền miền Đông Nam bộ với Liên khu 5 và ra hậu phương lớn. Chiến khu Đ lại chỉ cách Biên Hòa - trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông, Sài Gòn thủ phủ nguy quyền Sài Gòn không xa. Bằng đường giao liên bí mật, công khai, các lực lượng kháng chiến xâm nhập vào các thị xã, thị trấn, vùng tạm chiếm, tiến công các cơ quan đầu não, kho tàng của thực dân.

Từ Chiến khu Tân Uyên, đêm 1-1-1946, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, miền Đông tổ chức tiến công đầu tiên vào các công sở, nơi đóng quân của thực dân Pháp trong tỉnh lỵ Biên Hòa. Đòn tiến công bất ngờ này gây tiếng vang lớn ở Nam bộ. Cuộc kháng chiến nơi chiến khu Đ đã làm nên những nhân vật sống mãi với lịch sử: Huỳnh Văn Nghệ, nhà thơ - chiến sĩ; Nguyễn Văn Quý - người giữ rừng miền Đông suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ đến năm 1968. Từ căn cứ địa chiến khu Đ, Chi đội 10 Biên Hòa đã mở hàng loạt trận đánh giao thông đường bộ, đường sắt ngoài căn cứ phối hợp nhịp nhàng với chiến trường chung đánh bại cuộc hành quân của thực dân Pháp đánh vào Chiến khu Việt Bắc thu đông 1947. Đó là các trận Gia Huynh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, Đồng Xoài, nhất là trận giao thông chiến nổi tiếng La Ngà.

Chiến khu Đ là nơi sản sinh ra cách đánh đặc công, lực lượng đặc công và phổ biến kỹ thuật tác chiến mới ra cả nước, cơ sở để hình thành binh chủng Đặc công sau này. Trong kháng chiến 9 năm, Biên Hòa ở phía đông Sài Gòn, là nơi đóng các cơ quan đầu não của địch ở miền Đông, Chiến khu Đ tồn tại là mối đe dọa lớn cho thực dân Pháp ở Biên Hòa và Sài Gòn. Kẻ thù khiếp sợ Chiến khu Đ chính là vì thế trận "thiên la địa võng" của căn cứ. Làng kháng chiến đã hình thành khắp nơi trong căn cứ với hàng trăm loại chạ bẫy: chông tre, chông đinh, lựu đạn gài, mìn gài, đập lôi... để đánh bại bao cuộc hành quân càn quét lớn của địch vào căn cứ. Kẻ thù lần chiếm, phong tỏa, bao vây, đánh phá chiến khu bằng bom đạn, triệt phá kinh tế, biệt kích, gián điệp... hòng tiêu diệt cơ quan đầu não, dự trữ kinh tế kháng chiến nhưng đều bị thất bại, lại hao binh tổn tướng. Trận càn tháng 2-1948 với 2.000 quân của Pháp có hải quân, pháo binh, máy bay yểm trợ đã bị thất bại ê chề. Phương tiện chiến lợi phẩm ta tịch thu của Pháp trong trận này lại góp phần tăng thêm sức mạnh để bộ đội Biên Hòa làm nên chiến thắng La Ngà.

Chiến khu Đ trải qua không ít khó khăn, nhất là bão lụt tháng 10 năm Nhâm Thìn 1952. Địch càn quét liên tục 52 ngày đêm vào căn cứ, lực lượng ta chặn đánh gây cho địch thương vong nặng phải rút lui. Ta tuy có khó khăn trong



cơn bão lụt nhưng bộ đội đã chủ động tấn công bức rút đồn Rạch Đông, phá sập hệ thống tháp canh của địch ven căn cứ từ Rạch Đông đến Cây Đào. Địch có thể phá hoại một vài cơ sở sản xuất lương thực, hậu cần trong căn cứ nhưng không thể làm chùn bước lực lượng kháng chiến. Đặc biệt, Chiến khu Đ lại là nơi thể hiện cao tinh thần và ý chí bám trụ chiến đấu kiên cường của bộ đội Cụ Hồ. Chiến khu Đ là hình ảnh một xã hội mới trong kháng chiến 9 năm. Nơi đây, dân quân đoàn kết một lòng chống giặc. Các phong trào văn hóa như nếp sống mới, xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, lao động sản xuất thu hút nhân dân từ các vùng. Cuộc sống mới ở căn cứ đã biến Chiến khu Đ thành biểu tượng của lòng tin vào cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Kết hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ (đông xuân 1953-1954), từ Chiến khu Đ, các lực lượng vũ trang chủ lực, địa phương, du kích mở đợt tấn công địch, bao vây, bức rút các đồn bót địch ở Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên), các đồn bót ven chiến khu như: Phước Hòa, Tân Định, Đại An, Rạch Đông, vây lấn địch mở rộng Chiến khu Đ ra giáp sông Đồng Nai, đường 16 lên giáp Sông Bé. Tại Nhà Nai tháng 8-1954, Tỉnh ủy Thủ Biên tổ chức cuộc mít tinh lớn mừng thắng lợi cuộc kháng chiến. Các lực lượng vũ trang chia tay nhân dân để lên đường tập kết ra miền Bắc, hẹn hai năm sau gặp lại. Chiến khu Đ đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp. Rừng chiến khu Đ còn đó để chuẩn bị vào cuộc đấu tranh mới.



*Cụm An ninh Tỉnh báo Công an Đồng Nai - Về nguồn tại Chiến khu Đ*

\* **Ý nghĩa:** Trải qua nhiều thời kỳ hy sinh gian khổ, người dân Chiến khu Đ đã được hun đúc trong ngọn lửa cách mạng trong suốt 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, với tinh thần dũng cảm, kiên cường, mưu trí, luôn cháy bỏng ước mơ chiến đấu vì độc lập tự do và xây dựng quê hương giàu đẹp

đã lập nên những chiến công vẻ vang mãi mãi là niềm tự hào của quân dân miền Nam nói chung, quân dân Chiến khu Đ nói riêng.

## **KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**

### **12. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc của nhân dân ta đã kết thúc hơn hai thập kỷ qua. Trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù Mỹ ngụy đã dùng mọi thủ đoạn dã man để đánh phá phong trào, sát hại những người con yêu nước ở miền Nam. Nhưng dù trong những hoàn cảnh đen tối nào, quân dân miền Nam vẫn giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, giữ vững ý chí cách mạng và giữ trọn niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Đầu năm 1956, Mỹ - Diệm tập trung lực lượng đánh phá cách mạng, đẩy mạnh các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam. Chúng đánh vào nhân dân mà đối tượng chủ yếu trước mắt là cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ và những gia đình cơ sở cách mạng. Chúng hy vọng dùng bạo lực bắt nhân dân phát hiện, tố cáo cán bộ, đảng viên. Mỹ - Diệm mở đầu chính sách “tố cộng, diệt cộng” bằng nhiều hình thức: chúng tuyên truyền xuyên tạc lịch sử, phủ định công lao của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và thanh lọc chia dân để kiểm soát.

Tháng 7 năm 1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành... Nhiều cán bộ, đảng viên của tỉnh Biên Hòa sa vào tay giặc. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị bắt bớ, tù đày.

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chỉnh Biên Hòa” có diện tích 3.600 m<sup>2</sup> nằm cạnh quốc lộ 1 đối diện Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, cách trung tâm thị xã Biên Hòa 2 km về phía Đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ đảng viên, đồng bào yêu nước khắp miền Nam giam giữ tại đây. Đến thời điểm tháng 12 năm 1956 nhà tù Tân Hiệp địch giam 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước.

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp (Biên Hòa) chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Tháng 11 năm 1956, phương án nổi dậy phá khám Tân Hiệp hoàn thành. Công tác chuẩn bị được tiến hành chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm

những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng, Bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G, phá khám án định là chiều ngày chủ nhật 02 tháng 12 năm 1956.

Chiều chủ nhật, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Một số anh em còn lảng vảng quanh sân, gần cột cờ và các bót gác.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ chiến đấu áp sát những mục tiêu đã được phân công.

Đúng như phương án tác chiến giờ đối gác là lúc địch có nhiều sơ hở. Ngày chủ nhật cũng là thời điểm mà binh lính có nhiều chênh mảng hơn ngày thường. Chín tháp canh xung quanh trại giam theo qui định phải có 3 lính gác thường trực, gác công 3 người, cộng tất cả là 30. Nhưng thực tế cuộc giao ca gác vào buổi chiều ngày chủ nhật này mỗi tháp chỉ còn một lính canh. Kho vũ khí có khoảng 9 – 10 tên lính, hết phiên trực đã nộp súng đạn vào kho và ngồi tán gẫu. Toàn bộ lính trực trong thời điểm này chỉ còn 12 tên. Số còn lại đều về với gia đình ở trại C hoặc la cà trong các hàng quán.

17 giờ 50 phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến mục tiêu. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Còn Lém... xông thẳng vào kho vũ khí bắt trời trảng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Bọn lính kể bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trời tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.

Phải mất mấy phút sau cánh cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một xung kích quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Một số anh chị em không được phổ biến trước cũng vội vàng chạy theo. Cánh cổng chính trại giam thay vì khi mở kéo vào nhưng trong lúc vội vàng tù nhân lại cố sức đẩy bật ra nên chỉ mở được một cánh, cánh kia chỉ hé được một phần gây ùn tắc, một số anh em kên nhau nhảy vọt qua hàng rào. Tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Lúc đầu lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Hơn 15 phút sau bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Tên trung sĩ Đặng Đức Tài, phó chỉ huy lính bảo an trèo lên tháp canh số 1 cùng tên lính gác dùng trung liên bắn xối



xả ra hướng công trại và sân banh. Tiếp đó tên thượng sĩ Lê Văn Huệ cũng ra lệnh cho tên lính ở tháp canh số 2 bắn chéo ra ngoài lộ 1.

Theo kế hoạch của ta thì khi dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng chuyển ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường, dùng súng cướp được bắn áp chế các tháp canh số 1 và số 2 để yểm trợ anh chị em tiếp tục chạy thoát. Do có sự ứn tắc ngoài dự kiến, nên không thực hiện được phương án.

Khi địch nổ súng, một bộ phận xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Chiến Lũy (Hai Thông), Phạm Văn Rô, Tân, Thức... đang vận động về phía sau trại E, quay súng bắn kiềm chế hai tháp canh (tháp 1 và 2) nhằm hút hỏa lực địch về phía sau.

Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước công trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối. Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt. Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 đồng chí thoát được trở về tới căn cứ.

Gần 500 cán bộ, đảng viên với 41 khẩu súng các loại thu được là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam.



*Tác giả tại Di tích Nhà Lao Tân Hiệp*

\* **Ý nghĩa:** Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ cốt cán của Đảng về với cách mạng và cướp được một số lượng vũ khí

khá lớn (41 súng các loại). Thắng lợi của cuộc nổi dậy phá khám ở Tân Hiệp là nguồn bổ sung to lớn và vô cùng quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và các tỉnh miền Đông Nam bộ nói riêng trong những ngày đầu chuẩn bị cho phong trào khởi nghĩa vũ trang tiến lên Đồng khởi ở miền Nam.

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp mãi mãi là niềm tự hào của những thế hệ chiến sĩ cách mạng đã qua và các thế hệ trẻ của Biên Hòa - Đồng Nai hôm nay và mai sau, đã và đang nối tiếp cha anh viết tiếp trang sử hào hùng của quê hương "Miền Đông gian lao mà anh dũng" trong đấu tranh và xây dựng.

### **13. Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh**

Sau những chiến dịch khủng bố ác liệt của Mỹ - ngụy, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Phong trào bị chìm trong máu và nước mắt. Trước tình hình đó, số cán bộ, đảng viên còn lại và quần chúng cách mạng muốn cầm ngay vũ khí đánh trả quân thù.

Tháng 12 năm 1956, Xứ ủy họp đánh giá tình hình và đề ra chủ trương: “do nhu cầu của cách mạng miền Nam, trong chừng mực nào đó cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm... Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi, tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan đứng vào hàng ngũ nhân dân, lợi dụng danh nghĩa giáo phái kỳ khai để diệt ác ôn”. Đầu năm 1957, “Đề cương cách mạng miền Nam” và nghị quyết của Xứ ủy được Liên tỉnh ủy miền Đông triển khai cho cán bộ chủ chốt của Biên Hòa. Lo sợ trước làn sóng đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đang dâng lên mạnh mẽ khắp nơi ở miền Nam, cay cú trước những thất bại về quân sự, chính trị, ngoại giao, ngày 1 tháng 12 năm 1958, Mỹ - Diệm đã man đầu độc giết hại hàng trăm cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Bình Dương). Cả nước căm phẫn. Tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo ngay cuộc đấu tranh chính trị với quy mô lớn trong toàn tỉnh. Bất chấp sự ngăn cấm khủng bố của địch, hàng ngàn đồng bào ở các huyện thị ở Biên Hòa, Long Khánh kéo về Sài Gòn, các thị xã, thị trấn biểu tình vạch trần bộ mặt phát xít tàn bạo của chế độ Mỹ - Diệm.

Tháng 5 năm 1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định. Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy của BIF thị xã Biên Hòa. Văn phòng nhà máy của BIF trở thành cư

xá chuyên gia Mỹ trong phái đoàn MAAG đang làm nhiệm vụ cố vấn huấn luyện cho sư đoàn 7 ngụy ở Biên Hòa.

Liên tỉnh ủy quyết định chọn một số điểm ở Biên Hòa để điều nghiên đánh Mỹ. Đánh Mỹ ở Biên Hòa thắng lợi sẽ có tác động lớn vì sau Sài Gòn, đây là hậu cứ, là trung tâm đầu não của bọn Mỹ - ngụy ở miền Đông, nơi được mệnh danh là “sân sau của Sài Gòn”. Ban quân sự miền Đông giao trách nhiệm cho đồng chí Lâm Quốc Đăng tổ chức thực hiện nhiệm vụ quan trọng này với phương châm là tuyệt đối bí mật, an toàn, chắc thắng.

Đầu tháng 2 năm 1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250 nguyên là thị ủy viên thị xã Biên Hòa nghiên cứu tình hình. Cuối tháng 6 năm 1959, Liên tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa và ấn định vào 19 giờ ngày 7 tháng 7 năm 1959 mổ súng.

Chiều tối ngày 5 tháng 7 năm 1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội vũ trang gồm 6 đồng chí nhận lệnh xuất phát. Khuya ngày 5 tháng 7, đơn vị đã về gò Cây Trâm Muối rừng Tân Phong – Khu căn cứ của Thị ủy Biên Hòa. Tại đây các đảng viên mật của chi bộ sở cao su Bàu Hang đã lo sẵn điểm trú quân, chuẩn bị cơm nước phục vụ anh em. Ngày 6 tháng 7, đồng chí Ba Lễ vào căn cứ gặp mặt toàn đội, trao đổi về tình hình và kế hoạch tác chiến. Đêm 6 tháng 7, đội vũ trang tiếp tục bí mật hành quân về rừng chồi Gò Me ém quân trong căn hầm bí mật phía sau nhà má Nguyễn Thị Xuân (Ba Xuân) - một cơ sở cách mạng của Thị ủy Biên Hòa. Ngày 7 tháng 7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Tín hiệu của cơ sở cho thấy mọi bí mật vẫn hoàn toàn đảm bảo. Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim “Cái áo rách” do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ngay ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đổi phiên gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, nguyên là thợ sửa chữa điện ở tiệm Minh Tuyên (chợ Biên Hòa) kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và đẩy nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cống phụ tiến vào áp sát cư xá. Hai đồng chí bí mật nấp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nhả đạn. Hai chiến sĩ khác ém sát sau tấm rèm che cửa phòng ăn. Riêng đồng chí Huệ và đồng chí Sắc mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống bếp) lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim. Đưa mìn vào đặt sẵn bên trong. Nhưng ngay lúc đó, đèn trong phòng bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã hết, trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa phát lệnh nổ súng ngay. Mấy loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng. Thiếu tá B.Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc

tam cấp cửa hông thì đưng phải tên bồi bàn hốt hoảng lao xuống. Một lính Mỹ nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho bọn Mỹ kịp phản ứng, nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huê dũng cảm chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “châm điện”. Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạnh hai đầu dây vào khối pin. Một quãng lửa chớp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mạnh cả một khu vực cư xá. Hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huê anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông thẳng vào nhà quét vài loạt đạn và nhanh chóng dìu đồng chí Sắc rút ra ngoài.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục.

Một tiếng đồng hồ sau trận đánh, bọn địch các nơi mới đến được khu cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn cũng cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại.



*Di tích Nhà Xanh  
tại Phường Thống  
Nhất – Biên Hòa –  
Đồng Nai*

Thế là sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi.

\* **Ý nghĩa:** Trận đánh ở "Nhà Xanh" đêm 7 rạng 8-7-1959 là trận đánh Mỹ đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Đông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay, tại thủ đô nước Mỹ Oa-sinh-ton (Washington) trên bức tường đá ghi tên những quân nhân Mỹ chết trận tại Việt Nam theo thứ tự thời gian thì Dale. R. Buis và Chester. M. Ovmand là hai lính Mỹ đầu tiên trong danh sách.

#### **14. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hòa**

Sân bay Biên Hòa là một căn cứ quân sự do thực dân Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp. Đến năm 1943 phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành một sân bay quân sự lớn ở miền Nam. Đến năm 1964, thành sân bay quân sự thuộc loại tối tân nhất ở Đông Nam Á bấy giờ.

Sân bay quân sự Tân Phong Biên Hòa nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách thành phố Biên Hòa 1 km về phía bắc, cách Sài Gòn 30 km hướng đông bắc, diện tích 40 km vuông với hai đường băng dài 1.000 mét và 3.600 mét có trang thiết bị hiện đại, đảm bảo cho các loại máy bay cất cánh hạ cánh bất cứ ngày đêm, bất cứ thời tiết.

Sân bay có 5 khu chứa máy bay các loại, có lúc lên đến 460 chiếc. Đây là căn cứ xuất phát của các loại máy bay Mỹ đi đánh phá khắp miền Nam, miền Bắc, Lào và Campuchia. Đồng thời là căn cứ huấn luyện giặc lái cho không quân Sài Gòn. Ở đây, thường xuyên có 2.000 nhân viên kỹ thuật, lính thợ. Từ 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của Sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.

Sân bay được bố phòng nghiêm ngặt. Vòng ngoài được bao bọc bởi các lớp rào kẽm gai các loại có gài mìn, lựu đạn, trái sáng, bên trong có nhiều chướng ngại, hầm hố. Ngoài cùng là các áp chiến lược, hệ thống đồn bót bao quanh.

Bên trong có nhiều con đường trải nhựa để xe cơ giới tuần tra; cách 100 - 150 mét lại có một lô cốt do 1 tiểu đội đóng giữ. Sân bay có hệ thống đèn pha soi sáng vào ban đêm. Lực lượng bảo vệ sân bay có một đại đội pháo binh, một đại đội thiết giáp, một đến hai tiểu đoàn bộ binh. Cổng ra vào sân bay có một đại đội an ninh quân đội kiểm soát. Thị xã Biên Hòa luôn túc trực 2 tiểu đoàn bộ binh ứng chiến sẵn sàng chi viện khi cần. Trên sông Đồng Nai thường xuyên có các giang thuyền tuần tra. Máy bay địch từ Tân Sơn Nhất có thể chi viện bất cứ lúc nào.

Từ tháng 4-1964, Bộ Tư lệnh Miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa để tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Tổ điều nghiên của đoàn pháo binh Miền do Huỳnh Thành Đồng chỉ huy lên đường làm nhiệm vụ từ tháng 4. Biệt động thị xã Biên Hòa đã hỗ trợ rất tích cực để đội trinh sát hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 9-1964, đồng chí Lương Văn Nho, Đoàn trưởng pháo binh U80 Miền và bộ phận trinh sát về Chiến khu Đ trực tiếp làm việc cùng Tỉnh ủy, Tỉnh đội Phước Thành chuẩn bị cho trận đánh.

Trên đường hành quân, lực lượng phải mang vác vũ khí nặng qua nhiều ruộng lầy, rừng chồi, vượt qua nhiều đồn bót, áp chiến lược, trong đó có khoảng gần 10 km địa hình trống trải ở ngoại vi sân bay Biên Hòa. Nhân dân Chiến khu Đ đã cho mượn ghe xuồng để lực lượng bí mật vượt sông.

Đêm 31-10-1964, 7 khẩu đội cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháo bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh, xây dựng trận địa. 23 giờ 20 phút ngày 31-10-1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân



bay Biên Hòa. Các đồng chí Tô Thái, Tiêu Ngọc Tiên cán bộ chỉ huy trực tiếp đứng trên một chạc cây cao để quan sát và hiệu chỉnh cho pháo bắn.

Sân bay Biên Hòa bị bao trùm bởi tiếng nổ và khói lửa. Tiếng nổ làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường băng, các chiến sĩ pháo binh đã rút về Chiến khu Đ an toàn. Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó có 21 máy bay ném bom chiến lược B57 Mỹ vừa đưa sang, 11 phóng pháo cơ Xca-rai- đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháo 105 ly, 1 đài quan sát sân bay... Nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính bị chết.

Trận tập kích bằng pháo vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ gây choáng váng cho địch. Tổng thống Mỹ đang đi vận động tranh cử phải vội vã quay về Nhà Trắng để nghe báo cáo về sân bay Biên Hòa bị quân ta tiến công. Taylor, đại sứ Mỹ ở miền Nam khi đến sân bay sáng ngày 1-11-1964, trước cảnh hoang tàn đổ nát khủng khiếp đã phải than vãn: "Rõ ràng Việt cộng đã làm một việc mà trước đây họ chưa hề làm, tôi không thích những chuyện như thế". Các báo chí phương Tây đều đưa tin về trận đánh với nội dung: Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa, thì họ có thể đánh bất cứ đâu khi họ muốn.

Trên báo Nhân Dân số ra ngày 12-11-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có bài bình luận, kết thúc bằng 4 câu thơ: "Uy danh lừng lẫy khắp năm châu Đạn cối tuôn cho Mỹ bẽ đầu. Thành đồng trồng thắng lay Nhà Trắng Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu". Đoàn pháo binh U80 của Miền đã được Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng huân chương Quân công giải phóng hạng nhất.



*Tác giả tại Tượng đài chiến thắng Sân bay Biên Hòa*

\* **Ý nghĩa:** Chiến thắng sân bay Biên Hòa lần này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang quân giải phóng miền Nam. Từ năm 1965 đến khi

kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và nguy quyền, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.

### **15. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ nguy ở Biên Hòa (Đánh kho Long Bình)**

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ đã tiến hành san ủi rừng lập Tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình là kho hậu cần vào loại lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.

Kho liên hợp hậu cần Long Bình chiếm diện tích khoảng 24 km vuông, cách thành phố Biên Hòa 7 km, Sài Gòn 30 km về hướng đông, phía bắc có một dãy đồi gồm 16 mỏm nối tiếp nhau chạy dài từ bắc xuống nam theo hình cánh cung. Phía nam có sông Đồng Nai chảy từ thành phố Biên Hòa xuống tây nam căn cứ Long Bình đổ ra sông Lòng Tàu. Phía đông có sông Buông chảy từ đông sang tây. Phía bắc có đường Quốc lộ 1 và đường sắt đi Long Khánh. Phía tây giáp xa lộ Biên Hòa Sài Gòn. Kho liên hợp Long Bình là khu kho dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình còn là nơi đóng các bộ chỉ huy của Mỹ như: Bộ Tư lệnh hậu cần số 1, Bộ Tư lệnh lục quân, Bộ Tư lệnh dã chiến 2... Lực lượng chiếm đóng và bảo vệ thường xuyên tại đây có 2.000 tên Mỹ, chủ yếu là nhân viên kỹ thuật, lực lượng bảo vệ, vận tải, sửa chữa.

Bao quanh khu kho Long Bình có từ 7 đến 9 lớp rào kẽm gai các loại, có hướng đến 10 - 12 lớp, có gài mìn, lựu đạn. Từng khu một trong kho đều có hàng rào ngăn cách. Bên trong khu kho có nhiều đường để cơ giới tuần tra.

Ngoài lực lượng bảo vệ tại chỗ, về phía đông nam Long Bình có căn cứ Nước Trong, đông bắc có cứ điểm Long Lạc và nhiều đồn bót xung quanh thuộc Quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất... sẵn sàng chi viện khi kho bị tấn công.

Trong Tổng kho Long Bình, hai khu quan trọng là khu kho đồi 53 và 50. Kho đồi 53 có diện tích khoảng 3,75 km mét vuông (rộng 1,2 km, dài 2,5 km), có 18 dãy với khoảng 200 gian kho, chia thành 3 khu lớn, mỗi khu 6 dãy, mỗi dãy cách nhau 100 mét, các nhà cách nhau 60 mét. Nhà kho rộng 25 mét, cao 5,5 mét, có ụ đất dày bao bọc xung quanh chống được các loại pháo bắn thẳng, cửa làm bằng sắt dày 10 ly, có khóa kim loại cứng.

Từ cuối năm 1965, đặc công U1 (Biên Hòa) đã tiến hành nghiên cứu Tổng kho Long Bình. Nhiều lần đột nhập vào bên trong kho để trình sát, lên sơ đồ, đặc biệt là kho đồi 53 và đồi 50. Bom đạn chất thành từng dãy, cách nhau một con đường hẹp, chỉ cần nổ một kho sẽ gây chấn động làm nổ lan ra các kho khác trong khu vực.

Ngày 22-6-1966, sáu đặc công gồm: Nguyễn Tấn Vàng (Ba Vàng) mũi trưởng, Nguyễn Văn Thái (Tu Già) mũi phó, Bùi Văn Hòa, Trịnh Văn Thoàn, Phạm Văn Hòa, Nguyễn Văn Rô vào được mục tiêu, chia làm 3 tổ do Nguyễn Văn Vàng, Nguyễn Văn Thái, Bùi Văn Hòa làm tổ trưởng. Ba tổ bí mật vượt qua các lớp rào, lọt vào khu kho đồi 53. Theo kế hoạch, cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn.

Đêm 22-6, khi các chiến sĩ đã đặt trái xong, rút khỏi mục tiêu, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn. Lửa khói từ trong kho Long Bình cuộn lên thành hình cây nấm khổng lồ. Tiếng nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi ngàn quả đạn đại bác ở khu kho đồi 53 bị phá hủy. Báo chí của địch ở Sài Gòn đã đưa tin Tổng kho Long Bình bị Việt cộng tấn công. Sáng 23-6, tên tướng Tư lệnh hậu cần Mỹ lên hiện trường đã chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàn của khu kho 53. Khi được hỏi có biết Việt cộng tấn công kho không, hấn trả lời: "Nếu tôi biết Việt cộng đánh kho, tôi đã là họ rồi".

Đây là trận tiến công đầu tiên vào Tổng kho Long Bình của Mỹ, phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi lớn, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa. Đặc công Biên Hòa đã được Trung ương Cục, Quân ủy Miền tặng Huân chương Quân công hạng 3 cho đơn vị và 4 Huân chương Chiến công hạng 3 cho các chiến sĩ đã lập công đầu.



*Tổng kho Long Bình năm 1972, chụp từ trên cao*

Nét nổi bật của đặc công Biên Hòa là sẵn sàng chiến đấu phối hợp kịp thời, nhịp nhàng cùng chiến trường miền Nam theo chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền. Trong 3 tháng 10, 11, 12-1966, để hỗ trợ toàn miền đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3-1967, biệt động thị xã Biên Hòa do hai chiến sĩ Sáu Châu, Sáu An chỉ huy đã

đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.

\* **Ý nghĩa:** Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng "dạ dày" của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: “Bình chủng Đặc công Quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 19-3-1967”.

## **16. Tấn công kho Thành Tuy Hạ (Nhơn Trạch) và đánh tàu trên sông Lòng Tàu**

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho đạn Thành Tuy Hạ do Pháp xây dựng, được Mỹ sửa chữa, nâng cấp và mở rộng.

Kho nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18 km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ). Kho có chiều dài 1,5 km, rộng 1 km. Phía bắc, sát hàng rào kho có lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho Long Bình. Con sông Sâu song song với lộ 17 từ Cát Lái chảy vào sông Đồng Nai, chiều rộng 400 mét, sâu 13 mét, nước chảy xiết, bờ nam sông có 3 cảng cách nhau từ 200 đến 250 mét. Tàu trọng tải 6.000 tấn ra vào cảng dễ dàng. Phía đông, kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trảng trống. Phía nam có nhiều khoảng rừng trống, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, Ông Kèo ven lộ 19. Phía tây có ấp chiến lược Phước Lý và lộ 19. Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jeep có gắn đại liên để cơ động tuần tiễu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình.

Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu. Tháng 6-1966, đặc khu Rừng Sác được thành lập, sau này gọi là Đoàn 10 đặc công Rừng Sác. Đặc khu là một khu vực quân sự đặc biệt rộng 60.000 hecta. Nhiệm vụ của Đoàn 10 đặc khu Rừng Sác là: đánh tàu chở hàng quân sự trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện...

Đoàn 10 đặc công Rừng Sác hoạt động ở địa hình sông nước, phức tạp, thường xuyên thiếu nước ngọt, lương thực, lại phải liên tục chống địch càn quét. Đoàn phải bám dân xây dựng cơ sở cách mạng, phát huy tinh thần tự lực tự

cường, ngoài vũ khí được trang bị, Đoàn 10 còn phải tự sáng tạo vũ khí để đánh địch. Đoàn 10 đã rèn luyện thành thục, giỏi bơi lặn, nhờ vậy đã đánh được tàu địch đang di chuyển trên sông, tàu địch cập cảng, các kho tàng (mục tiêu trên bộ), các bến bãi (mục tiêu dưới nước), đánh giao thông đồn bót và pháo kích, áp sát các mục tiêu, đánh sâu vào nội thành. Trên địa bàn Biên Hòa, hai trận đánh kho Thành Tuy Hạ của Đoàn 10 đặc công Rừng Sác phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch. Đêm 11-11, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, gây thành đám cháy lớn. Hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 nhà kho bị hủy diệt.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tấc quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10-12, chiến sĩ đặc công Đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ ngày 11-12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ đến khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12-12 và ém lại trong kho. 19 giờ, đội trưởng Quyết vận động về phía nam 500 mét đã tìm thấy kho bom. Anh quay trở lại đưa cả tổ vào khu vực đánh.

Mỗi dãy kho cách nhau từ 15 đến 20 mét. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dây 1,3,5,7,9. 2 giờ 55 phút ngày 13-12-1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung.

Tiếng nổ làm chấn động cả Sài Gòn. Tiếng nổ và cháy liên tục đến ngày 14-12 mới chấm dứt. Ta đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 gian kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60.192 mét khối. Tính về trọng lượng, đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khu kho.

Bộ chỉ huy Miền đã tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng 3 cho tổ chiến đấu và 5 Huân chương Chiến công cho 5 chiến sĩ đặc công.

\* **Ý nghĩa:** Đặc công ra đời ở Biên Hòa thời kỳ chín năm đã phát huy tác dụng chiến đấu lấy ít đánh nhiều, thắng to, ta ít thương vong. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đặc công Biên Hòa tiếp tục phát huy đánh sân bay Biên Hòa, kho liên hợp Long Bình, Thành Tuy Hạ, làm thiệt hại tiềm lực chiến tranh của địch ở miền Nam, hạn chế khả năng chi viện hỏa lực của chúng, tạo điều kiện cho các chiến trường bạn đánh thắng địch. Những chiến thắng ở sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ mãi mãi ghi truyền sử sách.





*Các chiến sĩ Đặc công  
rừng Sác cưa bom địch lấy  
thuốc nổ  
để đánh tàu, xuồng và  
các kho tàng của địch*

### **17. Tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968**

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị tại Pa-ri và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10-1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có Nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 14 thông qua vào tháng 1-1968. Chuẩn bị cho cuộc tiến công, chiến trường Đồng Nai có sự điều chỉnh lại gồm các đơn vị chiến trường như sau:

- + Tỉnh U1 (thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom)
- + Hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch và Sở cao su Bình Sơn thuộc về Phân khu 4.
- + Huyện Long Khánh, Định Quán thuộc tỉnh Bà Rịa-Long Khánh.

Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, Bộ Tư lệnh 2 dã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), Quân đoàn 3 ngụy, Nha cảnh sát miền Đông...

Đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh phó - Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền đã trực tiếp về căn cứ Tỉnh ủy ở Bàu Sao (Trảng Bom) để triển khai Nghị quyết Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền, giao nhiệm vụ cho Tỉnh ủy Biên Hòa (U1) và Bộ Tư lệnh sư 5.



Đồng chí Lê Đức Anh chỉ định Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm có: Tư lệnh: đồng chí Trần Minh Tâm, Sư trưởng Sư đoàn 5 Miền; Phó tư lệnh: đồng chí Trần Công An, Tỉnh đội trưởng U1; Chính ủy mặt trận: đồng chí Sáu An; Chính ủy Sư đoàn 5 Miền: đồng chí Dũng; đồng chí Phan Văn Trang là Phó chính ủy mặt trận.

Bố trí lực lượng tại mặt trận thị xã Biên Hòa gồm Sư đoàn 5 chủ lực Miền; lực lượng phối hợp thuộc Trung đoàn 4, Trung đoàn DKB và tiểu đoàn 1 và 2 đặc công 1, đội biệt động thị xã; bộ đội địa phương và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo Trung đoàn DKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 724 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, Sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã dùng bộc phá đánh bung các lớp rào kẽm gai, tiến vào sân bay, dùng B40, thủ pháo tiến công các khu vực chứa máy bay, phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc Bà Thúc tấn công vào sườn của Tiểu đoàn 1, bị kín lối ra sân bay. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời phát triển vào khu cư xá của giặc lái và chuyên viên kỹ thuật, diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 đã hy sinh anh dũng trong sân bay (chỉ còn 1 đồng chí trở về).

Đặc công Sư 5 và Biệt động thị xã đã tiến công phía tây Sở chỉ huy Quân đoàn 3. Lực lượng đã bám trụ đánh địch phản kích ác liệt, kiên quyết giữ bàn đạp để hỗ trợ Tiểu đoàn 1 ở sân bay. Lực lượng tuy có bị thương vong, nhưng đã chiến đấu kiên cường.

Cùng thời gian, Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 5 Sư 5 và đặc công sư đoàn tiến công vào Bộ Tư lệnh Dã chiến II của Mỹ ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Máy bay địch từ sân bay Tân Sơn Nhất lên bắn rốc két ngay vào đội hình và triển khai xe tăng bao vây tiểu đoàn. Tiểu đoàn 2 bị thương vong. Ở khu ngoại vi kho Long Bình, Đại đội C92 pháo mặt đất chống trả quyết liệt với Lữ đoàn 199 Mỹ, anh dũng chiến đấu đẩy lùi 5 đợt phản kích của địch. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tư Già) chỉ huy đột nhập khu kho đồi 53, đặt trái đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tiếng nổ kéo dài đến mấy ngày sau chưa dứt.

Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tay sai ác ôn. Em Lê Minh Tâm (15 tuổi), con của má Bảy Vết đã dũng

cảm đưa hơn 20 chiến sĩ biệt động đang trụ tại trường Mỹ nghệ vượt vòng vây địch để về Hóa An. Gần 20 cán bộ chiến sĩ của Sư 5 đi lạc đã được nhân dân ấp Bình Đa nuôi dưỡng trong nhà, mấy ngày sau cơ sở lại tìm cách lườn lách đưa 20 cán bộ, chiến sĩ về căn cứ an toàn.

Sáng mùng 3 Tết (2-2-1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).



*Quân giải  
phóng trong  
cuộc tổng tiến  
công và nổi  
dậy Xuân Mậu  
Thân 1968  
tại Miền Nam  
Việt Nam*

\* **Ý nghĩa:** Xuân Mậu Thân 1968, lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh. Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm lòng của nhân dân thị xã Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

### **18. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy**

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, Xuân Lộc - Long Khánh luôn luôn là một trong những trọng điểm "bình định" của Mỹ ngụy ở miền Đông Nam bộ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ địa phương, quân dân Xuân Lộc - Long Khánh đã lập nên những chiến công xuất sắc, đặc biệt trong trận quyết chiến chiến lược mùa xuân 1975, đập tan cánh cửa thép của Mỹ ngụy ở phía đông bắc Sài Gòn, góp phần to lớn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuối tháng 3-1975, trước sức mạnh tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp chiến trường miền Nam, Quân đoàn I và II của ngụy bị đập tan, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên được giải phóng, chế độ tay sai ở Sài Gòn đang đứng trước nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, ngày 28-3-1975, trung tướng

Mỹ Uây- en, đại sứ Mỹ Mác-tin cùng phái đoàn quân sự cao cấp của Nhà Trắng đến Sài Gòn bàn định việc cứu nguy cho chế độ nguy ở Sài Gòn.

Uây-en quyết định xây dựng một tuyến phòng thủ mới chốt tại thị xã Phan Rang, nối liền với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây bắc. Uây-en nhấn mạnh với Thiệu là "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Ngay trong ngày 28-3, Uây-en cùng tướng ngự Cao Văn Viên bay lên Xuân Lộc để thị sát và trực tiếp chỉ huy xây dựng tuyến phòng thủ Xuân Lộc. "Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc" được xây dựng với hàng ngàn lính thuộc các đơn vị tinh nhuệ nhất của chúng ở Quân đoàn 3 như: Sư đoàn 18, Lữ đoàn dù số 1, Liên đoàn 7 biệt động quân, Lữ đoàn 3 thiết giáp... Nguyễn Văn Thiệu đã hứa hẹn với quan thầy: "Dù có chết, tôi cũng quyết giữ cho được Xuân Lộc".

Nhận thức rõ tính chất quan trọng và vị trí chiến lược của thị xã Long Khánh, Hội nghị của Khu ủy miền Đông (từ 31-1-1975 đến 8-2-1975) đã xác định: "Thị xã Long Khánh là một trong những nơi ta dứt điểm cuối cùng, nơi Đảng bộ miền Đông hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân của mình"

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy, Thị ủy Long Khánh đã hạ quyết tâm: Dùng ba mũi chính trị, binh vận kết hợp với vũ trang và cơ sở mật bên trong để bức hàng, bức rút các đồn, bót địch ở các xã vùng ven, tạo bàn đạp cho chủ lực (Quân đoàn 4) tiến công tiêu diệt địch ở thị xã Long Khánh. Đến cuối tháng 3-1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tinh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bức rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tua Mã Trắng, bộ đội khu giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.

Như vậy, trước chiến dịch Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang Long Khánh đã giải phóng các vùng ven thị xã, tạo bàn đạp đứng chân cho chủ lực Quân đoàn Mặt khác, nhân dân thị xã Long Khánh đã chuẩn bị lương thực, thực phẩm cung cấp cho chiến dịch. Nhân dân đã đưa vào các kho dự trữ 7.500 tấn gạo, 17.000 ống thuốc cầm máu, 43.000 lọ thuốc kháng sinh, 4.000 kg bột ngọt, hàng chục triệu đồng và nhiều hàng hóa khác phục vụ chiến dịch.

Thắng lợi của Đảng bộ, quân dân Long Khánh trước chiến dịch Xuân Lộc đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đánh giá cao: "Việc áp sát của quân khu chung quanh thị xã đã tạo điều kiện cho Miền quyết định đánh chiếm tiểu khu Long Khánh".

Từ ngày 4-4-1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát Sư đoàn 1, Sư đoàn 7 (Quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi, đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngự. Sáng ngày

9-4-1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng đông bắc và tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, quân ta đã chiếm được căn cứ biệt động quân, trụ sở tình báo CIA Mỹ ở nội ô thị xã.

Trên hướng tây thị xã, Sư đoàn 6 vẫn làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ Bồng Con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng bắc thị xã, Tiểu đoàn 445 bộ đội địa phương tỉnh và K8 - bộ đội huyện đánh tan Liên đoàn 936 tại Bình Phú, Suối Cát, bắt sống 117 tên. Từ ngày 11 đến 13-4, các lực lượng du kích và bộ đội địa phương bao vây căn cứ Núi Thi, giải phóng các xã và các đồn điền cao su.: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.



*Bộ đội ta kéo pháo vào mặt trận Xuân Lộc*

Ngày 12-4, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù nguy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng Sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Để tránh thiệt hại cho dân, Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hóa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ cổng ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15-4, Sư đoàn 6 diệt gọn Chiến đoàn 52 thuộc Sư 18 nguy ở ngã ba Dầu Giây, giải phóng hoàn toàn lộ 20, làm chủ phía tây thị xã. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ Quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ 1 đều bị đập tan.

Liên tục trong các ngày từ 16 đến 19-4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan rã hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18-4, Lữ đoàn dù số 1

nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh Sư đoàn 18 ngụy ra lệnh "tùy nghi di tản". 22 giờ ngày 20-4-1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt chặn và truy kích, bắt sống tên đại tá Tỉnh trưởng Phạm Văn Phúc và đám tùy tùng. Rạng sáng ngày 21-4-1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngày trong đêm 2-14, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ đại dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ.

\* **Ý nghĩa:** Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm yếu của địch; chỉ đạo mở chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết định toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền; giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ "chiến dịch Hồ Chí Minh" giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.

## **19. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai**

Ngày 10-3-1975, trận đánh chiếm Buôn Ma Thuột mở đầu cho chiến dịch mùa xuân 1975 trong tháng 3-1975, Tây Nguyên được hoàn toàn giải phóng. Kế tiếp sau đó là chiến dịch Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, ta giải phóng hoàn toàn Quân khu 1 và 2 của ngụy, giải phóng một vùng rộng lớn ở miền Trung và duyên hải miền Trung. Trong cơn hoảng loạn, địch phải thực hiện chiến thuật "tùy nghi di tản", rút bỏ hàng loạt vị trí để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông cố giữ cho được Sài Gòn, miền Đông và miền Tây Nam bộ, hy vọng tìm một giải pháp chính trị hòng duy trì chế độ tay sai ở Sài Gòn. Trước thời cơ cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chỉ thị cho các lực lượng tiến công giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tuyến phòng thủ thép Xuân Lộc bị đập tan, thị xã Biên Hòa là tuyến phòng thủ án ngữ cuối cùng của chế độ Sài Gòn. Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã triển khai trên hướng Biên Hòa với quân đoàn 2 và quân đoàn 4.

Quân đoàn 2 từ lộ 2 Xuân Lộc tiến về Long Thành, Nhơn Trạch để về Sài Gòn. Quân đoàn 2 đã đánh dứt điểm các cứ điểm mạnh của địch ở Suối Râm, Nước Trong, một phần kho Long Bình, chi khu Long Thành, Nhơn Trạch, giải phóng hoàn toàn hai huyện này vào ngày 7-4-1975.

Quân đoàn 4 từ Sở cao su Bình Lộc bắt đầu đánh địch vào ngày 25-4-1975, triển khai lực lượng đánh dứt điểm địch tại ngã ba Dầu Giây, Sông Thao, chi khu Trảng Bom... Quân đoàn đánh địch, giải phóng đến đâu, chính quyền địa phương tiếp quản đến đó. Quân đoàn đánh chiếm Quân đoàn III ngụy, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30-4-1975. Bộ phận Quân đoàn 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.

Kết hợp với lực lượng bên ngoài, lực lượng quần chúng bên trong nổi dậy cướp chính quyền tại chỗ. Thành ủy Biên Hòa đã chủ động triển khai công tác chuẩn bị từ ngày 9-4-1975, đến 15-4-1975 thì hoàn tất trong nội thành Biên Hòa. Kế hoạch dự kiến hai khả năng:

1. Đánh dài ngày phải di tản dân sang hướng đông bắc.

2. Đánh giải phóng ngay, tiếp quản gọn. Kế hoạch gồm các điểm chính như sau:

+ Phổ biến chủ trương giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Cán bộ, đảng viên, cốt cán đều vui mừng phấn khởi, ai cũng bắt tay ngay vào việc. Ủy ban khởi nghĩa được tổ chức ở nội thành Biên Hòa, các xã, phường ngoại ô và Khu kỹ nghệ Biên Hòa.

+ Lực lượng tại chỗ là đảng viên, đoàn viên, cốt cán nắm quần chúng và phòng vệ dân sự của địch là cơ sở của ta có trang bị súng để cùng quần chúng nổi dậy giành chính quyền tại ấp, xã, huyện, tỉnh

+ May cờ lớn nhỏ; ghi âm sẵn lời kêu gọi của Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Giải phóng Biên Hòa để kêu gọi nhân dân nổi dậy; ghi âm 10 điều kêu gọi binh lính địch, quay về với Tổ quốc lập công đầu.

+ Giải phóng tù nhân ở nhà tù Tân Hiệp và nhà tù Biên Hòa.

Tất cả mọi người đều phải hành động kết hợp theo tiếng súng của lực lượng vũ trang từ bên ngoài. Lúc bấy giờ phải phóng tay phát động không còn rụt rè do dự, phải mạnh dạn đứng lên giành chính quyền về tay mình.

Các bộ phận được phân công cướp chính quyền, chiếm giữ các mục tiêu khi giải phóng Lực lượng biệt động, an ninh và các bộ phận đánh giải phóng 4 xã: An Hòa, Long Hưng, Phước Tân, Long Bình từ 23 đến 29-4-1975. Ban Công vận thành phố tiếp quản khu Kỹ nghệ Biên Hòa vào ngày 29-4-1975. Địch ở các cứ điểm quan trọng, các cơ quan đầu não như Quân đoàn III và tiểu khu Biên Hòa, chi khu Đức Tu rút chạy từ đêm 9-4-1975. Lực lượng cán bộ, đảng viên bên trong cắm cờ ở Tòa hành chính Biên Hòa lúc 6 giờ sáng ngày 30-4-1975; sau đó là dinh Trung tướng Toàn, Tư lệnh Quân đoàn III, Nha cảnh sát miền Đông, Quân đoàn III, Ty cảnh sát Biên Hòa, Quận Đức Tu. Sở chỉ huy tiền phương và lực lượng vũ trang Trung đoàn 5, lực lượng chính trị chiếm Tòa hành chính Biên Hòa vào lúc 10 giờ 30 ngày 30-4-1975. Sư đoàn 6 chiếm giữ sân bay, Quân đoàn III vào 10 giờ 30 cùng ngày. Ban An ninh T1 chiếm giữ Nha cảnh sát miền Đông, Ty cảnh sát Biên Hòa. Ban An ninh thành phố Biên



Hòa, chiếm giữ Quận Đức Tu. Lực lượng Trung đoàn 5 triển khai chốt canh gác các ngã ba trong thành phố và giữ khu Kỹ nghệ Biên Hòa.

\* **Ý nghĩa:** Ba mươi năm chiến tranh giải phóng, mùa xuân 1975 đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại đất nước ta không còn bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến thắng ngày 30/4/1975 của Việt Nam đã làm chấn động địa cầu bởi đối thủ của Việt Nam lúc đó là cường quốc hùng mạnh nhất thế giới. Thời điểm đó và những năm sau này, nói về chiến thắng 30/4/1975, các báo nước ngoài đã dành nhiều bình luận, trong đó nhấn mạnh: "Việt Nam kiên cường, anh dũng"...



*(Cách đây 43 năm, sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn đã thất thủ dưới tay của quân giải phóng Miền Nam)*

### \* **Cảm nhận của Tôi về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai**

Lịch sử quốc gia dân tộc Việt Nam từ khi ra đời tới nay là lịch sử dựng nước và giữ nước gắn bó với nhau. Dựng nước luôn luôn gắn chặt với giữ nước, trong đó dựng nước là yếu tố cơ bản. Phải xây dựng được đất nước hùng mạnh về mọi mặt mới có điều kiện, khả năng chiến thắng các thế lực thù địch và phải giữ được nước mới có điều kiện để xây dựng đất nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, truyền thống đó có ảnh hưởng sâu sắc đến hệ tư tưởng và các thành quả tinh thần và vật chất của nhân dân ta.

Sức mạnh Việt Nam là kết quả tổng hợp của sự hy sinh phấn đấu trực tiếp của đồng bào miền Nam, cộng với sự hy sinh phấn đấu của nhân dân miền Bắc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện mọi mặt cho cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam. Dưới ngọn cờ của Đảng hơn bao giờ hết truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc từng bước được bồi đắp qua hàng ngàn năm lịch sử nay càng được phát huy mạnh mẽ, phong phú và sáng tạo, đã lập được những kỳ tích vĩ đại, vẻ vang vào bậc nhất trong lịch sử

chống ngoại xâm của dân tộc. Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm là một bộ phận rất quan trọng trong lịch sử cấu thành nước ta. Chống ngoại xâm để xây dựng một quốc gia độc lập, dân tộc độc lập. Qua hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ và 20 cuộc kháng chiến lớn, ta thấy, lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm đã để lại một truyền thống quý báu anh hùng của dân tộc.

Trong lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa Đồng Nai hơn ba thế kỷ qua, biết bao nhiêu thế hệ, trong đó có những con người tiêu biểu đã góp phần quan trọng trong chiến đấu chống ngoại xâm, trong lao động, chinh phục thiên nhiên, bồi đắp những nền tảng văn hóa cho vùng đất này bằng cả tâm huyết, tài năng, trí tuệ và đức độ. Những người anh hùng của dân tộc, có công lao từ thuở khai khẩn mới cõi cho đến quá trình chiến đấu, xây dựng vùng đất này của hôm nay: Từ vị tướng Cao, Lao Lô Liêm bên xứ nhà Thanh Trung Hoa sang xin làm dân đất Việt Trần Thượng Xuyên - Trần Thắng Tài, rồi đến “bạc Tiền hiền của các tiền hiền” Nguyễn Hữu Cảnh thời mở mang bờ cõi phương Nam, anh hùng dân tộc kháng Pháp Nguyễn Tri Phương, tấm gương khảng khái của bậc dũng liêm Đặng Đại Độ, gương liệt phụ khả gia Nguyễn Thị Tôn cùng với tấm lòng trung trinh đối với Bùi Hữu Nghĩa, Đại công thần và Danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức, anh hùng kháng Pháp vì đại nghĩa Đoàn Văn Cự, Nguyễn Đức Ứng, Trương Định,...đến thi tướng tài hoa Huỳnh Văn Nghệ, các nhà văn lớn Hoàng Văn Bôn, Lý Văn Sâm, các anh hùng Lực lượng vũ trang trong hai cuộc vệ quốc vĩ đại, các bà mẹ Việt Nam anh hùng vừa tham gia chiến đấu hay phục vụ cách mạng, sẵn sàng chấp nhận khổ đau, hy sinh cho đất nước người chồng, người con để Tổ quốc quyết sinh...đã đi vào lòng dân Biên Hòa - Đồng Nai như những tượng đài hùng vĩ, được tôn thờ như những vị phúc thần của làng xã, được ngưỡng mộ, kính trọng...trở thành “tượng đài” bất tử trong lòng dân. Mỗi con người với những hoàn cảnh khác nhau, có người sinh ra từ mảnh đất thân yêu này, có người từ nơi khác chọn nơi đây sinh sống, hoặc có thể gắn bó trong một phân của sự nghiệp, cuộc đời...nhưng những đóng góp của họ luôn được người Đồng Nai ghi nhận, biết ơn và là niềm tự hào mỗi khi nhắc đến. Họ trở thành những biểu tượng cao quý. Tôi thật sự may mắn khi được sinh ra và lớn lên trên vùng đất Đồng Nai dạt dào truyền thống Văn hóa - Lịch sử này – Miền đất gian lao mà anh dũng. Cảm nhận của tôi về truyền thống đấu tranh của nhân dân Đồng Nai:

#### **\* Truyền thống cách mạng của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai**

Nhân dân Đồng Nai là một bộ phận của dân tộc, thừa hưởng được truyền thống đánh giặc của ông cha ta từ 4000 năm, có tinh thần yêu nước nồng nàn, có kết làng xã bền chặt, đoàn kết chống ngoại xâm và liên tục chống ngoại xâm trong nhiều thời đại, là vùng đất “gian lao mà anh dũng”. Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai đã vận dụng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện và lâu dài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

đoàn kết một lòng, tập hợp các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo hướng vào mục tiêu lý tưởng đấu tranh chung là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách dân vận, Đảng bộ đã xây dựng được cơ sở cách mạng sâu rộng trong nhân dân, do đó đã vượt qua nhiều thử thách quyết liệt, đặc biệt trong những giai đoạn lịch sử 1945 – 1959, 1969 – 1971 cực kỳ khó khăn. Với tinh thần bám trụ kiên cường, tổ chức lực lượng cách mạng tại chỗ phù hợp từng vùng, từng địa bàn; với cách đánh, phương thức đấu tranh kết hợp lực lượng tại chỗ với lực lượng cấp trên, đấu tranh vũ trang gắn chặt với đấu tranh chính trị và binh vận, Đảng bộ Biên Hòa – Đồng Nai đã phát huy được sức mạnh của nhân dân, lập nên nhiều chiến công vang dội. Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng Bộ và nhân dân Đồng Nai được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Truyền thống đó thể hiện rõ nét nhất qua các sự kiện lịch sử tiêu biểu, đó là trận chiến thắng La Ngà (01/3/1948), chiến dịch Xuân Lộc giải phóng thị xã Long Khánh, mở “cánh cửa thép” phía Đông tiến vào giải phóng Sài Gòn (từ ngày 09/4/1975 đến 21/4/1975)...

#### ***\* Nhân dân Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp***

Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta lần thứ nhất (1858), đặc biệt khi Gia Định thành thất thủ (1861), Biên Hòa trở thành nơi đứng chân xây dựng lực lượng nghĩa quân chống Pháp của nhiều lực lượng yêu nước. Nhân dân Biên Hòa cùng các dân tộc anh em dưới ngọn cờ khởi nghĩa của “Bình Tây Đại Nguyên Soái” Trương Định đã xây dựng căn cứ kháng chiến Bàu Cá, Giao Loan chống nhau với giặc Pháp rất anh dũng. Những phong trào kháng Pháp sau đó như Đông Du, Duy Tân, các phong trào Hội kín như Đoàn Văn Cự, Trại Lâm Trung... những năm đầu thế kỷ XX, từ những năm này các tầng lớp nhân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã thể hiện rõ lòng yêu nước và ý chí quật cường.

Đồng Nai, nơi giai cấp công nhân hình thành khá sớm, tiếp thu chủ nghĩa Mác Lênin, trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Hòa cùng phong trào đấu tranh chung của cả nước, ngày 26/8/1945 chỉ với 40 đảng viên cộng sản và chi bộ đảng sở Trường Tiền Biên Hòa làm nòng cốt lãnh đạo, nhân dân Biên Hòa đã nhất tề đứng lên giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật, đập tan chế độ thực dân nửa phong kiến, giành độc lập cho dân tộc.

#### ***\* Nhân dân Đồng Nai trong kháng chiến chống Mỹ***

Truyền thống yêu nước, ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần tự lực tự cường với quyết tâm cao, tinh thần vượt khó, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, sự gắn bó keo sơn giữa quân và dân Biên Hòa – Đồng Nai tiếp tục được phát huy trong những năm kháng chiến chống Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhân dân Đồng Nai đã vô cùng anh dũng, hết lòng tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, bảo vệ các cơ

quan lãnh đạo của Liên Tỉnh ủy miền Đông, Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam. Cuộc chiến tranh nhân dân của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ, ác liệt nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương đã phối hợp rất nhịp nhàng, kịp thời cùng chiến trường toàn miền Nam, góp phần đánh bại 05 chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai, lập nên nhiều chiến công vang dội.

Tuy đứng trước những khó khăn lớn, nhưng quân và dân Đồng Nai cũng có nhiều thuận lợi. Đó là truyền thống tốt đẹp lâu đời vừa được tô luyện qua đấu tranh cách mạng, với niềm tin sắt đá vào Đảng, mặt trận, Chính phủ mà trung tâm là Bác Hồ kính yêu. Đây là những động lực, là sức mạnh tinh thần để quân và dân Đồng Nai vượt qua những khó khăn, gian khổ, ác liệt, giữ vững ý chí chiến đấu và tinh thần tiến công cách mạng, lập nên nhiều chiến công vang dội, góp phần vào thắng lợi chung của toàn Miền và cả nước cho đến ngày toàn thắng.

Truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai được phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân, đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất tổ quốc, đưa đất nước bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và CNXH.

Thắng lợi trong các cuộc đấu tranh trên một địa bàn có tầm quan trọng về chiến lược gắn liền với sự đứng đắn, sáng tạo của Đảng bộ Đồng Nai. Đó là quá trình phấn đấu cực kỳ gian khổ của các cấp ủy Đảng, quá trình rèn luyện thử thách, sàng lọc đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhờ vậy, Đảng bộ ta đã có một đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên cường, dũng cảm, thể hiện được tính tiên phong, gương mẫu, chiến đấu vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân. Đó là nguyên nhân cơ bản, là yếu tố quyết định đi đến giành thắng lợi trong chiến tranh.

Những bài học kinh nghiệm trên gắn liền với sự hy sinh xương máu của biết bao đồng bào, đồng chí, của nhiều cán bộ và chiến sỹ ở các tỉnh miền Bắc ruột thịt, là kết tinh trí tuệ của Đảng bộ và quân dân tỉnh nhà. Tuy chưa phải là tất cả, nhưng chắc chắn những bài học kinh nghiệm này sẽ bổ ích trong việc vận dụng để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Riêng bản thân tôi là một chiến sỹ đang công tác trong ngành Công an nhân dân, mang trong mình trách nhiệm cao cả là bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ Quốc và bảo vệ Nhân dân. Bản thân nhận thức rõ tầm quan trọng của mình và vạch ra những nhiệm vụ cơ bản để xứng đáng với truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông để lại. Đọc được những trang sử vẻ vang từ những cuộc kháng chiến trong tôi đã nhận ra rất nhiều điều cho hành trang của bản thân để xứng đáng với truyền thống người công an nhân dân. Bản thân tôi cần phải:

1. Học tập từ tấm gương vị anh hùng dân tộc đi trước, đối với bản thân tôi và các đồng chí, đồng đội của mình phải biến lời nói thành hành động cụ thể góp phần bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, từng bước vững chắc trên con đường XHCN.



Trong công tác tôi được giao nhiệm vụ bảo vệ lĩnh vực an ninh chính trị nội bộ, cũng như bao chiến sỹ công an Đồng Nai, là lực lượng vũ trang trực tiếp làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và phục vụ nhân dân thì càng phải thấm nhuần tư tưởng của Đảng, nhằm phục vụ tốt nhất nhiệm vụ được giao.

2. Phải có tấm lòng trung quân ái quốc, cương quyết chiến đấu tới hơi thở cuối cùng chống lại kẻ thù xâm lược để bảo vệ non sông đất nước. Cụ thể chúng ta phải cần phải có sự nhận thức chính trị đúng đắn, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, là những chủ trương, chính sách, đường lối đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Đây là vấn đề cốt lõi, tạo nền tảng vững chắc để có những bước đi đúng đắn, từ đó tạo sự thành công trong công việc, phục vụ tốt nhất cho nhiệm vụ mà Đảng, ngành và nhân dân giao phó. Bên cạnh đó, phải có tấm lòng tương thân tương ái, giúp đỡ mọi người xung quanh có hoàn cảnh khó khăn, góp phần mang lại cuộc sống tự do, ấm no cho dân tộc.



*Phòng An ninh Chính trị nội bộ thăm các em tại trung tâm dạy trẻ khuyết tật Đồng Nai và tặng quà cho Cụ Thị Mao -92 tuổi nuôi con bị tâm thần tại xã Tân Hạnh*

**3.** Đặc biệt đối với bản thân là một người Công an nhân dân, được giao công việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân và đấu tranh trực diện với các thế lực thù địch đang ngày đêm tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước ta. Bản thân phải chuẩn mực về phẩm chất đạo đức, tư cách của người Công an cách mạng trong mọi thời đại góp phần quan trọng trong việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. tinh thần hiên ngang, bất khuất, không đầu hàng trước mọi khó khăn, bất chấp cả mạng sống của mình. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách để xuyên tạc, hạ uy tín và chống phá Đảng và Nhà nước ta. Do đó, cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm thường rất gay go, quyết liệt, đòi hỏi CBCS Công an phải cương quyết, khôn khéo với kẻ địch mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cương quyết là sự thể hiện rõ bản chất cách mạng triệt để của lực lượng CAND tấn công kẻ địch tới cùng, không khoan nhượng. Cương quyết với kẻ địch đòi hỏi cán bộ CAND phải có lòng căm thù địch sâu sắc, không ngại khó khăn gian khổ để tấn công địch đến cùng, không nao núng trước những thủ đoạn đe dọa hoặc mua chuộc của địch. Đồng thời, cán bộ chiến sỹ CAND phải có kiến thức tổng hợp sâu sắc và sức khỏe dẻo dai để đấu trí, đấu lực với kẻ địch, biết xử lý giỏi các tình thế để biến từ thế bị động thành chủ động, biết nắm chắc thời cơ để biến yếu thành mạnh, góp phần hoàn thiện bản thân và xây dựng hình ảnh người chiến sỹ CAND vì nước quên thân, vì dân phục vụ.



*Xét xử 20 người tham gia cuộc biểu tình chống Luật Đặc khu và An ninh mạng ở thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hôm 10/6/2018*

**4.** Thời đại hiện nay, đặc biệt là các thế hệ trẻ, ngoài các giá trị thuộc về chân lý của cha ông để lại chúng ta cũng nên mạnh dạn, học tập, tìm hiểu sự tiên tiến, hiện đại của các dân tộc khác và áp dụng vào công cuộc bảo vệ và xây



dựng đất nước. Chúng ta cần mạnh dạn tham mưu, đề xuất và có những hành động thiết thực giúp cho cơ quan, tổ chức nơi mình công tác cũng như các đơn vị khác để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và ngành giao cho.

Học tập những phẩm chất đạo đức của các vị anh hùng dân tộc, các bậc tiền bối để lại thì đối với từng cá nhân chúng ta, đặc biệt bản thân tôi cũng như thế hệ trẻ Công an Đồng Nai cần phải có những nhận thức đúng đắn, có những hành động tích cực, cần phấn đấu học tập, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lối sống, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời có những tham mưu, đề xuất đúng đắn góp phần xây dựng cơ quan, đơn vị ngày càng trong sạch, vững mạnh, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, loại trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ bình yên và hạnh phúc cho nhân dân, góp phần bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc và xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.



*Phòng An ninh Chính trị Nội bộ tham gia bảo vệ giám sát an toàn vận chuyển đề thi tốt nghiệp Quốc gia và Đoàn viên Phòng An ninh Chính trị Nội bộ tham gia tuyên truyền pháp luật cho sinh viên trường Đại học Công nghệ Đồng Nai*

Các bậc tiền nhân đi trước đã anh dũng hy sinh trên mảnh đất thân yêu của tổ quốc, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để bảo vệ đất nước, bảo vệ mảnh đất Biên Hòa - Đồng Nai, họ chính là một tấm gương sáng cho các hậu thế noi theo. Bất cứ thời đại nào, mỗi con người chúng ta nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước. Trước tiên thế hệ trẻ phải xác định tư tưởng, tình cảm, lí tưởng sống của mình: yêu quê hương đất nước, tự hào tự tôn dân tộc, có ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân

tộc; lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ cống hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ Quốc cần. Thời đại ngày nay, xu thế toàn cầu là xu thế hội nhập, khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ cao, vậy thế hệ trẻ cần phải học tập tích lũy tri thức để góp phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng cống hiến và bảo vệ đất nước. Bảo vệ cuộc sống ấm no cho nhân dân. Đồng thời thanh niên cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tinh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. Tuổi trẻ phải luôn có “trái tim nóng, cái đầu lạnh” trước mọi diễn biến chống phá của các thế lực thù địch. Như vậy, xây dựng và bảo vệ tổ quốc là trách nhiệm thiêng liêng của thanh niên, trong đó có tôi nói riêng và của mỗi con người Việt Nam nói chung.

**Câu 2:** Hãy cho biết và nêu cảm nhận về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai; từ đó giới thiệu một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà anh (chị) từng biết hoặc tham gia? Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay anh (chị) sẽ làm gì?

**Trả lời:**

## **I. NHỮNG LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI**

### ***1. Việc sinh dưỡng***

Vòng đời người được tính từ khi "đậu thai" trong bụng mẹ cho đến khi "mãn tang". Bắt đầu là chuyện "dưỡng thai". Khi có biểu hiện "đậu thai", người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được bảo vệ kỹ lưỡng. Việc kiêng giữ tập trung ở các mặt: ăn uống, cử động và giao tiếp.

Về ăn uống, phải kiêng cử: Không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động; không ăn sò, ốc, hến để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẽosong thai, không ăn chuối già để kiêng kỵ chuyện tục tằn, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành; một số người còn kiêng ăn trầu cau và những loại trái "gai góc" (như sầu riêng, chôm chôm, măng cầu) để việc sinh nở được "trơn tru". Ngược lại người phụ nữ có mang được động viên ăn nhiều muối để con cái có tính cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để "mẹ tròn con vuông". Việc cử động cũng nhiều điều kiêng giữ: Không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi

thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo; không được ngủ trưa quá buổi, không được đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bến, ngã ba sông; không được dắt hoặc đuôi theo trâu, đi xuống ghe không được chèo hoặc ngồi mũi... Ngược lại, người phụ nữ có mang luôn phải có việc làm, cử động chân tay nhẹ nhàng để sinh nở được dễ dàng. Việc giao tiếp thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí lì lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành.

Việc "dưỡng thai" được xem trọng, việc sinh nở còn quan trọng hơn. Giai đoạn "dưỡng thai" gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các "mụ vườn". Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiền bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái. Có những mụ giàu kinh nghiệm (như mụ Bảy Mạnh ở cù lao Phố, mụ Hồng ở Phước Thiên chẳng hạn) nắm sừa được thai, đoán định chính xác cả giới tính của thai nhi.

Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng". Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là lễ đơm lễ, bà mụ khấn "Mười hai Mụ Bà mười ba Đức Thầy" phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Những bà mụ dày dặn kinh nghiệm thường khấn có vắn, có điệu.

Về mười hai Mụ Bà, mười ba Đức Thầy, theo truyền dân gian phổ biến cả nước, mười hai Bà Mụ được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong niềm tin của cư dân Việt. Nhưng mười ba Đức Thầy là ai? Đúng ra là: "Mười hai Mụ Bà và Ba Đức Thầy". Ba Đức Thầy là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư, cùng lo việc "giáo", còn Mười hai Mụ Bà lo việc "sinh".

Khi sản phụ lâm bồn, chỉ bà mụ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Huỳnh Tịnh Của giải thích: Lâm bồn là đẻ<sup>(2)</sup>. Người địa phương giải thích rằng, theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu (bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là vượt cạn. "Rún" được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đưa trẻ được cẩn thận cho vào hũ sành hoặc nồi đất đậy nắp kỹ, kín đáo chôn kỹ trong vườn nhà. Công việc thâm kín này có ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương "chôn nhau cắt rún" của mình.

Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mụ lại tiến hành lễ móc miếng với mục đích "gọi ra" làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ. Lại bày hương hoa và khấn gọi Mụ Bà, Đức Thầy như ở lễ đơm lễ, nhưng lần này cúng trong chỗ "nằm lửa" của sản phụ.

Thời gian nằm lửa của phụ nữ trong buồng kín gọi là ở cũ, thường kéo dài suốt một tháng, có thể dài hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khỏe. Theo Trịnh

---

<sup>2</sup> Đại Nam Quốc âm tự vi, Huỳnh Tịnh Của, NXB TP.HCM, 1980, trang 70

Hoài Đức, tục xưa "sản phụ nằm trên giường, bên dưới để củi than đỏ ngày đêm không dứt, lại lấy nồi lửa để chận hơi trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô tảo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió...."<sup>(3)</sup>.

Dấu hiệu của nhà có người ở cũ là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là vỏ lửa. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sanh con trai, quay ra là sanh con gái. Tục này, Trịnh Hoài Đức giải thích: "...để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt: Như bị sản nạn không nuôi con được, bệnh huyết vụng (xây xắm), bệnh nhi chằm (tục gọi là máu nhà con) và có hung tán v.v... đều không cho vào..."<sup>(4)</sup> Ngày đầy tháng được xem là ngày đầy cũ, không tính cũ theo vía "Nam bảy nữ chín" (nam ngày thứ bảy, nữ ngày thứ chín) như ở Bắc bộ mà tính sứt ngày sinh "gái sứt hai, trai sứt một". Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là lễ cúng mẹ nhằm tạ ơn Mẹ Bà đã "nặn ra đứa bé: mẹ tròn con vuông". Lễ cúng mẹ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm: áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trà tằm sấy), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với 12 bà mẹ. Lại có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc bộ ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy.

Ngày đứa bé tròn năm, có lễ thôi nôi, Trịnh Hoài Đức gọi là lễ tôi bàn, lễ thôi tôi. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khấn vái ông bà, cúng mẹ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò thử nghề, nói theo người Hoa là thí nghệ; tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muống... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đứa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh: Dao, búa, gươm, giáo... để không vướng vào nghiệp binh đao.

Sau ngày đầy tháng và tròn năm, việc nuôi dưỡng đứa bé nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn phải thường trực những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mẹ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé tròn một con giáp (12 tuổi). Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mẹ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quệt lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhầm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cọc chuồng heo hoặc chuồng gà

<sup>3</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 13

<sup>4</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 13.

để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo niệc) để tránh ma tà.



#### *Lễ cúng đầy tháng bé trai*

Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục "gởi nuôi" hoặc "đem bỏ" bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ẵm con đến "gởi" hoặc "bỏ" một nơi nào đó, người thân đến "nhận" hoặc "lượm" về nuôi. Thay đổi bảo mẫu như thế, người ta tin rằng đứa trẻ sẽ vui lòng "ở lại" với đời. Trường hợp đứa trẻ gặp biến cố đột ngột như té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị "lạc vía" hoặc "cướp vía" bèn có lễ hú vía bằng cách đem nhang, đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xẻ làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được lưỡi tầm sét của thiên lôi đánh quỷ cấm vào đất (thật ra, đó là những riu đá dễ tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quỷ phải tránh. Nếu cướp được lưỡi ông tiêu ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo vào cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành.

Đến mười hai tuổi, tức đã vượt qua giai đoạn đậu mùa và các dịch bệnh hiểm nghèo khác, gia chủ mừng vui cúng lễ "tròn con giáp" bằng gà, vịt hay đầu heo khấn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là "còn", là thành viên chính thức của gia đình.

Do tri thức khoa học phát triển, hiện nay danh mục những điều kiêng giữ và những lễ cầu cúng trong việc sinh dưỡng trẻ ngày càng thu gọn theo hướng lược bỏ những điều lạc hậu, nặng về mê tín đồng thời vận dụng kinh nghiệm dân gian trong kho tàng tri thức y học của nhân dân.

## **2. Hôn nhân**



Khác với miền Bắc và miền Trung, trong hôn nhân người Đồng Nai quan niệm không khe khắt về vấn đề môn đăng hộ đối, ít có sự phân biệt giàu - nghèo, sang - hèn, chủ - tớ mà thường theo tiêu chuẩn “vừa đôi phải lứa” và “hợp tuổi”. Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng tự do, phóng khoáng hơn, ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu trong người cùng làng. Nguyên nhân là do làng ở Đồng Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người ở làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình.

Trai gái nếu thuận lòng nhau thì về thưa với cha mẹ để gia đình nhà trai “bước tới”. Trước đây, người Đồng Nai theo tập tục của Trung Hoa nên hôn nhân phải trải qua 6 lễ: nạp thái, vấn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kỳ, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ này được giản lược bớt, đến nay chỉ còn chủ yếu 2 lễ: hỏi và cưới.

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái đặt vấn đề xin cưới. Mai dong có thể là ông mai hoặc bà mai, phần lớn là người cao tuổi trong họ, trong làng, có uy tín và có “duyên” ăn nói. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: đôi đèn, cặp trà, cặp rượu, 2 quả bánh, đôi bông tai cho cô gái. Đặc biệt, theo tục xưa, đàng trai nhất thiết phải mang sang nhà gái một búp sen to bằng giấy, sau đó nhà gái treo ở gian chính hàm ý báo cho mọi người biết con gái đã đính hôn. Trong trường hợp hồi hôn, nhà gái phải trả bằng được cho nhà trai búp sen này. Trường hợp nếu nguyên nhân hồi hôn do lỗi của nhà trai thì nhà gái có quyền không trả lại lễ vật, nhưng nếu nguyên nhân do nhà gái thì phải bồi thường gấp đôi lễ vật đã nhận của nhà trai, vì thế dân gian có câu: *Trai chê vợ của đổ xuống sông/Gái hồi chồng của một đèn hai*.



*đàng trai chuẩn bị sinh lễ qua nhà đàng gái (lễ hỏi)*

Nghi lễ này chính là sự thông báo chính thức về việc hứa gả giữa hai họ, là giai đoạn quan trọng trong quan hệ hôn nhân: cô gái trở thành “vợ sắp cưới” của



chàng trai, và chàng trai sau khi mang lễ vật đến nhà gái là đã chính thức xin được nhận làm rể của nhà gái và tập gọi bố mẹ xưng con.

Lễ cưới ở Đông Nai thường được cả gia đình, họ hàng lẫn làng xóm cùng chăm lo. Đây là một trong những đặc điểm của người Đông Nai cũng như ở Nam bộ, bởi sự khó khăn ban đầu trong giai đoạn mở cõi đã hình thành tập quán hỗ trợ trong cộng đồng rất cao. Nam giới giúp việc dựng cổng cưới, sắp xếp bàn ghế, trang trí nhà cửa; cánh phụ nữ hỗ trợ việc bếp núc; mọi người đều xem đây là niềm vui và trách nhiệm của mình trong cộng đồng.

Trong lễ cưới, khi chàng trai đến nhà gái thì được tiếp đón bằng tràng pháo cưới (ngụ ý vui mừng, xua đuổi xui xẻo nếu có) và chàng gái cử người ra đón tận ngõ; khi vào nhà có người rước dù, rước quả lễ vật. Thành phần chính trong lễ cưới gồm: bậc trưởng thượng và cha mẹ 2 bên, mai dong, đại diện họ hàng... Tất cả được sắp xếp ngồi nơi bàn chính đối diện bàn thờ tổ tiên, theo nguyên tắc “nam tả nữ hữu” chàng trai ngồi phía bên trái, chàng gái ngồi phía bên phải (nhìn từ bàn thờ). Khi lễ vật bày ra, mai dong tuyên bố lý do, nêu lễ vật; nhà gái nhận lễ, có lại quả. Chủ gia thắp 3 cây nhang khấn vái tổ tiên báo có việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra, mặc trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. Lễ lên đèn được thực hiện trang trọng, mai dong cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt sao cho cháy cùng lúc, khấn vái rồi mỗi tay cầm một cây đèn chuyển cùng lúc, tay trái chuyển cho nhà trai, tay phải chuyển nhà gái để cắm vào bàn thờ tổ tiên. Mọi người cho rằng, ngọn đèn nào cháy mạnh hơn thì bên đó sẽ lấn lướt bên kia, vì thế việc chọn đèn, lên đèn được thực hiện rất cẩn trọng. Sau đó chàng trai rước dâu.

Đoàn người rước dâu cũng như đưa dâu phải theo nguyên tắc số chẵn, tránh lẻ loi. Nghi thức làm lễ ở chàng trai cũng tương tự như chàng gái, sau đó sui gia 2 bên và khách mời nhập tiệc. Trong tiệc đặc biệt kiêng kỵ việc đồ vỡ nên mọi người phải rất thận trọng.

Từ ngàn xưa đến nay, việc dựng vợ gả chồng luôn được coi là một trong những việc quan trọng nhất của đời người. Người xưa quan niệm rằng vợ chồng có hạnh phúc với nhau đến “đầu bạc răng long” hay không, có sinh “con đàn cháu đống” hay không, một phần chính là nhờ vào phong tục cưới hỏi được thực hiện đúng cách. Nói đến hôn nhân và tập tục cưới hỏi thì ta có thể liên tưởng ngay đến những thủ tục thời xưa mà bất kỳ người Việt nào cũng phải tuân thủ, nhất là thời phong kiến. Ngày nay nền văn minh hiện đại cùng với sự lớn mạnh không ngừng của nước nhà thì tục dựng vợ gả chồng có phần dễ dãi hơn trước. Cha mẹ không còn quyết định chuyện hôn nhân của con cái mà chính con cái phải tự đưa ra quyết định trong việc lựa chọn tìm hiểu và kết duyên với người sẽ sống đời ở kiếp với mình.

Lễ cưới là một phong tục, một nghi lễ đậm đà phong vị dân tộc. Để phong tục tập quán có một nền gốc, quy củ vững vàng, người xưa đã đặt ra nghi lễ hôn nhân. Ngoài sự nêu cao giá trị câu “Nghĩa vợ tình chồng” với tình cảm yêu

đương cao quý cùng sự chung thủy vẹn nghĩa trọn tình còn có mục đích là bảo tồn tinh thần gia tộc, đề cao sự hiếu thảo, rèn luyện, xây dựng con người biết tự trọng và tôn trọng lẫn nhau, biết giữ tròn nhân các trong đời sống. Nghi thức lễ cưới đầy đủ bao gồm 3 nghi thức:

+ **Lễ xin dâu** Trước giờ đón dâu, mẹ chú rể sẽ cùng một người thân trong gia đình đến nhà gái đem coi trà, chai rượu để báo trước giờ đoàn đón dâu sẽ đến, nhà gái yên tâm chuẩn bị đón tiếp.







*Những hình ảnh gia đình chàng trai qua đàng gái xin dâu*

+ **Nghi thức lễ rước dâu** Dù đoàn rước dâu của nhà trai có đi bằng phương tiện gì chăng nữa thì trước khi vào nhà gái cũng phải “chấn chỉnh đội hình”. Trong lễ rước dâu truyền thống, vị trí đầu đoàn thường đầu là đại diện nhà trai; tiếp đến là bố chú rể, chú rể và bạn bè. Đoàn rước dâu nên có đội hình gọn nhẹ để mọi việc nhanh chóng và diễn ra thoải mái hơn.



Về đến nhà trai, việc đầu tiên là cô dâu và chú rể được cha mẹ dẫn đến bàn thờ để thắp hương yết tổ (lễ gia tiên), rồi chào họ hàng bên chồng. Sau đó nhà trai mời nhà gái và tất cả những người cùng tham dự tiệc cưới...



*Cô dâu chú rể cúng bái tổ tiên*

+ **Lễ lại mặt** Sau ngày cưới, mẹ chồng sẽ chuẩn bị cho đôi vợ chồng son một mâm lễ nhỏ để cả hai mang về nhà gái. Lễ này còn được gọi là lễ nhị hỷ. Thời gian đôi uyên ương về nhà gái là từ 1 đến 4 ngày sau lễ cưới.

### **3. Việc tang**

Vì quan niệm "chết" là điều ắt phải và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là kim tỉnh; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là cỗ sự. Nếu không phải là "bất đắc kỳ tử" (chết đột ngột), dù đang ở đâu, vì lý do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà.

Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "hú vía", đến khi không còn hy vọng, mới tắm rửa cho xác chết gọi là "mộc dục". Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hột gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là phạn hàm, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để hút tà khí.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt truyện quỷ nhập tràng lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng, tranh tượng Phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải.

Giò tằm liệm, hội đủ mặt những người thân không ky tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (đại liệm) hoặc ba ngang (tiểu liệm). Hòm được chọn theo hạng nhất, hạng nhì, hạng ba tùy theo chất lượng gỗ. Tốt nhất là chiếc hòm bằng gỗ trai rất nặng hoặc gỗ hương thơm lừng. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất.

Hòm được đặt giữa nhà (nếu nhà có người cao niên hơn còn sống thì chiếc hòm đặt lệch sang một bên để tỏ ý khiêm nhường), kê quay đầu ra ngoài với ý nghĩa luôn nhớ về nhà, phân biệt với cách của người Hoa: quay đầu vào trong để một đi không trở lại.

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ, trước năm 1945 còn có thầy pháp cũng tham gia cầu cúng lễ tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy tụng đọc kinh và phát khăn tang. Theo Lương Văn Lựu<sup>(5)</sup>, việc để tang rất khou phép; đồ tang may sẵn bằng vải trắng, không nhất thiết phải xô gai như trước kia, nhưng phải phù hợp với đối tượng. Con trưởng nam mặc áo trắng thoi may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là phụ phiến với ý nghĩa công thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, đi dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có thích vai (hai miếng vải đính ở hai vai), bịt khăn trắng bỏ mũi ra sau ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thông xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng đội mũ mấn, những người thân khác quấn khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thảy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọt vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vòng để khắc sâu ân đức.

Sau lễ thành phục là lễ phúng điếu của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: Khăn đóng, áo dài, mâm trầu rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Như làng Bến Gỗ có tất cả 10 hội<sup>(6)</sup>. Theo cách xưa, nam lạy kiểu "hưng phục", nữ lạy kiểu ngòì bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau.

Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị đào huyệt hoặc sửa kim tinh; đại diện tang chủ cúng Thổ Địa bằng một đĩa tam sên: Trứng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn. Thông thường, nơi yên nghỉ đã được chọn trước trong vườn nhà để quần tụ với ông bà, người nghèo thì có thể táng ở thổ mộ (công thổ) hoặc đất chùa.

---

5 Biên Hòa sử lược, sách đã dẫn, trang 146.

6 Làng Bến Gỗ xưa và nay, Diệp Đình Hoa, NXB Đồng Nai, 1995, trang 266-268.

Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu lễ động quan. Việc động quan do đạo tì đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy (nhun quan). Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Làng Bến Gỗ còn giữ được tập tục xưa, người ta tham gia vào hội chơi hội, có đóng góp tự nguyện. Hội tang có trách nhiệm giúp đỡ tang gia những khâu khó khăn: Tẩm liệm, tổ chức tiếp khách, đào huyệt và quan trọng nhất là đạo tì tham gia an táng. Hình thức này được cải biến thành Hội Bảo thọ ngày nay ở nông thôn. Nếu người chết thuộc diện ông - bà, cha - mẹ, chồng - vợ của người có tham gia hội đình, miếu, các hội đình, miếu đưa trống đến cử lễ và bô lão hội ấy thực hiện nghi thức Bái quan hầu khi động quan. Số lượng trống chiêng của đình, miếu và lượt bái quan hầu cử lễ tùy theo số hội mà người chết có thân nhân tham gia, càng nhiều càng danh dự cho gia đình.

Khiêng quan tài động quan là cả một nghệ thuật. Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Thủ thuật của những nhun quan có kinh nghiệm là: lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo tì; đạo tì khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chồng lên là đủ lòn ngón tay nhắc được quan tài.

Quan tài vừa chuyển động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ. Thay vì đập siêu, niêu, người Hoa đốt pháo. Đúng theo lối xưa, trước khi vào khiêng quan tài, nhun quan cầm đuốc múa lửa ngoài sân, đạo tì ngậm tăm múa theo. Người xưa giải thích tục này nhằm diễn lại tích Chàng Lía hiệu thảo (nhân vật cổ tích ở Bình Định) về cướp quan tài mẹ đưa lên núi chôn để báo hiếu. Tại một số nơi hiện còn tục cướp quan tài gắn với hò đưa linh và tục nằm đường trả hiếu.

Đám tang giàu có theo lối xưa, còn có tục đánh động phá hoàng diển tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc. Có gia đình còn tổ chức hát tuồng trước khi hạ huyệt; ở Quảng Nam - Đà Nẵng có hát tuồng trong lễ tang, nhưng ở Đồng Nai chỉ hát tuồng lúc hạ huyệt với số người hạn chế từ 5 đến 7 người<sup>(7)</sup>.

Lễ mở cửa mả được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cắm trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 9 nấc, nữ 7 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên "cõi trời".

---

<sup>7</sup> Làng Bến Gỗ xưa và nay, sách đã dẫn. trang 201.



Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ đi đầu vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng. Về chuyện con gà và cây mía, chưa tìm được lời giải thích thỏa đáng. Theo Trịnh Hoài Đức, tục cúng tổ tiên cây mía có đủ cả gốc ngọn lá để làm gậy chống đi khi già yếu<sup>(8)</sup>.

Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các lễ cúng thất, còn gọi là làm tuần, mỗi thất cách nhau 7 ngày: Lễ cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập đàn chay ứng phú, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là lễ tốt khóc; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là tiểu tường; lần giỗ thứ hai gọi là đại tường, còn gọi là lễ xả tang, vì trong ngày này, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang. Từ đó, người nhà cúng giỗ hàng năm. Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho di cốt vào hũ sành đậy nắp kín gửi ở chùa với ý nghĩ rằng: vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm. Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung...

#### **4. Thờ cúng trong nhà**

Đối với cư dân Việt Nam, "sống có nhà, thác có mồ". Ngôi nhà không chỉ là nơi trú nắng mưa, còn là trú sở của tổ tiên và thần linh.

#### **5. Thờ cúng ông bà**

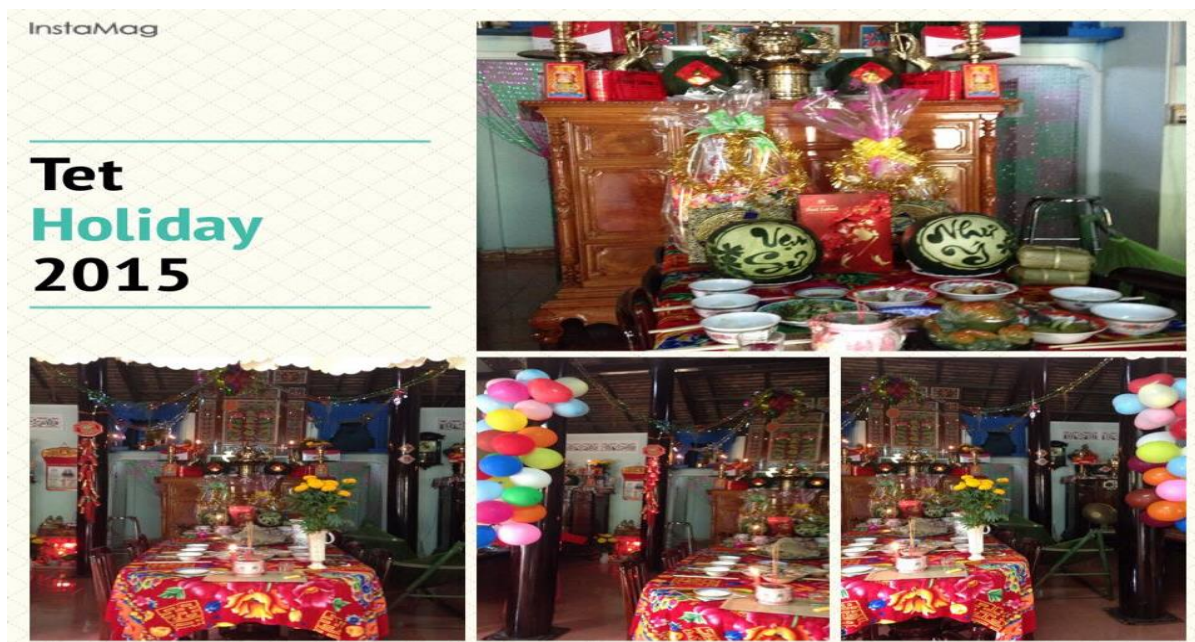
Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông, bà. Theo Lương Văn Lưu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thân chủ phải đem chôn gọi là "Ngũ đại mai thân chủ" (năm đời thì chôn thân chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường.

Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại) bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lưu hương, di ảnh, vào bàn thờ chung. Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần

---

<sup>8</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 10.

đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là bàn gỗ để bày đồ cúng, lớp ngoài là tủ thờ để bày đồ thờ gồm: Cặp chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; bát nhang, khay trầu rượu tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất.



*Cúng ông bà tổ tiên vào ngày Tết Nguyên đán của người dân Đồng Nai*

Lư hương tròn như là thái cực; "bình bông" ở bên trái và "chò quả tử" ở bên phải (đông bình tây quả), một giá gương ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: Phước, Thọ, Khang, Đức... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ tam sự (3 món: chân đèn, lư hương, bình bông), ngũ sự (5 món, gồm: tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), thất sự (7 món, gồm: ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm khắc xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá.

Thờ phụng ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí hoành phi, liễn đối trong nhà. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy. Hoành phi, liễn đối trong nhà cư dân Việt không phải chỉ để trang trí mà trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: Cúng hàng ngày và cúng giỗ. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ không khác so với miền Bắc, miền Trung. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường

long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày cúng thất, 100 ngày cúng tiểu tường, 12 tháng cúng giáp năm, 24 tháng cúng đại tường, 27 tháng cúng xả tang; năm thứ ba trở đi gọi là giỗ thường niên, cúng trước ngày giỗ chính gọi là cúng tiên thường (thường là cúng chay), ngày giỗ chính cúng mặn.

Việc thờ, thờ đến 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác. Như một gia đình họ Nguyễn ở Hòa Hưng còn cúng giỗ 16 vị thuộc 7 đời<sup>9</sup>. Ngoài cúng giỗ ông bà cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như: anh, chị, chồng (vợ), cô, dì chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ... nếu không có người trực hệ phụng thờ. Thậm chí, cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc sui gia như gia đình ông Nguyễn Văn Dẻo ở xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch). Ngày giỗ được tính theo âm lịch.

Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là gửi giỗ. Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là cúng vọng. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giải khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 mâm cúng: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phôi hưởng, một mâm đất đai âm trạch (có nơi gọi đất đai nhơn trạch) cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh.

Trong nhiều thức cúng, một số gia đình còn giữ tục "luôn phải cúng một món gì đó" gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là cúng lễ. Có gia đình cúng khoai mì, rau chay, cháo cá ăm, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau.

Cách dọn mâm, khăn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ. Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây". Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng

---

<sup>9</sup> Làng Bến Gỗ xưa và nay, sách đã dẫn, trang 222.

này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia...; các Phật tử và giáo dân (Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo) đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

## 6. Thờ thần độ mạng

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ thần độ mạng để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là Quan Công (Quan Thánh Đế quân), độ mạng cho đàn bà phổ biến là các mẫu còn gọi là mẹ sanh, mẹ độ.

Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nó nhanh chóng được Việt hóa, và hiện trở thành phổ biến, khó phân định nguồn gốc Hoa, Việt.



### *Thần tài Quan Công*

Vía ông ngày 4 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà; cũng kiêng ăn thịt trâu, thịt chó.

Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là "biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bần cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng"<sup>(10)</sup>.

## 7. Thờ Bà (thờ mẫu)

Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bày trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà), bình bông, nhang, đèn, nước trong.

<sup>10</sup> Quan Thánh xưa và nay, Lê Anh Dũng, NXB VHHT, 1995



Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phối hưởng trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là mẹ sanh mẹ độ; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát... Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy. Trước đây, thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng.

Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.

### **8. Thờ cúng các bản gia**

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

Ông Địa - Thổ Công: Một dạng thần Đất (tức Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Ngày vía của ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch.

Thần Tài: Thường được thờ chung một khám thờ với ông Địa hình thành một bộ ông Địa - Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi.



*Thờ cúng ông  
địa – Thần tài trong  
nhà người dân Biên  
Hòa, Đồng Nai*

Táo quân: Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau



hoặc Vua Bếp. Có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; ba người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khám) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp, nên có câu: Hăm ba Táo Phật về trời Táo Bếp ở lại đợi nòi cả năm

Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời "cờ bay ngựa chạy". Tục xưa còn có đốt vàng mã gồm mũ cánh chuồn, áo dài đen, và đôi hia để ông Táo có lễ phục chầu trời. Đặc biệt là không có quần dài bởi Táo quân mặc quần lửng (quần đùi dài đến gối) theo kiểu của người Nam bộ. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa mứt thèo lèo. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị (trước kia còn có văn khấn) ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với "lửa củi" hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đực lỗ rồi gánh cả ba đem đổ ở góc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau.

Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chữ Nho "Định phúc Táo quân", hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà. Táo quân được cúng nhang, đèn, hoa, trái, nước trong vào những ngày rằm, ba mươi, mồng một hàng tháng; còn được mời phối hưởng trong các bữa giỗ.



*Đưa ông Táo về trời  
ngày 23 tháng Chạp*

Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, nhiều khi còn có cốt tượng ông Địa - Thần Tài.

Bàn trời: Là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng:

tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương. Có người lại giải thích đó là tàn tích "cây vũ trụ" của người bản địa nhằm nối liền cõi người với cõi trời.

### 9. Thờ khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đối tượng khác. Thờ Tổ nghiệp còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng... còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo hợp với lòng tin của gia đình. Gia đình Thiên Chúa giáo đương nhiên có tượng thờ Chúa Jêsu và Mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bôn mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến là Quan âm Bồ tát. Người Biên Hòa - Đồng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: Một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập: dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần Hổ cũng để ngăn trừ ma quỷ... Tấm bùa bát quái vẽ "Tứ tung ngũ hoành" có ảnh thần Hổ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết.

Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng: mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ, được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước đem lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi ấy, con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà.

### 10. Tết

Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.

Tết Nguyên Đán là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày đưa ông Táo về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày chạp mả. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên: Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về; đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: Khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đá), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở nắm mả để biết mả đã có chủ. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động

người trong nhà đến đốt nhang, làm cỗ, cốt không để một mả nào "hoang vắng, lạnh lùng" trong những ngày Tết.



*Thờ cúng ông bà trong ngày Tết*

Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đầu đó. Ấy cũng là ngày quan chức trong làng khép ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chung cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự tươi mới, lâu bền, sung túc cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm sung (sung túc), dưa (vừa), đu đủ (đủ), xoài (sài, tiêu xài), mãng cầu (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hấu được chọn chung phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục "bói dưa". Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói đường phôi, đường phèn, bánh tỗ, bánh nỏ đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ. Tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ. Lễ cúng đón ông bà thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "lên nêu"<sup>(11)</sup>. Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.

<sup>11</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 7.

Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ "tống cựu nghênh tân" đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Đồng Nai gọi nôm na là lễ đón giao thừa. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; văn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng, họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và một vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới; ví dụ, năm Bính Tý, các vị hành khiển hành binh đương niên là: Châu Vương hành khiển, Thiên Tôn hành binh, Lý Tào phán quan. Tết năm Sửu, các vị này sẽ bàn giao cho: Triệu Vương hành khiển, Tam Thập Lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan. Cứ vậy đến tròn một con giáp, bắt đầu trở lại từ năm Tý.

Ngày mùng một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, làm tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục xông đất cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mùng một đến mùng ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: "mùng một Tết nhà, mùng hai Tết (nhà) vợ, mùng ba Tết thầy". Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mùng ba, mỗi ngày (mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chu tất như lúc ông bà còn sống).

Mùng ba: (có nhà cúng mùng bốn) là ngày Tết vườn, Tết chuồng. Các loại cây cối, chuồng heo, chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm: gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khấn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cỏ mới, được ăn một lát bánh tét; trâu đực uống một chén rượu, trâu cái uống trà; sừng được dán vàng bạc; trẻ chăn trâu được chủ lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới.

Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: Đốt pháo (ngày nay đã bỏ), đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.





### *Mừng tuổi ông bà ngày Tết Nguyên đán*

Ngày mùng bốn cúng đưa ông bà. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mả, cúng và "hóa vàng" ở đấy. Một số gia đình cúng ông bà bằng cháo cá ám, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở sơ khai của gia đình. Mùng bảy có lễ hạ nêu. Vì sao hạ nêu vào ngày mùng 7, người địa phương không giải thích được, cứ theo tục cổ truyền và xem đó là dấu hiệu chấm dứt Tết Nguyên Đán. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì "động cuốc cày", thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn lấy ngày.

Tết giữa năm: Ngày mùng 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Đồng Nai gọi là Tết giữa năm, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Nguồn gốc ý nghĩa của Tết Đoan Ngọ đã có nhiều ý kiến khác nhau. Loại ý kiến cho rằng Tết Đoan Ngọ nhằm kỷ niệm ngày mất của Khuất Nguyên. Ở Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định rõ, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây nhiều bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: Đón mùa vụ và phòng chống bệnh.

Ngày Tết giữa năm, ở Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà gồm những: Bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ.. Ngày mùng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ám như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục "khảo cây": những cây nào đến tuổi mà chưa ra trái ngày này gia chủ đem rựa ra dứ dứ đòi chặt, hoặc giả chặt một vài nhất để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra quả. Tết giữa năm thực ra là ngày Tết giao mùa, ở đó con



người cùng vận vật sửa mình để bước vào cuộc vận hành của mùa mưa giàu sản vật nhưng cũng đầy chướng khí.

Tết Trung thu theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất trong tháng (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Nhiều người giải thích nguồn gốc của Tết Trung thu bằng tích truyện vua Duệ Tôn đời Đường đi chơi ở cung trăng; các tục thi, rước đèn, cỗ bánh, trông trăng đều do đây mà ra<sup>(12)</sup>. Ở Đồng Nai, Tết Trung thu thực là ngày Tết của trẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh (bánh trung thu) và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rông rần đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Mặc dù mang hình thức của người Hoa, nhưng cốt lõi của Tết Trung thu vẫn lấp lánh ý nghĩa lễ tiết cổ truyền của cư dân Việt cổ... Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rượu, làm mạch nha, cúng lúa trổ đồng đồng...



*Ngày Tết Trung thu*

## **11. Những ngày rằm**

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; "lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng". Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu... nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

---

<sup>12</sup> Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam, Toan Ánh, NXB TP.HCM tái bản, 1995, trang 418-431.

Rằm tháng bảy là rằm "xá tội vong ân" gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xóa tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương.

Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ "cơm mới", các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung, ở Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết cơm mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là lễ cúng thí. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món bánh cúng, bánh cấp.

Với tục cầu siêu, cúng thí, các lễ cúng rằm của cư dân Việt Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử "chăm lo cho người khác" mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy, nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Như ngày mừng 8 tháng 5 cúng sao hội; cúng vía trời đất; cúng vía Ngâu, vía Bà như rằm tháng giêng: Linh Sơn Thánh Mẫu; 19 tháng 2 và 19 tháng 6: Quan âm Bồ tát; 24 tháng 4: Bà Chúa Xứ; mừng 5 tháng 5: Bà Ngũ hành; mừng 9 tháng 9: Cửu Thiên Huyền Nữ và các loại cúng khác như cúng Tá thổ (cúng mượn đất)...

## **12. Những tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội**

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do "tứ chiếng" hợp lại, gặp cảnh "xứ sở lạ lùng", "chim kêu vượn hú" càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

## **13. Đặc điểm và quá trình hình thành Đình thần**

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thành tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Đồng Nai thuộc dạng định hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam Bộ nhưng đình thần ở Đồng Nai không phải bắt nguồn từ đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo "nguyên mẫu" được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về "cái đình" của cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, một trú sở của thần thánh nói chung phù hợp với qui mô của làng và tài lực của người thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi "đình", thậm chí biến đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là

"cổ miếu" như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vinh Thị cổ miếu... Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào<sup>(13)</sup>. Các bộ lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi "đình" mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình rõ nét.

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình "thôn - ấp" là chủ yếu làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chừng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó "thân phận" của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện: Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán lưu thừa vài đình nhỏ. Có xã hơn mười cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai ba xã chung một cái đình (phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất chung đình Phước Lưu).

Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở sơ khai, do khống chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ có giàu lắm cũng không được lợp ngói<sup>(14)</sup>; bởi vậy, đình miếu thay đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ (Phú Hội), đình An Hòa (Bến Gỗ)... cũng từ giai đoạn này.

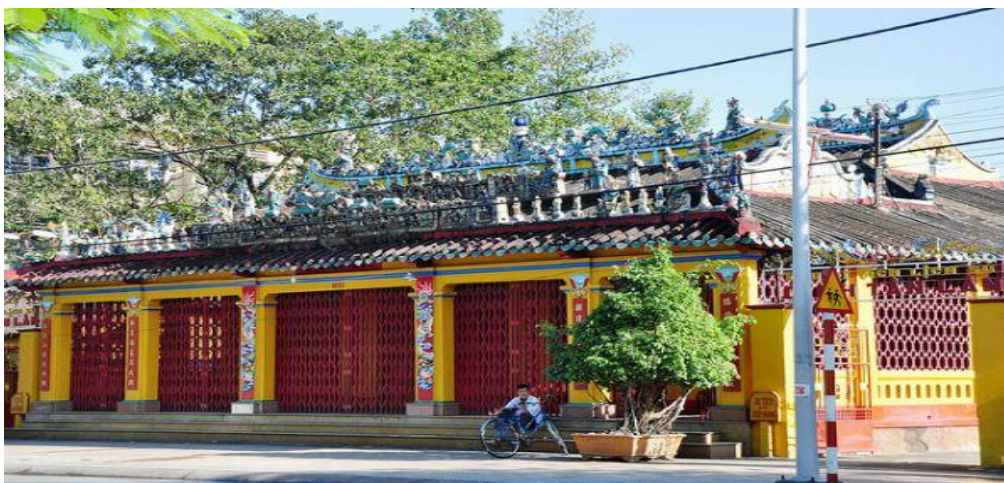
Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc. Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu nhà rường tứ trụ bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp đậm đà mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lâm ở Biên Hòa, đình An Hòa ở Long Thành, đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, chánh điện có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là Tả ban, Hữu ban; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chức vị phối tự như: Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư... Trước mặt bàn thờ Thành Hoàng là bàn La Liệt để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo bàn Hội đồng là bàn Chánh bái, hai bên bàn Chánh bái là Tả hữu bồi tế. Đối diện với chánh điện là Võ ca có mái che nối hoặc không nối với gian chính; nếu không Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có

13 Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 108-113.

14 Đình Nam bộ - tín ngưỡng và nghi lễ, Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường - Hồ Tường, NXB TP.HCM, 1993, T.24



thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải, mặt trước đình thường có bàn thờ thần Nông, thần Hổ, Rái Cá...



*Đình Tân  
Lâm (P. Hòa  
Bình, Biên Hòa,  
Đồng Nai)*



*Đình Phú  
Mỹ (xã Phú  
Hội, huyện Nhơn  
Trạch)*

Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên đại hương chức, Hậu đại hương chức... Liên mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bố cục trong đình cơ bản là giống nhau, nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: Chính thống và dân gian, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Một mặt, về hình thức, đình ở Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực nghiêm ngặt theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: Vừa là trụ sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các hoạt động văn hóa thể thao từ

múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rỗi; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.

#### **14. Những vị thần được phụng thờ**

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai "thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần Linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp"<sup>(15)</sup>. Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Huỳnh Ngọc Trảng và các đồng tác giả xét về nguồn gốc, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc Thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian. Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiền bối hữu công của làng như: Tiền hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.

+ Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền thống.

Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiện thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, miếu thờ khoảng 10 đến 13 vị, nhưng văn cúng còn gọi mời nhiều vị khác như đình Cẩm Vinh chẳng hạn, mời gọi hơn 20 danh thần. Đáng lưu ý ở Đồng Nai là tục thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc. Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền, Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Thiên Chúa giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19.

---

<sup>15</sup> Đình Nam bộ - tín ngưỡng và nghi lễ, sách đã dẫn, trang 35.





*Tác giả tại Đền Hùng Vương tại P. Bình Đa, Biên Hòa*

Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây, huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đũa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.

Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư ở hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngằm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch.

### **15. Lễ hội cúng đình**

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình ở Nam bộ, phần lễ trội hơn phần hội. Do phối tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: Tạp tế và cúng kỳ yên.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các hương chức, hội tề hoặc Ban tế tự dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định.

Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nhất định mà tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy

đu các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần, nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. Nghi thức cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức có ghi vắn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa<sup>(16)</sup>, xét đến nay, không khác mấy: Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: Túc Yết, Đàn cả (Đoàn cả), Tiên hiền - Hậu hiền. Những nghi lễ khác như: Rước sắc thần, Xây châu- đại bội, Đưa khách (Tống phong)... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính.



*Lễ Hội Kỳ Yên tại Đình Tân Lân*

Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về thành phần nhân sự tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Những người trong Ban Tế tự được tuyển chọn, phân công phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức, gia đình "tròn trịa" cuộc sống lành mạnh, như thế mới "hài lòng" thần linh. Thành phần tham gia tế tự gồm: Chánh niệm hương (1 vị danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); Chánh bái (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); Đông hiến và Tây hiến (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); Chấp sự viên (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lệnh, trống lớn, chiêng, mõ); Thị lập (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); Thầy lễ (điều khiển chương trình, đọc văn cúng); Học trò lễ (lễ sinh, ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn, đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); Đào thái (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); Ban nhạc lễ (đầy đủ là 11 người, chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống, kèn, nã bạt...);

<sup>16</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, tập hạ, trang 10-11.

Lính hầu (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); Thủ từ (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn)... Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng.

Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm: hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: thịt luộc, rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món xôi và thịt sống. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần không có đậu (để tinh nguyên); thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu. Lúc chuẩn bị xôi cúng đình, gia đình không được "lộn xộn", tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung, gánh mà là khiêng, đội, để trân trọng, không ô ւế. Người địa phương tin rằng, mâm (dĩa) xôi của mình càng ngon, đơm khéo thì càng được thần phù trợ. Những mâm xôi khéo được chọn càng để gần bàn thần, chủ nhân của nó càng vui, càng nhiều hy vọng.

Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành. Làng nghèo lắm mới cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là thủ vĩ). Thường thì heo tế phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là heo chong. Trước kia, người ta chọn heo đen tuyền, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bản địa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng kỵ heo lang. Làng giàu có thể cúng theo tục cổ. Heo tế phải qua lễ tinh sanh.

Lễ tinh sanh còn gọi là lễ thỉnh sanh thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc Yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tinh nguyên (con heo còn sống không bệnh). Bởi vậy, heo được chọn mua cẩn thận, chăm sóc kỹ, được trói khiêng vào trước bàn thờ thần chọc cho kêu to. Heo kêu to là "thần vui", heo không kêu hoặc kêu nhỏ là điềm xấu. Lễ tinh sanh được cử hành long trọng: Có khởi chinh cổ, lễ sinh bung đèn, nhạc sinh cử nhạc, Chánh niệm hương hành lễ rửa mặt, quỳ lạy; Chánh bái cùng Bồi tế thứ tự lạy thần rồi mới khai dao. Những giọt huyết đầu tiên của heo được hứng vào chén, cạo bỏ vào chén thêm nhúm lông, bịt chén bằng giấy vàng bạc đem cúng bàn thần gọi là mao huyết. Sau khi cúng, mao huyết được đem chôn ở góc cây lớn nhất gần đình (gọi là ế mao huyết) mong cho sự sinh sôi của đất. Những đình có thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục thì kiêng (hèm) giết heo tại bàn thần, chỉ dứa dao vào cổ rồi đưa đi nơi khác. Tục này ngầm ý tránh cảnh "đâm chém" như thần Nguyễn Phục đã thọ nạn. Ngoài thịt sống, bàn La liệt tế thần còn có những món cúng khác, thường có rau luộc - mắm nêm; đình có đông người Hoa đến cúng có thể có heo quay. Đình thờ Võ Tánh ở Phước Tỉnh kiêng cúng thịt quay để tránh nghĩ đến cảnh chết cháy; có đình kiêng cúng heo thiến để không phạm đến đời riêng của Đức ông Lê Văn Duyệt.

Lễ Túc Yết là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đàn cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản có sẵn, mọi đình đều làm theo.

Lễ Đàn cả do người địa phương đọc trại âm từ Đoàn cả mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giao hòa âm dương); những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước sớm (nước đầy vào buổi sớm); nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đoàn cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng: "Ta thần" thay cho "Nghinh thần" khi hành lễ tấn tước.

Lễ Tiên hiền - Hậu hiền nhằm tạ ơn các vị "Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ" và các bậc có công với làng, với đình. Tục xưa, lễ thường diễn ra trong ngày thứ ba (sau Đàn cả), nay thường thu gọn trong ngày, sau lễ Đàn cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết, nhưng không kém phần long trọng.

Ngoài ra, một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như cúng Cô hồn (đình Bình Hòa), lễ Thỉnh sắc, Hồi sắc (đình Cẩm Vinh, đình Thành Hưng), lễ Tống phong còn gọi là lễ Đưa khách (đình Long Thọ, đình Nguyễn Tri Phương)... Lễ cúng Cô hồn theo nghi thức Phật giáo, thực hiện giữa lễ Đàn cả và lễ Tiên hiền, Hậu hiền hoặc trong đêm sau lễ Túc Yết. Lễ thường có cúng thí thực, đốt ông Tiêu, phát chẩn gạo, muối. Lễ Thỉnh sắc hoặc lễ An vị sắc thần thực hiện trước lễ Túc Yết, và Đưa sắc (nếu có lễ rước sắc) sau khi kết thúc hội đình. Lễ Tống phong nhằm mục đích tống ôn dịch đuổi tà khí ra khỏi làng, thực hiện sau khi vãn châu đại bội. Trước kia lễ Tống phong thường được tổ chức ở nhà vuông (nhà võ) của làng vào tháng hai âm lịch, nay đưa vào nhập với lễ Kỳ yên ở đình; lễ vật bày ở sân gồm: thịt luộc xôi gạo, mắm, vàng mã, có sự tham gia hành lễ của thầy pháp hoặc thầy chùa; sau khi đốt vãn cúng và vàng mã, lễ vật được đặt lên bè chuối hình thuyền có hình nhân binh tướng đứng hầu, đưa ra sông thả trôi. Trẻ mục đồng (con cháu thần Nông) được quyền vớt, ăn những thức ăn trên bè ấy. Trong lễ cúng đình, không quên dọn lễ vật cúng ở miếu nhỏ bên ngoài. Đặc biệt, ở bàn thần Nông thường có khoai thịt nọng (vuông thịt ở cổ heo), và xôi bánh; cúng xong để cho trẻ mục đồng giành nhau; nếu trẻ mục đồng không giành hoặc cuộc giành giật không giành co thì là điềm xấu.

Lễ xây châu - đại bội - hát tuồng được thực hiện sau lễ Đoàn cả. Lễ này không thuộc lịch lễ hàng năm, thường là đáo lệ 3 năm một lần, hoặc vào những năm làng có sự vui hệ trọng (như trúng mùa, được sắc phong...)





*Hát bội và tục thờ hát bội ở Đông Nam bộ*

## 16. Miếu và lễ hội cúng bà

Ở Đồng Nai, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thì miếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu.

Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận: "Ngoài đình làng: Nhân dân trong ấp thường dựng lên những "Thổ Chủ" (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính"<sup>(17)</sup>. Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

\* **Miếu độc lập ở làng xã:** Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu khác, thờ "thánh thần", những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

\* **Miếu ở đình, chùa:** Là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị Thổ thần, Sơn thần (thần Hồ), Thánh mẫu, chiến sĩ trận vong.

\* **Miếu ở đất vườn:** Gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ Bà và thần Đất; người địa phương còn gọi là Thổ Chủ.

\* **Miếu lễ ven đường:** Miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là miếu cô hồn.

Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính:

\* **Thờ vong hồn linh ứng:** Những người chết "bất đắc kỳ tử" đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó, các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô

<sup>17</sup> Biên Hòa sử lược, sách đã dẫn, trang 149.



danh, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (như miếu Bình Hòa lập từ năm 1837 thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi (Bình Hòa) thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết...).

\* **Thờ các phúc thần:** Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương... là những linh vật giáng họa nhưng cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ thần Đất dưới dạng Thổ Chủ, Thổ thần hoặc Ông Tà.

\* **Thánh mẫu:** Đa phần miếu ở làng, ấp cũng như ở đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là thờ Bà. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần điện của các miếu, chứng tỏ tín ngưỡng thờ nữ thần "sâu rễ bền gốc" trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính "đạo thờ mẫu" rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai: "...Nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động (quen gọi người phụ nhân tôn quý bằng bà), bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh..."<sup>(18)</sup>.

Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và "lý lịch" khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

\* **Bà Âu Cơ:** Bà mẹ "thủy tổ" của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10/3 âm lịch.

\* **Bà Ngũ Hành:** Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển, không có thần tích cụ thể; ngày

---

<sup>18</sup> Gia Định thành thông chí, sách đã dẫn, trang 4.

vía chính là 5/5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi) được thờ riêng một miếu.

\* **Liễu Hạnh Công chúa:** Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

\* **Bà Chúa thượng ngàn:** Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

\* **Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương:** Là biến thể của Thiên Y A Na Diễn Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.

\* **Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu:** Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

\* **Thiên Hậu Thánh mẫu:** Có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên Hậu ngày 23/3 âm lịch.

\* **Cửu Thiên Huyền Nữ:** Vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9/9 trùng với ngày Trùng Cửu của người Hoa.

\* **Mẹ Thai sanh:** Nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh- với quan niệm là "mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy".

\* **Thủy Long Thần nữ:** Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5/5 âm lịch.

\* **Quan âm Bồ tát:** Vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các

miếu, nhiều khi cũng được cúng đồ mặn như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

\* **Các nữ thần bốn địa:** Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư, người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. Thị Vải, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. Cô bóng Hiên chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khẳng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15 tháng 2 âm lịch. Cô Lê Thị Hồng, một trinh nữ, chết trôi có tám lòng yêu đất yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô. Vía Cô ngày 10 tháng 12 âm lịch.

Trịnh Hoài Đức có nhắc đến Cô Hồng, Cô Các trong Gia Định thành thông chí, nhưng kết quả điền dã chưa tìm được cơ sở thờ cúng các Cô này ở Đồng Nai, chỉ thấy có tên gọi trong văn cúng.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: nước trong, bông tươi, nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thu gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quói. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hồ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan âm Bồ tát như miếu Ngũ Hành ở Cái Vạn (huyện Nhơn Trạch). Vì là thờ nữ thần, cho nên án thờ dù nhỏ vẫn thường được trang hoàng sắc sỡ, có lộng che, rèm phủ. Câu đối xuất hiện nhiều nhất ở miếu Bà:

Vạn cổ đào hoa chiêu Thánh nữ Thiên thu vân tập hội Thần tiên.

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gốm hoặc vẽ tranh lộng kiếng với lõi sản xuất "hàng loạt" cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi dành cho Bà này hay Bà kia. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 bà trong 5 sắc áo khác nhau: Xanh, đỏ, tím, vàng, lục với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đảo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng Vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mẫu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dã nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn

cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu. Lễ vật cúng đơn giản, không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiếng kỵ như cúng đình; bình thường thì: heo quay, heo luộc, mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủ vĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàng bạc, đồ trang sức.. đều được, miễn là lòng thành.

Đêm trước ngày vía, có nơi áo lệ hai ba năm hoặc năm năm một lần tiến hành lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đèn khấn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ "sạch mình" đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nước lá sả, hương nhu, bông bưởi), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp tượng Bà; khăn lau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới. Áo cũ và khăn lau không được dùng vào việc khác, sau phải đốt.

Một số miếu lại có tục nghênh ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh ông bằng kiệu có lỗ bộ<sup>(19)</sup>, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu.

Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về. Riêng lễ hội chùa Bà Thiên Hậu ở Thủ Dầu Một và ở Bửu Long thì thực hiện theo nghi thức của Đạo giáo, với nhiều nghi thức phức tạp; có đám rước Bà đi thăm đình trước ngày lễ chính, có lễ phóng đăng, cúng thí, hát bội, đặc biệt có lễ bắc cầu ngầm ý đón Bà từ biển vào. Lễ bắc cầu vào lúc 0 giờ, đêm đầu tiên của lễ hội. Cầu là một tấm vải đỏ rộng khoảng 0,6 mét, nối dài từ hương án bên ngoài sân vào chính điện. Cách khoảng 15 mét; trên tấm cầu đỏ rắc đầy hoa giấy, vàng bạc. Ba vị pháp sư tụng kinh cầu đón, lúc ngồi ở bàn lễ, lúc đi vòng quanh như đón Bà; Khi Bà đã vào chính điện thì "cầu" được cuốn lại trân trọng để trước án thờ. Lễ cúng Bà dịp tháng 3 năm 1995 ở chùa Thiên Hậu (Bửu Long), là lễ hội kéo dài 3 ngày do các pháp sư chuyên nghiệp cùng với dàn nhạc lễ chuyên trách thực hiện với một hệ thống tiết mục nghi lễ nhiều đến mức đa tạp. Theo Ban tế tự, tổng chi phí cho lễ hội hơn 100 triệu trong đó 20 triệu chi phí cho nhóm pháp sư trong 3 ngày hành lễ.

Lễ cúng Bà Thiên Hậu như đã nêu là một hiện tượng riêng biệt, đáng suy nghĩ. Thông thường ở các miếu khác nghi thức hành lễ giản dị; dân dã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là Hát bóng rỗi, Chập Địa - Nàng; đôi khi còn có hát bội, múa lân như đã nêu ở mục II chương này.

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thần biển, đánh dấu một hồi ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là điểm hội tụ đồng thời cũng là nơi khuếch tán các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần của miền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng

---

<sup>19</sup> Có nơi gọi là lễ bộ

nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa. Người Châu Mạ thờ thần Yang Nđu tối cao, cúng Yang Bri (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng Yang Hiu (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng Yang Bonom (thần núi) và Yang Koi (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng. Người Mạ không coi trọng trình tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái, sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu "nđrih" được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chửa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đực làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xửa đẽ lâu ngày mới chôn, người chết được chia của; thầy chang cúng tế theo nghi thức cổ, làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có lễ bỏ mả như phong tục các dân tộc Tây Nguyên.

Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Mạ, khác nhau ở tiểu tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của cư dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

***\* Cảm nhận của bản thân về những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa - Đồng Nai:***

Với tỷ lệ đa số (trên 90% dân số) trong tỉnh, người Việt ở Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội ở địa phương. Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Đồng Nai là một phức hệ bao gồm nhiều nhân tố hiện gắn bó thiết thực với đời sống tinh thần của người địa phương, thể hiện trong sinh hoạt gắn với vòng đời người (việc sinh, dưỡng, tang, cưới, mừng thọ...) với sinh hoạt cộng đồng (thờ cúng trong nhà, cúng đình, cúng miếu, lễ chùa...).

Tín ngưỡng dân gian truyền thống của cư dân Việt gồm nhiều lớp, xuất phát chung một gốc, đến với Đồng Nai qua hai hệ (Bắc bộ và Trung bộ) đã tạo ra mẫu số chung trong sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Đồng Nai; đó là chất kết dính cư dân Việt ở Đồng Nai với cội nguồn, là hạt nhân, là “gien nội sinh” trong quá trình giao lưu, tích hợp tín ngưỡng của các tộc người khác. Cộng đồng các dân tộc ở Đồng Nai đã sáng tạo nhiều giá trị di sản văn hóa: truyện kể, phong tục tập quán, ngành nghề thủ công, lễ hội... Đây là nguồn di sản quý báu cần được bảo tồn và phát huy hiệu quả hơn trong quá trình phát triển hiện nay. Môi trường xã hội ở Biên Hòa – Đồng Nai có nhiều thay đổi so với trước. Dầu có những thay đổi thế nào, nhưng thiết chế tín ngưỡng, mỹ tục và hệ thống nghi lễ, làng nghề vẫn tồn tại và luôn là một nhu cầu lớn trong đời sống vật chất, tinh thần của con người.

Tập quán, tín ngưỡng của Đồng Nai khá đa dạng, phong phú. Những giá trị văn hóa là thành quả sáng tạo của bao thế hệ tiền nhân, của cộng đồng các dân tộc trải dài trong diễn trình của vùng đất này. Trong các hệ thống tín ngưỡng tôn



giáo bản địa của người Đồng Nai thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên được coi là quan trọng bậc nhất. Ở đó ta thấy được niềm tin của con người vào một thế giới bên kia, nơi có một cuộc sống giống như thế giới mà chúng ta đang sống. Thông qua các nghi lễ thờ cúng con người mong muốn có được sự che chở, giúp đỡ của tổ tiên, lúc nào trong tâm tưởng họ tổ tiên cũng luôn theo sát. Chính niềm tin đó đã giúp họ sống tốt hơn, có thể vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống, đồng thời cũng giúp mọi người xích lại gần nhau hơn. Mỗi dịp giỗ chạp là lúc những người trong gia đình dòng họ có điều kiện để gặp gỡ thăm hỏi nhau, tạo thêm sự thân thiết đoàn kết, gắn bó.

Tín ngưỡng của người Đồng Nai trong quá trình hình thành, tồn tại của nó đã góp phần tạo ra những giá trị đạo đức truyền thống như lòng hiếu thảo, lòng nhân ái, tính cộng đồng, tính cần cù, sáng tạo, lòng hiếu học, lòng yêu nước. Vì thế tập quán, tín ngưỡng như đã khái quát trên có thể nói là vĩnh hằng cùng với sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Hiếu với tổ tiên, ông, bà, cha, mẹ còn được nâng lên cao hơn, đẹp hơn, đó là "hiếu với dân, với nước". Nó có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của mỗi người Việt Nam, nó là một trong những nhân tố góp phần quan trọng để bảo tồn và duy trì văn hóa truyền thống. Phong tục tập quán tín ngưỡng của người Đồng Nai là một tập tục mang đậm nét văn hoá của người Việt.

Riêng bản thân tôi sẽ cố gắng phát huy và luôn giữ mãi nét đặc trưng phong tục, tập quán, những gì cha ông ta đã tạo nên và giữ gìn chúng. Càng nhân rộng thêm để nét văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng của người Việt Nam nói chung và người Đồng Nai nói riêng luôn “Đậm đà bản sắc dân tộc” và mãi trường tồn với thời gian.

## **II. GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI MÀ BẢN THÂN TỪNG BIẾT HOẶC THAM GIA**

### **LỄ HỘI CHÙA ÔNG – CÙ LAO PHỐ, XÃ HIỆP HÒA, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Vào ngày 11 đến 13 tháng giêng hàng năm)*

Được phục dựng vào năm 1684 và được Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia vào năm 2001. Cứ mỗi độ Tết đến Xuân về, vào đầu tháng Giêng âm lịch hàng năm, nhân dân và đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh lại đổ về chùa Ông để cầu an. Đến thăm chùa Ông vào dịp đầu Xuân chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng một công trình kiến trúc hoàn mỹ với những tác phẩm điêu khắc đá, gỗ độc đáo và những phù điêu, tượng gốm tinh tế giàu chất dân gian. Nó thể hiện

sức sống mãnh liệt, phồn thịnh của một đô thị (Thương cảng Cù lao Phố) xưa trên vùng đất Nam bộ. Đây là một ngôi chùa lâu đời có tiếng linh thiêng, vào những ngày lễ hội lớn tôi và gia đình thường tìm đến đây để làm lễ cầu an, cầu sức khỏe, may mắn cho gia đình trong năm mới. Tham dự lễ hội, tôi thêm hiểu về lịch sử hình thành Cù lao phố, Bến Gỗ - Biên Hòa, Sài Gòn - Gia Định và công trạng của các bậc tiền nhân có công khai mở, xây dựng và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai; được thưởng thức những nét văn hóa mang đậm dấu ấn cổ truyền và giá trị tâm linh đặc sắc; đồng thời, thể hiện nét đẹp trong giao lưu văn hóa của cộng đồng các dân tộc ở địa phương. Đây là những tư liệu quý giúp sự hiểu biết của bản thân thêm sinh động.

### **- Vài nét về chùa Ông – Cù Lao phố**

Thất Phủ Cổ Miếu hay còn gọi là chùa Ông ở Cù lao Phố thuộc xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa là một trong những cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Hoa được xây dựng khá sớm ở Nam bộ, là ngôi chùa đánh dấu cột mốc lịch sử cộng cư của người Việt và Hoa trong công cuộc khẩn hoang, lập nghiệp và bảo vệ vùng đất phương Nam còn hoang sơ. Đây cũng là cột mốc giao lưu văn hóa Việt – Hoa trong hơn 320 năm qua ở vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai. Tên gọi ban đầu của chùa Ông là Quan Đế Miếu. Miếu tọa lạc trên một thế đất đẹp; mặt tiền miếu quay về hướng tây - nam nhìn ra sông Đồng Nai. Trước cổng Tam quan có cây si cổ thụ sum suê tỏa bóng mát, soi bóng xuống dòng sông Đồng Nai hiền hòa, gió lộng, nước trong xanh bốn mùa mát rượi. Tất cả đã tạo cho ngôi miếu một quang cảnh thoáng mát, nên thơ nhưng cũng thật thâm u, cổ kính...



Cổng chùa Ông

Từ khi được xây dựng đến nay, di tích này được trùng kiến và trùng tu nhiều lần: 1743, 1817, 1894... Riêng đợt trùng tu 2009-2010 là đợt trùng tu lớn, song tuân thủ nguyên tắc phục chế theo nguyên mẫu, có tôn tạo nhưng không làm thay đổi kiểu thức đã có nên giữ được kiến trúc đặc trưng của ngôi miếu

của cộng đồng người Hoa đã tồn tại trên 320 năm ở vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Thất Phủ cổ miếu - chùa Ông có diện tích khá lớn là một trong hai cơ sở tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Biên Hòa được xây dựng với nguyên liệu đá sô bằng đá xanh Bửu Long. Qui mô kiến trúc miếu theo thức “tứ hợp viện” truyền thống của chùa Hoa với các thành tố chính: tiền điện, trung điện và chính điện.

Nghệ thuật điêu khắc cũng rất đặc sắc. Trước cửa chánh điện treo một “lâu thuyền” hay còn gọi là bức “nghi môn” bằng gỗ được chạm khắc lộng tinh xảo. Lâu thuyền được xem là biểu tượng người Hoa ghi nhớ những ngày vượt biển gian khổ di cư đến Việt Nam. Đây là hiện vật đem từ Trung Quốc sang vào năm Quang Tự (Giáp Ngọ - 1894). Trên các thành phần kiến trúc nhất là các thanh xà ngang, vì, con sơn, thanh chống đứng ở hành lang và các bức hoành phi, bao lam, liễn đối, bệ thờ, bàn hương trong nội thất ngôi miếu. Các đề tài trang trí như: “Rồng châu mặt trời”, “tứ linh”, “hoa điều”, “cửu long”, “bát tiên”, “bách phước”, “múa hát cung đình”, “rồng - mây”, “phù dung - phụng”, dây hoa lá, sóng nước... là những mảng điêu khắc rất đẹp, kỹ thuật đã đạt đến trình độ cao bởi nét đục già dặn, tinh vi, sắc sảo, khỏe khoắn và sinh động. Các nghệ nhân đã rất khéo léo bố cục các đề tài theo nguyên tắc vô tận, gây cảm giác người xem về một thế giới khôn cùng, cái vô hạn trong hữu hạn rất phong phú và phù hợp với tinh thần lão giáo. Tất cả đã tạo cho du khách đến viếng thăm miếu có cảm giác đi từ sự say mê này sang sự thán phục khác và càng khâm phục bàn tay tài hoa, khéo léo của các nghệ nhân bản địa.

Chùa Ông thờ Quan Thánh Đế quân, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Kim Hoa nương nương, Mẹ Sanh, Mẹ Độ, Tài Bạch tinh quân, Tiền Hiền, Thiên Lý Nhân, Thuận Phong Nhĩ. Bên trong Quan Âm Các thờ Phật Bà Quan Âm, phối tự với Bao Công, Triệu Huyền Đàn, Thái Tuế, Tôn Ngộ Không, Hiếu Tử hay Bạch vô thường (Thần Tài âm phủ), Thanh Long trụ, tượng Ông Hồ... Hàng năm, người dân tổ chức cúng lễ vào các dịp như: Vía Quan Công hiển thánh (13 tháng giêng âm lịch), Tết Nguyên Tiêu hay Thượng nguyên (Rằm Tháng giêng âm lịch), vía bà Thiên Hậu (23 tháng 3 âm lịch), Vía ngày mất Quan Công (13 tháng 5 âm lịch) phối tự vía Quan Bình, vía Quan Công bửu đàn (24 tháng sáu âm lịch), tiết Trung Nguyên (từ 10-12 tháng 7 âm lịch), tết Hạ Nguyên (rằm tháng 10 âm lịch) còn gọi là lễ tạ ơn trả lễ cuối năm, vía Châu Xương (30 tháng 10 âm lịch). Ngày 24 tháng 6 âm lịch là ngày lễ lớn nhất trong năm. Vào lễ này, ở chùa Ông tổ chức cúng chay một ngày, thu hút được đông đảo người Hoa và Việt ở trong và ngoài địa phương tham gia. Đặc biệt vào ngày này, các bang người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh cũng về cúng viếng tưởng nhớ công đức của Quan Thánh Đế quân, vị thần phổ biến trong tín ngưỡng dân gian người Hoa.

*- Lễ hội Chùa Ông - sự cộng hưởng, giao thoa văn hóa Việt - Hoa, tri ân những công thần khai phá vùng đất Biên Hòa*

Lễ hội chùa Ông những năm trước đây thường tổ chức đơn giản, ít nghi thức. Từ năm 2013, lễ hội chùa Ông chính thức được tổ chức hoành tráng, phục dựng các nghi thức truyền thống xứng tầm với công lao của các bậc tiền nhân. Ngoài những nghi thức văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng khu vực Cù lao phỏ, lễ hội chùa Ông còn mang bản sắc văn hóa dân tộc của cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa, có sự tham gia tích cực của người Hoa ở TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Thuận cùng đông đảo các tầng lớp nhân dân địa phương và các tỉnh lân cận. Góp phần tạo nên một lễ hội truyền thống lớn hòa chung với chuỗi hoạt động văn hóa mừng Đảng, mừng Xuân của tỉnh Đồng Nai. Việc tổ chức lễ hội đã bảo tồn, khôi phục được những giá trị văn hóa truyền thống; tôn vinh và tri ân các bậc tiền nhân có công khai khẩn vùng đất phương Nam nói chung, Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng. Các công thần được thờ phụng, tôn vinh gồm: Đức ông Trần Thượng Xuyên, người có công giúp nhà Nguyễn bình định đàng Trong và mở mang bờ cõi phương Nam; Đức ông Nguyễn Hữu Cảnh, người xác lập chủ quyền quốc gia tại vùng đất Sài Gòn - Gia Định...



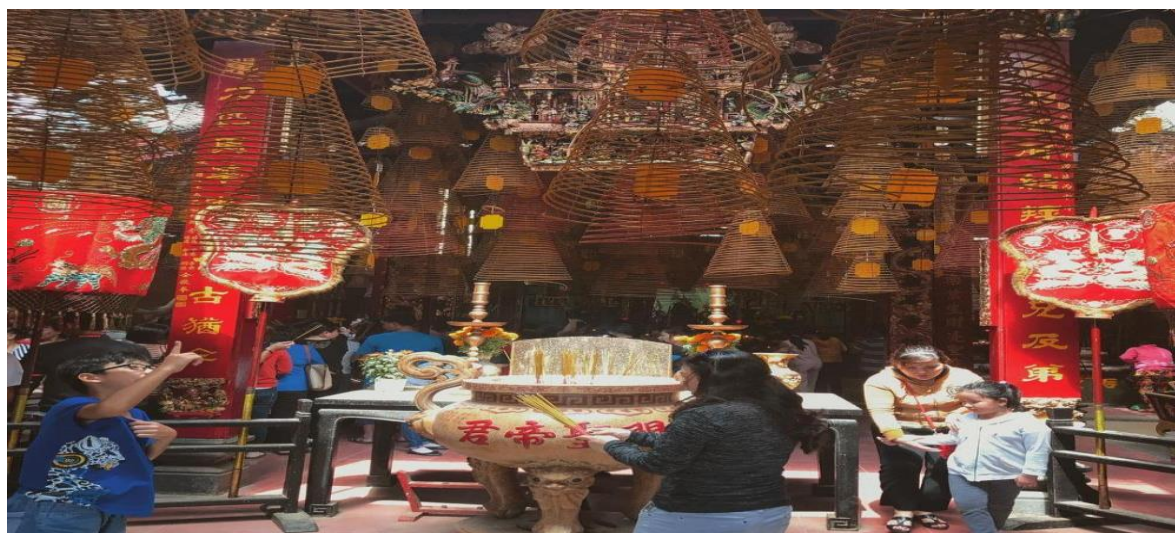
*Lễ Nghinh thần*

Một trong những nghi thức trang trọng nhất của lễ hội chùa Ông là Lễ nghinh thần (tổ chức trước từ sáng ngày mùng 10 tháng giêng), nghi thức rước linh vị của Thượng Đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh (di tích Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh), Đức ông Trần Thượng Xuyên (đình Tân Lâm), Thần Thành hoàng bốn cảnh (đình Bình Quan), Đức ông Quảng Trạch Vương (Chùa Phụng Sơn), các vị Tổ sư (Miếu Tổ Sư) tuần du theo đường thủy, đường bộ thuộc TP Biên Hòa về di tích Chùa Ông dự lễ hội. Đặc biệt, lễ rước Đức ông Trần Thượng Xuyên bằng thuyền trên sông Đồng Nai trở thành điểm nhấn, tạo không khí lễ hội vui tươi, phấn khởi trong dịp đầu năm mới. Phần lễ thu hút đông đảo nhân dân và



du khách hai bên bờ sông Đồng Nai dự khán và chiêm bái. Lễ Nghinh thần nhằm tôn vinh những bậc tiền bối có công trong quá trình khai khẩn vùng đất phương Nam nói chung, Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Bên cạnh đó, còn có Lễ Vía Đức Ông, Lễ Cầu An, với ý nghĩa cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, năm mới được an khang thịnh vượng. Trong những ngày diễn ra lễ hội, nhiều hoạt động văn hóa, tín ngưỡng như: Biểu diễn võ thuật; biểu diễn lân - sư - rồng sôi động, nhiều màu sắc của nhiều đội lân sư rồng tham gia biểu diễn; viết chữ thư pháp - thư họa truyền thống với sự tham gia của Câu lạc bộ thư pháp tiếng Việt thuộc Chi hội Di sản văn hóa Ban quản lý di tích và Danh thắng Đồng Nai nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; biểu diễn các vở tuồng cổ trong 03 đêm liền với các tiết mục phong phú, đặc sắc do các đoàn nghệ thuật của tỉnh nhà và tỉnh lân bản biểu diễn; đặc biệt có hoạt động thả bong bóng, thả đèn hoa đăng rực rỡ, lung linh, huyền ảo vào buổi tối trên sông Đồng Nai trước Chùa Ông để cầu an... tạo nên nét đặc sắc, không khí vui tươi, phấn khởi, tưng bừng rực rỡ cho lễ hội thu hút đông đảo nhân dân, du khách thập phương và các hội quán người Hoa. Các hoạt động này có sự đan xen văn hóa, tín ngưỡng người Việt và người Hoa truyền đời đã định cư tại Biên Hòa từ hơn 320 năm trước tạo nên nét độc đáo, sinh động, hấp dẫn của lễ hội chùa Ông.



*Lễ hội Chùa Ông thu hút khách thập phương*

Ngoài ra, Ban tổ chức lễ hội còn phát động và quyên góp ủng hộ người nghèo trong ba ngày lễ hội. Đây là việc làm ý nghĩa, mang nét truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam “lá lành đùm lá rách”. Đây có thể được xem là những biểu hiện phản ánh triết lý sống và các ứng xử tốt đẹp của người dân đối với những người đã có công hiến cho cộng đồng, trong đó có những người có công tổ chức khẩn hoang lập làng, các bậc tổ sư nghề nghiệp và cả



những người đã ngã xuống để bảo vệ làng xã và cộng đồng. Bên cạnh các giá trị văn hóa, tín ngưỡng như đã nêu, Lễ hội còn nhằm thu hút nguồn lực đầu tư bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích; gắn kết các tour du lịch đến với di tích chùa Ông; tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc sắc của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai được nhiều du khách trong và ngoài nước biết đến.

Riêng bản thân tôi, hiện đang công tác tại phòng An ninh Chính trị Nội bộ Công an tỉnh Đồng Nai, thường xuyên cùng các đồng chí, đồng đội của mình tham gia bảo đảm An ninh trật tự cho các kỳ lễ hội tại Chùa Ông – Cù Lao Phố. Chứng kiến được người người ở các miền trên đất nước về đây tụ hội, tôi rất tự hào và có thể nói con người đã từ lòng tin thần thánh lòng tin tôn giáo mà đến với lòng tin có chứng cứ, tin vào những cái đích thực. Đó là một sự kết nối giữa yếu tố thiêng liêng từ trong cuộc sống trần tục. Niềm tin tín ngưỡng tôn giáo gắn kết cùng với giá trị đạo đức xã hội, tạo nên bề dờ tinh thần vững chắc cho mỗi cộng đồng. Tôi sẽ cố gắng phát huy những phong tục, tập quán từ lâu đời mà ông cha ta đã cất công xây dựng nên. Để tất cả mọi người trên đất nước Việt Nam và cả thế giới biết đến Biên Hòa - Đồng Nai là một điểm đến du lịch đặc trưng, đặc sắc của vùng đất “đậm đà bản sắc dân tộc” này.

### ***III. PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY***

#### **Trả lời:**

#### ***1. Vài nét vùng đất, con người***

Đồng Nai là đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, nằm vị trí 10 22'30" đến 10 36' vĩ Bắc và 107 10' đến 106 4'15" kinh Đông; là vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên.

Tỉnh Đồng Nai có diện tích 5.862,37 km<sup>2</sup>, chiếm 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước. Đồng Nai là tỉnh có nhiều thành phần dân tộc cộng cư. Cư dân Đồng Nai có tinh thần đoàn kết, cần cù trong lao động và kiên cường trong công cuộc giải phóng dân tộc. Xuyên suốt lịch sử giải phóng dân tộc, nhân dân Đồng Nai đã anh dũng, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, gian khổ tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Chặng đường đầy thử thách, gian nan nhưng rất hào hùng ấy đã thấm đượm biết bao sự hy sinh của nhiều thế hệ Đồng Nai, góp phần làm nên trang sử vàng của vùng đất “miền Đông gian lao mà anh dũng”.

Với bề dày về văn hoá, truyền thống và ưu thế chiến lược trong vùng trọng điểm phát triển kinh tế, Đồng Nai là vùng đất đầy năng động trong xu hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay. Kinh tế Đồng Nai sẽ phát triển một khi chúng ta khai thác đúng tiềm năng vốn có của nó, song cũng phải nhìn nhận rằng, với những đặc điểm về dân cư, việc xây dựng, giữ gìn, phát huy

các giá trị văn hoá trên địa bàn Đồng Nai đặt ra những vấn đề cần giải quyết một cách thấu đáo. Công tác xây dựng, giữ gìn và phát huy các giá trị di sản trong đời sống tinh thần trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với mong muốn góp phần vào trong việc: “xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” theo định hướng của Đảng, Nhà nước ta, mà cụ thể là ở địa bàn Đồng Nai.

## ***2. Xây dựng một môi trường văn hoá lành mạnh***

Từ xưa đến nay, bản sắc văn hóa dân tộc làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng người Việt Nam vượt qua biết bao sóng gió, thác ghềnh tưởng chừng không thể vượt qua để không ngừng phát triển và lớn mạnh. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Đảng ta đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết nhằm động viên tối đa nguồn lực nội sinh và ngoại sinh để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc được vun đắp nên trong lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, hình thành qua nhiều thế hệ, tầng nấc thăng biến đổi, phát triển. Vì thế, nó kết tinh những gì đặc sắc nhất, đẹp đẽ nhất, độc đáo nhất của các cộng đồng dân tộc Việt Nam, nó có giá trị bền vững, trường tồn cùng thời gian, nó như chất keo kết nối cộng đồng người gắn bó với nhau, để cùng tồn tại và phát triển. Biểu hiện cụ thể của nó là: Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...

Người Việt Nam yêu nước, căm thù giặc mà đoàn kết đấu tranh, bảo vệ chủ quyền và độc lập của đất nước. Đó là biểu hiện của tinh thần dân tộc, ý thức giữ gìn những gì thuộc về Việt Nam. Nhân dân ta đấu tranh với kẻ thù không chỉ bằng vũ khí, súng đạn mà bằng cả văn hóa. Trong các thời kỳ cách mạng, văn hóa được coi là một mặt trận. Văn hóa trở thành một vũ khí sắc bén để đấu tranh với kẻ thù. Nó có thể phát huy được hiệu quả đấu tranh khi mang trong mình bản sắc, truyền thống dân tộc.

Bề dày của văn hoá vùng và truyền thống cách mạng địa phương là niềm tự hào song cũng vừa là trách nhiệm của con người Biên Hoà – Đồng Nai trong hiện tại. Do đặc điểm về dân cư trong quá khứ cũng như hiện tại, Đồng Nai luôn luôn là một vùng đất mở nên đã, đang và sẽ đón nhận đối với nhiều bộ phận dân cư từ mọi miền đến sinh sống, làm việc. Tính chất mở này làm cho Đồng Nai đa dạng những sắc thái trong đời sống văn hoá. Về mặt xã hội thì đặc điểm mở này tác động đến đời sống tinh thần chung của cộng đồng tại chỗ trước đây và quá trình hội nhập đã xảy ra và về sau. Những yếu tố tích cực làm cho đời sống tinh thần xã hội Đồng Nai phong phú nhưng đồng thời những yếu tố tiêu cực lại tạo nên những ảnh hưởng không nhỏ trong xã hội. Vì vậy, việc xây dựng một môi

trường văn hoá lành mạnh cần phải thực hiện thường xuyên và trên cơ sở tính chất, đặc điểm của địa bàn, của dân cư.

Thế nhưng, những điều đó vẫn chưa đủ khi chúng ta chỉ dừng lại ở dạng phong trào, hoặc chăm chú chạy theo thành tích mà nhiều lúc xem nhẹ chất lượng thật sự của chúng. Khi xây dựng một trường văn hoá lành mạnh ở Đồng Nai, chúng ta cần phải dựa trên những nét đặc thù của địa phương, của từng cụm dân cư. Muốn có một môi trường văn hoá lành mạnh, trước hết phải có một môi trường xã hội lành mạnh, gia đình văn hoá đúng nghĩa. Môi trường văn hoá gắn liền với môi trường sinh hoạt và công tác của tập thể, cộng đồng, dân cư... Trên những tiêu chuẩn chung được qui định, chúng ta phải nhận thấy loại hình nào thích hợp cho việc tuyên truyền, xây dựng và vận động cho từng địa bàn, đối tượng, ví như khu dân cư đô thị, địa bàn đồng bào có đạo, khu dân cư nông thôn, khu đồng bào thiểu số, khu công nhân... Các ngành chức năng trong quản lý nhà nước cần củng cố, hoàn thiện những thiết chế văn hoá cơ sở (nhà văn hoá, phòng truyền thống, bưu điện văn hoá, thư viện, câu lạc bộ...), khuyến khích các hình thức sinh hoạt văn hoá (hội diễn văn nghệ, hội thi, lễ hội...) theo hướng chủ động và tính tự quản của người dân dưới sự hướng dẫn của cơ quan chức năng. Chúng ta vừa “xây” dựng môi trường văn hoá đồng thời phải “chống” lại những hiện tượng, tệ nạn xã hội đi ngược lại văn hoá. Phương châm của chúng ta khi thực hiện là “xây” phải đi đôi với “chống”; xây là biện pháp cơ bản và chống thì phải thực hiện triệt để. Nếu không thực hiện đồng bộ thì không bao giờ đem lại kết quả.

### ***3. Nét mới trong hoạt động giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc***

Vốn văn hóa truyền thống của dân tộc được gìn giữ và phát huy qua nhiều hoạt động văn hóa. Những hoạt động ấy diễn ra thường xuyên, liên tục và trên khắp mọi miền đất nước. Nhiều bộ môn nghệ thuật truyền thống: tuồng, chèo, cải lương, chầu văn, hò Huế... được gìn giữ, được biểu diễn và thu hút nhiều người quan tâm. Những lễ hội vẫn được tổ chức thường xuyên mỗi dịp lễ tết khắp ba miền. Nhiều festival nghệ thuật được tổ chức trong và ngoài nước. Có thêm nhiều tác phẩm có giá trị về đề tài cách mạng và kháng chiến, về công cuộc đổi mới. Nhiều bộ sưu tập công phu từ kho tàng văn hóa dân gian và văn hóa bác học ở Việt Nam qua các thế kỷ được xuất bản, tạo cơ sở cho việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy những giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của dân tộc ta. Nhiều tác giả có xu hướng khai thác kho tàng văn học dân gian làm chất liệu cho sáng tác của mình.

Bảo vệ di sản văn hóa là một việc làm được Đảng và Nhà nước ta hết sức quan tâm, vì di sản là vốn quý của dân tộc để lại cho muôn đời sau. Những việc làm thiết thực hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, quý trọng các danh nhân văn hóa, đền ơn đáp nghĩa những người có công, giúp đỡ những người hoạn nạn... trở thành phong trào rộng khắp trong quần chúng. Nó góp phần gìn giữ những di sản văn hóa tinh

thần quý báu: lòng yêu nước, nhân ái, khoan dung..., nuôi dưỡng tinh thần, sức sống dẻo dai của người Việt Nam trong lịch sử để vươn lên.

Không chỉ quan tâm giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc mà người dân Đồng Nai còn tiếp thu những tinh hoa của nền văn minh thế giới để không ngừng hoàn thiện mình. Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ thế giới cùng với việc mở rộng giao lưu quốc tế là cơ hội để chúng ta tiếp thu thành quả trí tuệ của loài người. Từ đó sáng tạo nên một nền văn hóa mới: kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế. Chiếc áo dài truyền thống có những nét cách tân trong kiểu dáng, hoa văn trang trí. Nhiều bài hát, lấy chất liệu từ dân gian nhưng lại được phối theo những thể loại nhạc hiện đại: pop, Hiphop, Rock... tạo nên sự hấp dẫn cho người nghe. Con người Việt Nam nói chung và người Đồng Nai nói riêng đặc biệt là giới trẻ vẫn giữ được nét giản dị, thuần hậu lại cực kỳ thông minh, nhanh nhẹn, khả năng phán đoán và nắm bắt xã hội hết sức nhạy bén trước nhịp sống phương Tây. Bên cạnh những phong tục đẹp của ngày tết hay những lễ hội truyền thống, người Việt Nam vẫn nô nức tham gia những sinh hoạt văn hóa vốn của phương Tây như Noel, ngày lễ tình yêu valentine, lễ hội hóa trang...

#### ***4. Giữ gìn, phát huy các giá trị di sản văn hoá***

Việt Nam là một đất nước có lịch sử lâu đời, đã để lại một di sản lịch sử to lớn và vô cùng quý giá. Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến bảo vệ, phát huy vốn di sản văn hóa nói chung.

Đồng Nai là một trong những tỉnh phía Nam chứa đựng nhiều giá trị di sản văn hoá. Về di sản vật thể, hiện nay Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng với đa dạng về loại hình: khảo cổ, lịch sử, kiến trúc, tín ngưỡng, lưu niệm danh nhân, truyền thống cách mạng... Bên cạnh đó, còn hàng trăm, hàng nghìn di tích khác cũng không kém phần quan trọng đã góp phần tạo nên một diện mạo văn hoá Đồng Nai qua quá trình hình thành, phát triển của vùng đất này.

Ngành văn hoá thông tin đã có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ các giá trị di sản văn hoá. Ngoài các di tích đã được liệt kê, trên địa bàn tỉnh chúng ta đã thực hiện điều tra, kiểm kê phổ thông và tiến hành lập hồ sơ khoa học cho nhiều di tích khác. Bên cạnh đó, trong các hoạt động hằng năm, nhiều di tích xuống cấp được nhà nước (nguồn Trung ương và địa phương) đầu tư kinh phí để trùng tu, bảo tồn. Tại một số di tích, các cơ quan chức năng thực hiện công tác trưng bày (Chiến khu Đ, Nhà Xanh, Nhà lao Tân Hiệp) để phục vụ cho nhu cầu tuyên truyền, giáo dục. Loại hình văn hoá phi vật thể (lễ hội, phong tục, tập quán, các loại hình nghệ thuật hát, múa nhạc...) cũng được quan tâm sưu tầm để bảo lưu như: Di sản Hán - Nôm trong đình, chùa Biên Hoà; Lễ hội đâm trâu của người Mạ; Nghệ thuật hát, múa nhạc của người Châu Ro, Châu Mạ; Chuyện kể, loại hình hát kể các dân tộc thiểu số bản địa; Tín ngưỡng & lễ hội người Hoa...

Những kết quả trên cho thấy, chúng ta đã không quay lưng lại với giá trị di sản văn hoá bằng những hành động thiết thực. Thế nhưng, do nhiều yếu tố tác

động, công tác bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá này chưa thật sự được quan tâm đúng mức. Nhiều di tích lịch sử còn quản lý thiếu chặt chẽ, tình trạng di tích xuống cấp chưa được trùng tu, tôn tạo kịp thời hoặc trùng tu chưa tương xứng, chưa thật sự khoa học, trong đó có những yếu tố vượt khỏi tầm quản lý của ngành văn hoá. Về di sản văn hoá phi vật thể, ngành văn hoá thực sự chỉ mới bước đầu trong việc nghiên cứu, bảo tồn trong khi chúng đứng trước những nguy cơ mai một thật sự; những giá trị sưu tầm chỉ chiếm một phần khiêm tốn trong khối lượng lớn trước nguy cơ mất đi vĩnh viễn; khối tài sản vô giá này chưa được đánh giá, quan tâm đến độ.

Bảo vệ các giá trị di sản là một việc làm thiết thực nhưng chỉ dừng ở đó cũng chưa đủ. Vấn đề đặt ra là chúng ta làm sao phải phát huy những giá trị trong đời sống hiện tại, phục vụ cho đời sống tinh thần của đại bộ phận quần chúng, để biến những giá trị này thành động lực để phát triển đất nước. Để những giá trị di sản luôn sống, chúng ta không chỉ thực hiện công tác bảo tồn mà còn phải tuyên truyền giáo dục, phổ biến kiến thức về giá trị di sản văn hoá bằng nhiều loại hình phong phú, đa dạng đến với mọi người. Chúng ta cần lưu ý quan tâm đến việc đẩy mạnh giao lưu văn hoá với các địa phương trong nước và ngoài nước khi có điều kiện thuận lợi. Trong điều kiện đất nước mở cửa giao lưu, hội nhập về kinh tế, văn hoá nước ta ngày càng gắn bó chặt chẽ với đời sống văn hoá khu vực và thế giới. Đây là một tiến trình hai chiều. Chúng ta chủ động giới thiệu những giá trị di sản văn hoá đến với bè bạn khắp năm châu song song với việc tiếp nhận những cái hay, cái đẹp, cái tiên tiến từ các nước khác để bồi đắp cho nền văn hoá nước nhà phát triển đồng thời kiên quyết ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực nhân cơ hội xâm nhập vào.

Ở Đồng Nai chúng ta đã làm được gì ? Khi nhắc lại những kết quả đạt được trong thời gian qua, chúng ta tự hào nhưng đừng ru mình trong đó mà quên rằng công việc xây dựng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản là một việc làm luôn được duy trì thường xuyên. Khi nêu lên những mặt yếu kém trong quản lý, thực hiện không phải chúng ta phủ nhận tất cả thành tựu mà chúng ta đã làm được mà để qua đó, chúng ta nhận được những bài học kinh nghiệm để quản lý tốt hơn, làm tốt hơn công nhiệm vụ mà nhà nước giao phó.

### ***5. Nghiêm túc đánh giá những mặt hạn chế, yếu kém***

Sự thật là, trước những biến động chính trị phức tạp trên thế giới, không ít người còn dao động về chính trị, niềm tin vào chủ nghĩa xã hội, phủ nhận thành quả của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Một số người mơ hồ, bàng quan hoặc mất cảnh giác trước những luận điệu thù địch, xuyên tạc, bôi nhọ chế độ ta. Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ... đang gây hại cho thuần phong mỹ tục của dân tộc, không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Nghiêm trọng hơn là sự suy thoái về đạo đức,



lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức quyền.

Giáo dục - đào tạo cũng có những mặt tiêu cực: suy thoái đạo lý trong quan hệ thầy trò; lối sống thiếu lý tưởng, ăn chơi, nghiện ngập... ở một bộ phận sinh viên, học sinh, coi nhẹ giáo dục đạo đức thẩm mỹ và các bộ môn chính trị, khoa học xã hội - nhân văn.

Đời sống văn hóa - nghệ thuật còn những mặt bất cập. Trong sáng tác, lý luận và phê bình có lúc nảy sinh khuynh hướng phủ nhận thành tựu văn học cách mạng kháng chiến. Xu hướng thương mại hóa, chạy theo những thị hiếu thấp kém làm chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mỹ của văn học - nghệ thuật suy giảm. Một số ngành nghệ thuật như điện ảnh, sân khấu, đặc biệt là sân khấu truyền thống còn gặp nhiều khó khăn. Việc giáo dục thẩm mỹ, thị hiếu nghệ thuật cho thanh niên, thiếu niên... chưa được coi trọng. Nhiều cơ sở in, quảng cáo, quán ăn, khách sạn, sàn nhảy... mở tràn lan, chạy theo đồng tiền, hoạt động tùy tiện, không tuân thủ những quy định của pháp luật.

Giao lưu văn hóa với nước ngoài chưa tích cực, chủ động, còn nhiều sơ hở. Số văn hóa phẩm độc hại, phản động thâm lậu vào nước ta quá lớn, trong khi đó nhiều tác phẩm văn hóa có giá trị của nước ta đưa ra bên ngoài quá ít. Chúng ta còn thiếu những biện pháp tích cực giúp đồng bào Việt Nam ở nước ngoài tìm hiểu sâu bản sắc văn hóa dân tộc, liên hệ mật thiết với quê nhà, góp phần đấu tranh với những hoạt động chống phá của các thế lực thù địch đối với nước ta.

### **6. Những nhiệm vụ cấp thiết**

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực còn có mặt tiêu cực của nó đó là nguy cơ xói mòn, phai nhạt và biến dạng hệ thống giá trị trong bản sắc văn hóa dân tộc, sự ru nhập của lối sống tư sản, suy giảm thuần phong mỹ tục, sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Thanh niên là lực lượng xung kích, sáng tạo có vai trò quan trọng to lớn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, họ là lực lượng trực tiếp tham gia bảo vệ, giữ gìn, bổ sung, phát triển và quảng bá những giá trị bản sắc văn hóa dân tộc thông qua việc thực hiện nội dung, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, để phát huy vai trò của thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay chúng ta phải thực hiện có hiệu quả một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:

**Một là**, tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức và năng lực giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc cho thanh niên: đây là giải pháp cơ bản nhằm nâng cao nhận thức, năng lực và hiệu quả hoạt động của thanh niên trong việc tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế hiện nay. Việc thực hiện giải pháp này giúp cho thanh niên nhận thức sâu sắc và đầy đủ quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc. Năng lực và hiệu quả giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phụ thuộc rất lớn vào nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng,

giáo dục truyền thống và giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc. Chính trong quá trình giáo dục mà thanh niên chúng ta lĩnh hội được hệ thống các tri thức khoa học trên mọi lĩnh vực, cùng các giá trị và chuẩn mực văn hóa, đạo đức xã hội, bảo đảm cho sự hình thành, phát triển và hoàn thiện những phẩm chất nhân cách cần thiết đáp ứng với những yêu cầu, chức trách, nhiệm vụ và sự phát triển xã hội. Trên cơ sở đó, xác định rõ vị trí, vai trò và nhiệm vụ của tuổi trẻ đối với sự nghiệp cách mạng nói chung, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói riêng, từ đó ra sức tu dưỡng, rèn luyện nâng cao tinh thần yêu nước, tự tôn, tự hào dân tộc, không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ chuyên môn, đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, giữ vững bản chất truyền thống của ông cha đã dày công vun đắp, tạo dựng nên, huy động nguồn trí tuệ tài năng của sức trẻ, cống hiến thật nhiều cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế hiện nay.

**Hai là**, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của thanh niên thông qua các phong trào của đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: Với thế mạnh thích tìm tòi, khám phá, để khẳng định mình, cho nên muốn thanh niên trưởng thành phải tích cực đưa họ vào hoạt động thực tiễn để tôi luyện, thử thách bản lĩnh, nâng cao phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Khi được trang bị đầy đủ tri thức và bản lĩnh, họ phát huy hết vai trò của mình đối với quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tổ chức thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ, góp phần quyết định việc giữ vững, phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Để đoàn viên thanh niên phát huy vai trò của mình trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tổ chức đoàn, nhất là đội ngũ cán bộ đoàn là luôn đổi mới về nội dung, phương pháp, gắn hoạt động với các cuộc vận động lớn trên phạm vi cả nước, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của phong trào đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên thanh niên.

**Ba là**, thực hiện tốt hoạt động kết nghĩa với đoàn thanh niên địa phương, tích cực nâng cao hiệu quả giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Hoạt động kết nghĩa với thanh niên địa phương là một việc làm rất quan trọng tạo nên sức mạnh to lớn góp phần quyết định làm nên những thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong lịch sử đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc. Thường xuyên tổ chức các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc trao đổi giữa các ban chấp hành đoàn nhằm tìm hiểu tình hình, nhiệm vụ và những vấn đề mới nảy sinh ở địa phương, xây dựng kế hoạch phối hợp mặt công tác trong từng giai đoạn, bảo đảm kế hoạch thống nhất, nhịp nhàng và hiệu quả. Đội ngũ cán bộ đoàn trong quá trình phối hợp tổ chức các hoạt động kết nghĩa phải làm sao cho mỗi người thanh niên nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của họ đối với việc phát triển mọi mặt của địa phương, phải ghi dấu ấn thật sự rõ nét của thế hệ thanh niên thời kỳ hội nhập quốc tế, hoàn thành sứ mệnh và nhiệm vụ lịch sử được nêu trong Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ X: Đoàn kết, sáng tạo, hội nhập và phát triển.

**Bốn là**, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đấu tranh phòng, chống và làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng của các thế lực thù địch đối với cách mạng nước ta. Môi trường văn hóa có vai trò quan trọng to lớn, trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển những giá trị của thanh niên chúng ta trong thời kỳ mới, nó góp phần nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tình cảm cách mạng, xây dựng nhân cách con người mới vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, vừa phát huy bản chất truyền thống, góp phần giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế. Môi trường văn hóa phải được coi như là “phên dậu”, như “rào chắn” có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn và “miễn dịch” trước những tác động, ảnh hưởng, xâm nhập và phá hoại của các hiện tượng phản văn hóa của âm mưu, thủ đoạn diễn biến hòa bình.

Qua cuộc thi tìm hiểu văn hóa lịch sử Đồng Nai năm 2018, tôi thấy rằng những giá trị tinh hoa văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được xây dựng và ghi nhận bởi những chiến công hy sinh thầm lặng của biết bao thế hệ người dân Việt Nam nói chung và Biên Hòa Đồng Nai nói riêng. Nó là kết tinh những gì là tinh túy nhất của dân tộc để rồi chính những giá trị đó lại lung linh tỏa sáng, soi sáng con đường chúng ta đi. Không chỉ bây giờ mà mãi mãi về sau những giá trị tinh hoa văn hóa của dân tộc sẽ là hành trang, động lực để cho thanh niên Việt Nam chúng ta tiến vào kỷ nguyên mới tô thắm nên truyền thống ngàn năm văn hiến của dân tộc.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai, *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930-1995 – Tập 1*, NXB Đồng Nai, năm 1997.
2. Bảo tàng Đồng Nai, *Người Đồng Nai*, Nhà xuất bản Đồng Nai, năm 1995.
3. Phan Đình Dũng – Nguyễn Thanh Lợi (2010), *Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
4. *Những anh hùng đất Đồng Nai*, nhà xuất bản Quân đội nhân dân, tập 1 và 2, năm 2001.
5. *Những ngày ở chiến trường*, nhà xuất bản Công an nhân dân, tập 1-2-3, năm 2010.
6. Ban thường vụ Thành ủy Biên Hòa, *Biên Hòa xưa*, Nhà xuất bản Đồng Nai, năm 2012.
7. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, *Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nhà xuất bản Đồng Nai, năm 1998.
8. Ts.Huỳnh Văn Tới (2005), *Văn hóa Đồng Nai (sơ thảo)*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
9. *Lịch sử vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 – 1995)* – Nhiều tác giả, NXB Quân đội nhân dân.
10. Đồng Nai những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng (1945-1975), NXB Đồng Nai – Hào khí Đồng Nai.
11. Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng (1945 – 1975) - Nhiều tác giả - NXB Đồng Nai 1986.
12. Trang điện tử: [www.Dost-dongnai.gov.vn](http://www.Dost-dongnai.gov.vn)
13. Trang điện tử : <http://dongnai.vncgarden.com>.
14. Báo Đồng Nai online – <http://baodongnai.com.vn> (Nghỉ thức hôn nhân và tang lễ ở Đồng Nai).
15. Một số hình ảnh cá nhân trong lễ cưới, hỏi và hình ảnh chụp tại các di tích lịch sử.
16. Một số tài liệu tham khảo khác

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CÂU 1</b> .....	3
<b>Chương I. ĐỒNG NAI ĐẤT NƯỚC CON NGƯỜI</b> .....	3
<b>Chương II. NHỮNG TRANG SỬ VÀNG CHỐNG NGOẠI XÂM</b> .....	6
<b>CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN I</b> .....	6
1. Cuộc khởi nghĩa của sĩ phu yêu nước.....	6
2. Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh.....	9
3. Trại Lâm Trung.....	11
4. Phú Riêng Đỏ.....	12
5. Chi bộ Bình Phước – Tân Triều và Tỉnh ủy Lâm thời Biên Hòa ...	15
6. Cách Mạng Tháng 8 – 1945 ở Biên Hòa.....	17
<b>KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP LẦN II</b> .....	20
7. Trại Huấn luyện Du kích Vĩnh Cửu.....	20
8. Trận tập kích đầu tiên vào Tỉnh Lỵ Biên Hòa.....	22
9. Trận La Ngà.....	25
10. Biên Hòa – Nơi sản sinh cách đánh đặc công.....	28
11. Chiến khu Đ còn – Sài Gòn mất.....	31
<b>KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC</b> .....	34
12. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp.....	34
13. Trận đánh Mỹ tại Nhà Xanh.....	37
14. Trận đánh đầu tiên vào Sân bay Biên Hòa.....	39
15. Đặc công đánh căn cứ, kho tàng Mỹ ngụy ở Biên Hòa.....	42
16. Tấn công Kho thành Tuy Hạ.....	44
17. Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.....	46
18. Chiến dịch Xuân Lộc đập tan cách cửa thép của Mỹ ngụy.....	48
19. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975, giải phóng toàn Miền Nam và tỉnh Đồng Nai.....	51
<b>CẢM NHẬN VỀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI</b> .....	53
<b>CÂU 2</b> .....	60
<b>I. NHỮNG LỄ THỨC VÀ TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI</b> .....	60
1. Việc sinh dưỡng.....	60



2. Hôn nhân .....	63
3. Việc tang .....	68
4. Thờ cúng trong nhà .....	71
5. Thờ cúng ông bà .....	71
6. Thờ thần độ mạng .....	74
7. Thờ bà (Thờ mẫu) .....	74
8. Thờ cúng các bản gia .....	75
9. Thờ khác .....	76
10. Tết .....	77
11. Những ngày rằm .....	81
12. Những tập quán tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội .....	82
13. Đặc điểm và quá trình hình thành đình thần .....	82
14. Những vị thần được phụng thờ .....	85
15. Lễ hội cúng đình .....	86
16. Miếu và lễ hội cúng bà .....	90
<b>CẢM NHẬN VỀ NHỮNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI DÂN BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI .....</b>	<b>95</b>
<b>II. GIỚI THIỆU MỘT HOẠT ĐỘNG TẬP QUÁN, TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN GẮN VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI MÀ BẢN THÂN TỪNG BIẾT VÀ THAM GIA .....</b>	<b>96</b>
<b>III. PHÁT HUY VÀ BẢO TỒN BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY .....</b>	<b>101</b>
1. Vài nét vùng đất, con người .....	101
2. Xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh .....	102
3. Nét mới trong hoạt động giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa ....	103
4. Giữ gìn phát huy các giá trị di sản văn hóa .....	104
5. Nghiêm túc đánh giá những mặt hạn chế, yếu kém .....	105
6. Những nhiệm vụ cấp thiết .....	106
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>109</b>
<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>110</b>

# THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: **MAI HOÀNG NHƯ NGUYỆT**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày, tháng, năm, sinh: 17/02/185
4. Nghề nghiệp: Công an
5. Dân tộc: Kinh
6. Đảng viên: Đảng Cộng sản Việt Nam
7. Đơn vị Công tác  
Phòng An ninh Chính trị Nội bộ (PA03)  
Công an tỉnh Đồng Nai
8. Hộ khẩu thường trú: 210/10 Khu phố 3, phường Trung Dũng,  
Biên Hòa, Đồng Nai
9. Nơi ở hiện nay: 210/10 Khu phố 3, phường Trung Dũng,  
Biên Hòa, Đồng Nai
10. Số điện thoại: 0919.50.40.94
11. Địa chỉ email: maihoangnhunguyet@yahoo.com